TẠP CHÍ
Môi trường
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG
VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM)
Website: tapchimoitruong.vn
ISSN: 1859 - 042X
Số 5
2019

KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN ĐẤT NGẬP NƯỚC VÂN LONG - KHU RAMSAR THỨ 9 CỦA VIỆT NAM (KHU RAMSAR SỐ 2360 CỦA THẾ GIỚI)

Kết quả rà soát các văn bản pháp luật và đề xuất phương án thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn

Đánh giá Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 và xây dựng nhiệm vụ Quy hoạch cho giai đoạn mới

Từ chi tiết dùng lá chuối gói hàng nghĩ về văn hóa tiêu dùng Việt Nam

Website: www.tapchimoitruong.vn

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TS. **Nguyễn Văn Tài**
(Chủ tịch)
GS. TS. **Nguyễn Việt Anh**
GS. TS. **Đặng Kim Chi**
PGS. TS. **Nguyễn Thế Chinh**
GS. TSKH. **Phạm Ngọc Đăng**
TS. **Nguyễn Thế Đồng**
PGS. TS. **Lê Thu Hoa**
GS. TSKH. **Đặng Huy Huỳnh**
PGS. TS. **Phạm Văn Lợi**
PGS. TS. **Phạm Trung Lương**
GS. TS. **Nguyễn Văn Phước**
TS. **Nguyễn Ngọc Sinh**
PGS. TS. **Lê Kế Sơn**
PGS. TS. **Nguyễn Danh Sơn**
PGS. TS. **Trương Mạnh Tiến**
TS. **Hoàng Dương Tùng**
PGS. TS. **Trịnh Văn Tuyên**

TỔNG BIÊN TẬP
Đỗ Thanh Thủy
Tel: **(024) 61281438**

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trị sự: **(024) 66569135**
Biên tập: **(024) 61281446**
Fax: **(024) 39412053**
Email: **tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn**
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 907, Tầng 9 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM
Tel: **(028) 66814471** - Fax: **(028) 62676875**
Email: **tcmtphianam@gmail.com**

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: **Nguyễn Việt Hưng**
Bìa: **Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, Ninh Bình**
Ảnh: **Ninh Mạnh Thắng**
Chế bản & in:
C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 5/2019

Giá: 20.000đ

SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

[8] • Bộ TN&MT - Bộ GD&ĐT: Ký kết Chương trình phối hợp về công tác bảo vệ môi trường

[9] • Lễ mít tinh Kỷ niệm Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học 2019: Đa dạng sinh học của chúng ta, thực phẩm của chúng ta, sức khỏe của chúng ta

[11] • Diễn đàn đối tác về bảo tồn đa dạng sinh học

LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

[12] THU HẰNG: Tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn ở Việt Nam

[14] NGUYỄN HƯNG THỊNH: Kết quả rà soát các văn bản pháp luật và đề xuất phương án thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn

[19] NGUYỄN THÀNH VĨNH - NGUYỄN NGỌC LINH - NGÔ XUÂN QUÝ: Đánh giá Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 và xây dựng nhiệm vụ Quy hoạch cho giai đoạn mới

[22] ĐINH VIẾT HỒNG: Xây dựng Nam Đàn trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu

[25] LÊ THƯƠNG: Hà Nội: Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn đa dạng sinh học

[27] ĐỖ THỊ HƯƠNG: Thực trạng và giải pháp quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

[31] NGUYỄN VŨ TRUNG: Công tác xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

[34] NGUYỄN THỊ LIÊN: Một số đề xuất mới về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

[36] VŨ LÂN: Từ chi tiết dùng lá chuối gói hàng nghĩ về văn hóa tiêu dùng Việt Nam

[39] ĐINH XUÂN LẬP: Bảo tồn các loài thủy sản đặc hữu, quý hiếm ở Việt Nam

[42] NGUYỄN THÀNH TÀI: Cần có khung pháp lý thống nhất và cơ chế ưu đãi để thúc đẩy xã hội hóa xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TRONG SỐ NÀY

GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

[44] LỆ HÀ: Vị giáo sư tâm huyết với công trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải rắn sinh hoạt

[46] HOÀNG KHANG: Gặp người phụ nữ biến rác thải thành tiền

[47] LÊ SỸ CƯƠNG - HOÀNG KIM NGỌC: Ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển nền nông nghiệp sạch ở Việt Nam - Yêu cầu bức thiết trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

[57] PHƯƠNG LÊ: Mô hình trồng dưa lưới công nghệ cao, thân thiện với môi trường của chàng trai vùng khó Quảng Trị

[58] PHẠM HỒNG DƯƠNG: Nhà máy đốt rác sinh hoạt phát điện Cần Thơ: Giải quyết vấn đề rác thải sinh hoạt, tạo ra nguồn năng lượng mới thân thiện với môi trường

MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

[60] TRƯƠNG THỊ HẬU: Người công nhân vệ sinh môi trường tỏa sáng tại Giải thưởng Tôn Đức Thắng lần thứ 18

[61] LÊ THỊ NGỌC: Thành phố Hội An - Nơi "bật một que diêm" trong Cuộc vận động cộng đồng hạn chế sử dụng các sản phẩm từ nhựa

[63] TRẦN CỪ: Bảo tồn loài lưỡng cư quý hiếm trong VQG Hoàng Liên

[64] NGUYỄN HÀO: Người hồi sinh loài sâm quý, hiếm ở núi Dành

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

[66] ĐỖ HUYỀN: Làng đô thị xanh - Mô hình hướng tới sự phát triển bền vững

[68] VŨ VĂN DOANH: Phù Yên: Trồng cây ăn quả phủ xanh đất trống, đồi trọc, góp phần xây dựng nông thôn mới

[70] TRƯƠNG THỊ GIANG: Tam Đường: Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu gắn với phát triển du lịch cộng đồng

NHÌN RA THẾ GIỚI

[72] LÊ THỊ HƯỜNG: Kiểm soát ô nhiễm không khí ở Bắc Kinh

[74] MINH HUỆ: Độc đáo "Làng chai nhựa" ở Panama

BỘ TN&MT VÀ BỘ GD&ĐT:

Ký kết Chương trình phối hợp về công tác bảo vệ môi trường

Ngày 8/5/2019, tại Hà Nội, Bộ TN&MT phối hợp với Bộ GD&ĐT ký kết Chương trình phối hợp về công tác BVMT. Tham dự Lễ ký kết có Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Phùng Xuân Nhạ, cùng đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hai Bộ.

Phát biểu tại Lễ ký kết, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, hiện nay, cuộc sống đang phát triển ngày càng hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, đối lập với vấn đề đó là tình trạng ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp. BVMT hơn bao giờ hết đã trở thành nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội. Để giải quyết thành công bài toán ô nhiễm môi trường, phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, Bộ trưởng cho rằng, trước hết cần bắt đầu từ việc giáo dục, nâng cao ý thức, nhận thức về BVMT cho mỗi người dân, cộng đồng, đặc biệt là lứa tuổi, cấp học nhỏ nhất.

▲ *Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Phùng Xuân Nhạ ký kết Chương trình phối hợp*

Nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được Chính phủ giao, đồng thời hưởng ứng Thư kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa, nâng cao nhận thức và ý thức về BVMT, đảm bảo phát triển bền vững đất nước, Bộ TN&MT phối hợp với Bộ GD&ĐT ký kết chương trình phối hợp về công tác BVMT giai đoạn 2019-2025.

Theo đó, Chương trình phối hợp sẽ tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nội dung giáo dục BVMT trong các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo tại cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với BVMT trong giai đoạn tới; Rà soát, xây dựng và phát triển hệ thống tài liệu, sổ tay hướng dẫn, tài liệu điện tử, học liệu… về giáo dục BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, trong đó chú trọng nội dung giảm thiểu, thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi nilon khó phân hủy; Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về BVMT; Triển khai thực hiện các chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kiến thức về BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; Tổ chức các cuộc thi, trao giải thưởng trong lĩnh vực giáo dục BVMT.

Lễ ký kết đã đánh dấu cho sự phối hợp chặt chẽ giữa hai Bộ với nội dung triển khai giai đoạn 2019-2025. Qua đó, tìm ra những giải pháp tốt nhất cho ngành TN&MT và GD&ĐT để tạo ra sự thúc đẩy, phát triển công tác giáo dục thế hệ học sinh có ý thức cao trong BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu, đưa ra được những thông điệp, tấm gương có ý nghĩa lan tỏa trong toàn xã hội.

MAI HƯƠNG

LỄ MÍT TINH KỶ NIỆM NGÀY QUỐC TẾ ĐA DẠNG SINH HỌC 2019:

Đa dạng sinh học của chúng ta, thực phẩm của chúng ta, sức khỏe của chúng ta

Ngày 22/5/2019, tại Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) đất ngập nước (ĐNN) Vân Long (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), Bộ TN&MT phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình tổ chức Lễ mít tinh kỷ niệm và các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học (ĐDSH) năm 2019 với chủ đề "ĐDSH của chúng ta, thực phẩm của chúng ta, sức khỏe của chúng ta" và trao Bằng công nhận KBTTN ĐNN Vân Long là khu ĐNN có tầm quan trọng quốc tế (Ramsar). Tham dự Lễ mít tinh có Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình Phạm Quang Ngọc, cùng đại diện các sở ban, ngành và đông đảo lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên và nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Phát biểu tại Lễ mít tinh, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân nhấn mạnh, chủ đề Ngày Quốc tế ĐDSH năm nay nhằm thúc đẩy việc tìm hiểu các kiến thức và tăng cường truyền thông về mối liên hệ giữa thực phẩm, dinh dưỡng và sức khỏe con người với ĐDSH, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phục hồi hệ sinh thái, làm trong sạch nguồn nước và không còn nạn đói. Đồng thời, tôn vinh sự đa dạng, phong phú của tự nhiên đã cung cấp cho con người, làm nền tảng cho sự tồn tại, phát triển của con người trên Trái đất.

Việt Nam là quốc gia được thiên nhiên ưu đãi về sự phong phú, đa dạng của các hệ sinh thái, các loài và tài nguyên di truyền. Kết quả điều tra cho thấy, có 10% số loài thú, chim và cá của thế giới tìm thấy ở Việt Nam, hơn 40% số loài thực vật thuộc loài đặc hữu không tìm thấy nơi nào khác ngoài Việt Nam. Là một quốc gia có tính ĐDSH cao, nhưng Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nguy cơ suy thoái ĐDSH và sự mất cân bằng sinh thái diễn ra mạnh mẽ, gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của con người, đe dọa sự phát triển bền vững của Trái đất. Do vậy, công tác bảo tồn ĐDSH cần một sự hợp tác đa bên, sự vào cuộc mạnh mẽ của toàn xã hội mới có thể đạt được mục tiêu đề ra của Công ước ĐDSH, cũng như mục tiêu của Chiến lược quốc gia về ĐDSH.

▲ *Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân phát biểu khai mạc Lễ mít tinh kỷ niệm*

Để hưởng ứng Ngày quốc tế ĐDSH năm 2019, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đề nghị các Bộ, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cho cán bộ, cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ về giá trị vai trò của ĐDSH đối với việc đảm bảo lương thực thực phẩm, cung cấp dinh dưỡng và đảm bảo sức khỏe con người, phát triển kinh tế - xã hội; Tuyên truyền thực hiện các quy định pháp luật về bảo tồn ĐDSH, chú trọng các nội dung về bảo tồn và phát triển các giống vật nuôi, cây trồng; Phát động phong trào bảo tồn ĐDSH tại địa phương, sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, thực hiện tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường, không buôn bán, sử dụng các loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm, ưu tiên bảo vệ; Thực hiện các mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH gắn với xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, thực hiện các hoạt động nuôi, trồng kết hợp với khai thác bền vững các loài sinh vật, đặc biệt trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, dược liệu và chế biến.

Lễ kỷ niệm, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đã tiến hành trao Bằng công nhận KBTTN ĐNN Vân Long là khu Ramsar cho tỉnh Ninh Bình. KBTTN ĐNN Vân Long đã được Ban thư ký Công ước Ramsar trao bằng công nhận là khu Ramsar thứ 2.360 của thế giới (khu Ramsar thứ 9 của Việt Nam) tại Hội nghị các bên tham gia Công ước Ramsar lần thứ 13 tại Thành phố Dubai, Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất. Đây là một vùng ĐNN nội địa nguyên vẹn còn sót lại ở đồng bằng sông Hồng, bao gồm các dòng sông, hồ nước nông và thảm thực vật ngập

nước phong phú, mang các đặc tính sinh thái đặc thù tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo cho khu bảo tồn. Nơi đây được bao bọc bởi một hệ thống đá vôi rất nổi tiếng với hệ thống hang động đẹp và thảm thực vật đặc trưng cho hệ sinh thái núi đá vôi (karst), là môi trường sống chính của loài voọc Delacour, một trong những loài linh trưởng đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức toàn cầu và chỉ còn ở Việt Nam. Khu vực này đạt 2 kỷ lục về thiên nhiên của Việt Nam là "khu bảo tồn có đàn voọc lớn nhất Việt Nam" và "khu vực có bức tranh tự nhiên lớn nhất Việt Nam - bức tranh núi mèo cào".

Nhân dịp này, Lãnh đạo tỉnh Ninh Bình và huyện Gia Viễn đã cam kết tiếp tục bảo tồn, khai thác và sử dụng hợp lý các giá trị của KBTTN ĐNN Vân Long, xứng danh là khu Ramsar. Đồng thời kêu gọi mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh cùng tham gia hưởng ứng bảo tồn ĐDSH, BVMT bằng những hành động thiết thực vì một nền kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

Cũng trong khuôn khổ hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế ĐDSH, Tổng cục Môi trường đã phối hợp với Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Sở TN&MT tỉnh Ninh Bình tổ chức Hội thảo Giáo hội Phật giáo với công tác bảo tồn ĐDSH.

▲ *Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân trao Bằng công nhận KBTTN ĐNN Vân Long là khu Ramsar cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình Phạm Quang Ngọc*

Tại Hội thảo, các đại biểu đã cùng trao đổi và thảo luận về các nội dung như phân tích và làm rõ hiện trạng, thách thức đang đặt ra đối với công tác bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH; đánh giá những kết quả đạt được của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và sự phối hợp với chính quyền địa phương các cấp về công tác bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH trong thời gian vừa qua; đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi, mô hình hay, hoạt động cụ thể nhằm tăng cường sự gắn kết, phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo với công tác bảo tồn thiên nhiên, ĐDSH, BVMT trong thời gian tới■

NGUYỄN HẰNG

▲ *Đông đảo lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên và nhân dân tỉnh Ninh Bình tham sự Lễ mít tinh*

Diễn đàn đối tác về bảo tồn đa dạng sinh học

Trong hai ngày 22-23/5/2019, tại Quảng Ninh, Tổng cục Môi trường và UNDP Việt Nam đã phối hợp tổ chức Diễn đàn đối tác về đa dạng sinh học (ĐDSH). Diễn đàn có sự tham dự của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài; Chủ tịch Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam Nguyễn Ngọc Sinh, cùng đại diện các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, các chuyên gia trong lĩnh vực ĐDSH và cơ quan truyền thông.

▲ *Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài phát biểu tại Diễn đàn*

▲ *Toàn cảnh Diễn đàn*

Phát biểu khai mạc Diễn đàn, Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài nhấn mạnh, ĐDSH đóng góp lớn cho các nền kinh tế, là cơ sở đảm bảo an ninh lương thực; duy trì nguồn gen vật nuôi, cây trồng; cung cấp các vật liệu cho xây dựng và các nguồn nhiên liệu, dược liệu. Theo báo cáo đánh giá dịch vụ hệ sinh thái toàn cầu 2019 cho thấy, ước tính trên thế giới 4 tỷ người sử dụng thuốc có nguốc gốc tự nhiên chăm sóc sức khỏe, 70% các loại thuốc chữa ung thư có nguồn gốc tự nhiên hoặc sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, 75% các loại cây trồng toàn cầu gồm các loại cây ăn quả, rau và nhiều cây công nghiệp khác như cafe, coca và hạnh nhân... thụ phấn nhờ các loài động vật. Điều này cho thấy tầm quan trọng, mối quan hệ trực tiếp, tác động hàng ngày của ĐDSH đến cuộc sống của con người.

Là nước thành viên của Công ước ĐDSH từ năm 1994, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để thực hiện các mục tiêu đã cam kết. Bảo tồn ĐDSH ngày càng huy động được sự vào cuộc của các Bộ, ngành, các cấp, các tổ chức trong nước, quốc tế và cộng đồng. Chính sách, pháp luật về bảo tồn ĐDSH ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng với tình hình thực tế. Đặc biệt, các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Chính phủ nhấn mạnh vai trò của ĐDSH và dịch vụ hệ sinh thái trong phát triển bền vững, BVMT, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhiều sáng kiến đã được đề xuất và thực hiện đóng góp cho bảo tồn ĐDSH, sử dụng bền vững dịch vụ các hệ sinh thái và cải thiện sinh kế của người dân. Tuy nhiên, áp lực lên ĐDSH vẫn tiếp tục gia tăng, bảo tồn ĐDSH vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức.

Tại Diễn đàn, các đại biểu đã được cập nhật các thông tin về kết quả của Hội nghị các bên tham gia Công ước ĐDSH lần thứ 14 và các Nghị định thư vừa mới được tổ chức vào cuối năm 2018, các chính sách mới về ĐDSH, những kết quả, sáng kiến bảo tồn của các tổ chức trong nước và quốc tế, đồng thời thảo luận các vấn đề trọng tâm và cơ chế phối hợp để tăng cường hiệu quả công tác bảo tồn ĐDSH trong thời gian tới.

NAM VIỆT

Tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn ở Việt Nam

Ngày 8/5/2019, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức 2 Hội thảo "Quản lý nhà nước về chất thải rắn (CTR)" và "Mô hình quản lý và công nghệ xử lý CTR sinh hoạt (CTRSH)". Đây là diễn đàn để các đơn vị quản lý ở Trung ương và địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp… trao đổi, thảo luận về những kết quả đạt được và tồn tại, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về CTR; phân tích ưu điểm, cũng như hạn chế của các mô hình công nghệ xử lý CTRSH hiện nay tại Việt Nam. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần tăng cường hiệu quả công tác quản lý CTR trong thời gian tới.

▲ *Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân phát biểu tại Hội thảo Quản lý nhà nước về CTR*

HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CTR

Trong thời gian qua, sự gia tăng dân số cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng, đồng thời lượng CTR phát sinh cũng ngày càng nhiều, gây khó khăn cho công tác quản lý CTR ở Việt Nam. Mặc dù, tỷ lệ thu gom CTRSH vẫn tăng hàng năm, nhưng do lượng CTR phát sinh lớn, năng lực thu gom còn hạn chế, cùng với ý thức cộng đồng chưa cao nên tỷ lệ thu gom vẫn chưa đạt yêu cầu. Do đó, công tác quản lý CTR còn nhiều bất cập, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự trên nhiều địa phương. Trước thực trạng trên, tại Phiên họp thường kỳ tháng 1/2019, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019, giao Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối, thống nhất quản lý nhà nước về CTR; Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về vấn đề rác thải và xử lý rác thải trên địa bàn. Bên cạnh đó, Luật BVMT cũng quy định, Bộ TN&MT có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện hoạt động quản lý chất thải nói chung; các Bộ: Xây dựng, Y tế và GTVT được giao chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT tổ chức triển khai các quy định của pháp luật về BVMT trong phạm vi, lĩnh vực ngành quản lý.

Tuy nhiên, các văn bản dưới Luật (Nghị định số 36/2017/NĐ-CP; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) có sự phân đoạn, không rõ ràng trong phân công chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về CTR; việc quy định, phân luồng quản lý CTR chưa thống nhất. Cùng với đó, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn đang thống nhất giao Bộ TN&MT tổ chức thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý môi trường về CTR, bao gồm cả thẩm định, đánh giá công nghệ mới lần đầu áp dụng ở Việt Nam, nhưng tại Khoản 3, Điều 27, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP lại giao trách nhiệm này cho Bộ KH&CN. Trong khi đó, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật KH&CN thì giao việc thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư cho ngành KH&CN (Bộ KH&CN và Sở KH&CN).

Trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật, Tổng cục Môi trường đang đề nghị xem xét, sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 4/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương, nhằm chuyển chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về CTR thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị... từ Sở Xây dựng sang Sở TN&MT. Tổng cục Môi trường cũng đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về CTR của các Bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Khoản 2, Điều 19, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (quy định các biện pháp để thực hiện chính sách về môi trường thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ).

Bàn về giải pháp thống nhất quản lý CTR tại Hội thảo, các đại biểu tập trung thảo luận vào những vấn đề lớn hiện nay như: Tồn tại, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về CTR; cơ chế, chính sách liên quan đến ưu đãi đầu tư dự án xử lý CTR; quy hoạch quản lý CTR cấp liên tỉnh hoặc cấp vùng; định mức, đơn giá thu gom, xử lý CTR. Đồng thời các chuyên gia trong nước và quốc tế cũng đã chia sẻ kinh nghiệm của một số quốc gia trong công tác quản lý nhà nước về CTR.

CẦN CÓ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ TRONG CÔNG TÁC XỬ LÝ CTRSH

Tại Hội thảo "Mô hình quản lý và công nghệ xử lý CTRSH", các báo cáo tham luận cho thấy, tại các khu đô thị, lượng CTRSH phát sinh khoảng 38.000 tấn/ngày và khu vực nông thôn là 32.000 tấn/ngày. Trong đó, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải khu vực đô thị đạt 85%, khu vực nông thôn từ 40 - 55%. Phương pháp xử lý CTRSH chủ yếu là chôn lấp, nhưng chỉ 30% các bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Ngoài ra, trên cả nước hiện có khoảng 30 cơ sở xử lý chất thải thành phân mùn hữu cơ và gần 300 lò đốt CTRSH, chủ yếu là lò đốt rác cỡ nhỏ, quy mô cấp xã. Việc đầu tư, xây dựng các khu xử lý chất thải, bãi chôn lấp hợp vệ sinh mới chỉ thực hiện ở một số tỉnh có nguồn thu ngân sách lớn. Vì vậy, vấn đề nổi cộm trong công tác quản lý CTR ở Việt Nam hiện nay là lựa chọn mô hình quản lý và công nghệ xử lý CTRSH phù hợp.

▲ *Toàn cảnh Hội thảo Mô hình quản lý và công nghệ xử lý CTRSH*

Tại Hội thảo, một số mô hình công nghệ xử lý CTRSH đang áp dụng hiệu quả đã được giới thiệu, như: Công nghệ xử lý CTRSH bằng phương pháp đốt phát điện; xử lý CTRSH thành phân vi sinh; phương pháp chôn lấp; điện khí hóa và đốt rác thông thường. Trong đó, Dự án Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện Cần Thơ tại ấp Trường Thọ, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, tỉnh Cần Thơ do Công ty TNHH Everbright International (Trung Quốc) đầu tư, khởi công từ tháng 6/2017 được các đại biểu quan tâm và đánh giá cao. Tiếp đó là Dự án Sử dụng kỹ thuật đốt rác phát điện để xử lý rác thải sinh hoạt, công suất xử lý 400 tấn/ngày, công suất phát điện khoảng 8MW, dự kiến nối lưới khoảng 5,5 - 6 MW; Dự án Nhà máy phân loại xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình do Công ty TNHH Phát triển Dự án Việt Nam làm chủ đầu tư. Đây là công nghệ tích hợp 3 công nghệ thông thường, nhằm thu hồi vật liệu có thể tái chế, tạo khí phát điện, sản xuất phân hữu cơ, xử lý được CTRSH (công suất 245 tấn/ngày) và chất thải nông nghiệp (công suất 76 tấn/ngày); công nghệ chuyển hóa CTR thành điện do Công ty TNHH Thủy lực - Máy nghiên cứu đầu tư, sử dụng khí tổng hợp syngas để chạy động cơ đốt trong phát điện.

Tuy nhiên, theo các đại biểu, công nghệ xử lý CTR phát điện trong nước chưa thể làm chủ và nhân rộng, bởi tổng mức đầu tư khá cao so với các công nghệ xử lý CTR khác; chưa có ưu đãi đối với giá xử lý CTR và cơ chế hỗ trợ chưa phù hợp... Bên cạnh đó, hầu hết công nghệ xử lý CTRSH nhập khẩu không phù hợp với thực tế CTR ở Việt Nam; nhiệt trị của CTRSH thấp, độ ẩm không khí cao; thiết bị, công nghệ xử lý CTR trong nước chưa đồng bộ, hiện đại, mức độ tự động hóa của hệ thống thiết bị trong dây chuyền công nghệ thấp, chưa được sản xuất ở quy mô công nghiệp… Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung thảo luận về những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong công tác quản lý CTRSH; phân tích ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế của các mô hình công nghệ xử lý, từ đó đề xuất, kiến nghị giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý CTRSH trong thời gian tới.

Phát biểu kết luận Hội thảo, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân chỉ đạo Tổng cục Môi trường tiếp thu, tổng hợp ý kiến góp ý của các đại biểu và khẩn trương xây dựng, hoàn thiện nội dung Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về CTR, trình Chính phủ; phối hợp với Sở TN&MT các tỉnh trực thuộc Trung ương tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá công tác quản lý CTR trên phạm vi toàn quốc. Mặt khác, nghiên cứu, xây dựng Dự thảo tiêu chí lựa chọn công nghệ và danh mục các công nghệ xử lý CTRSH, khuyến cáo để các địa phương tham khảo, áp dụng… Thứ trưởng cũng đề nghị Tổng cục Môi trường và các đơn vị liên quan tiếp tục phối hợp, nghiên cứu phương án sử dụng ngân sách nhà nước để thuê tư vấn quốc tế lập quy hoạch BVMT, trong đó có nội dung về quy hoạch quản lý CTR. Đồng thời, các Bộ liên quan cần phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT; các địa phương thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019, nhằm tìm ra giải pháp hợp lý, góp phần tăng cường hiệu quả công tác quản lý, thu gom, xử lý CTR trên phạm vi cả nước.

THU HẰNG

Kết quả rà soát các văn bản pháp luật và đề xuất phương án thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn

ThS. NGUYỄN HƯNG THỊNH - *Phó Tổng cục trưởng*
Tổng cục Môi trường

Hiện nay, chất thải rắn (CTR) đang được quản lý theo các quy định về chất thải nguy hại (CTNH), CTR sinh hoạt (CTRSH), CTR công nghiệp thông thường và các chất thải đặc thù từ các hoạt động y tế, xây dựng, nông nghiệp, giao thông vận tải... Việc quản lý CTR đang có sự tham gia, giao thoa của các Bộ, ngành, thiếu đầu mối quản lý thống nhất, đặc biệt giữa Bộ TN&MT với Bộ Xây dựng trong quản lý CTRSH. Để giải quyết các tồn tại, bất cập, khó khăn trong quản lý nhà nước (QLNN) về CTR, tại Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019, Chính phủ đã thống nhất giao Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối, thống nhất QLNN về CTR; giao Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về vấn đề rác thải và xử lý rác thải trên địa bàn.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ TN&MT đã tiến hành rà soát các văn bản pháp luật, các quy định hiện hành về phân công trách nhiệm QLNN của các Bộ, ngành và địa phương trong công tác quản lý CTR để đề xuất các phương án thống nhất QLNN về CTR. Thực tế hiện nay, bên cạnh hệ thống pháp luật về BVMT, công tác QLNN về CTR còn được quy định ở các hệ thống pháp luật chuyên ngành khác có liên quan như xây dựng, quy hoạch, quy hoạch đô thị... Do đó, việc rà soát, đánh giá các văn bản về QLNN đối với CTR được thực hiện với các nhóm văn bản như: Nhóm các văn bản về môi trường, trong đó tập trung vào nội dung QLNN về CTR, bao gồm: Luật BVMT và các văn bản quy định chi tiết thi hành; Nhóm các văn bản có liên quan đến QLNN về CTR, bao gồm: Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN)... và các văn bản quy định chi tiết thi hành; Nhóm văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có liên quan đến quản lý CTR, bao gồm các nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, ngành, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Điều 141 Luật BVMT, để có sự thống nhất trong QLNN về CTRSH thì Bộ TN&MT và các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần được phân định rõ trách nhiệm quản lý, cụ thể:

Bộ TN&MT chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất QLNN về CTR và có trách nhiệm: Chủ trì xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý CTR; ban hành văn bản hướng dẫn kỹ thuật; Chủ trì xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án quốc gia về quản lý CTR; Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động đánh giá và dự báo hiện trạng phát sinh và quản lý CTR. Chủ trì xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý CTR; Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vấn đề về quản lý CTR liên ngành, liên tỉnh; Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép về quản lý CTR; Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý CTR, công tác QLNN đối với CTR; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến CTR; xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý CTR; Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động về đào tạo, tăng cường năng lực, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về quản lý CTR; Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý CTR; Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền về thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý CTR; Trình Chính phủ việc tham gia tổ chức quốc tế, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về quản lý CTR; chủ trì hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý CTR.

Các Bộ, ngành có trách nhiệm chính: Chủ trì xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTR trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực và có ý kiến đồng thuận của Bộ TN&MT trước khi ban hành; Chủ trì xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về việc sử dụng chất thải cho các mục đích thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, trong đó phải bao gồm các yêu cầu, thông số kỹ thuật về BVMT và phải có sự đồng thuận của Bộ TN&MT. Bộ Xây dựng trong quá trình xây dựng các

tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng đối với các công trình xây dựng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến CTR phải có sự đồng thuận của Bộ TN&MT về các nội dung liên quan đến CTR; Tham gia triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về quản lý CTR theo phân công; Tổ chức đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình phát sinh CTR trong lĩnh vực quản lý của ngành; tham gia xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý CTR; Thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về BVMT liên quan đến CTR trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về quản lý CTR của địa phương; chịu trách nhiệm toàn diện trong các hoạt động phân loại, thu gom, xử lý CTR trên địa bàn, ban hành đơn giá liên quan phù hợp với địa phương; quản lý các dịch vụ công về CTR; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và các nội dung khác theo quy định và phạm vi quản lý.

KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC QLNN VỀ CTR

Trên cơ sở xác định mô hình thống nhất QLNN về CTR giữa Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương nêu trên, Bộ TN&MT đã tiến hành rà soát từng nội dung QLNN về CTR. Theo đó, có 6 nội dung QLNN về CTR và 1 nội dung phân cấp cho các địa phương trong quản lý CTR có tồn tại, bất cập cần sửa đổi; 4 nội dung QLNN về CTR không có xung đột, mâu thuẫn. Cụ thể như sau:

Về trách nhiệm xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTR, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Trên cơ sở rà soát 5 Nghị định, 14 Thông tư do Bộ TN&MT tham mưu ban hành/ban hành, 2 Nghị định, 3 Thông tư, 1 Quyết định do Bộ Xây dựng tham mưu ban hành/ban hành; các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN… có liên quan đến quản lý CTR cho thấy, một số vướng mắc, bất cập cần giải quyết như thiếu các quy định về cơ chế phối hợp với Bộ TN&MT trong việc ban hành các quy định này để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật về quản lý CTR, đặc biệt sau khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định hình thức Thông tư liên tịch; Có sự chồng chéo, giao thoa, thiếu thống nhất trong công tác QLNN về CTR khi giao Bộ Xây dựng một số nội dung về CTRSH; Đầu mối cơ quan ban hành hướng dẫn quản lý còn có sự chưa thống nhất giữa Luật BVMT, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật đối với các loại chất thải là bao bì, hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón, phát sinh trong hoạt động nông nghiệp; Bộ TN&MT chủ yếu chịu trách nhiệm ban hành đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất thải khi phát thải ra môi trường (chủ yếu là nước thải, khí thải) và CTNH; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến việc quản lý chất thải (phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt, tái chế, tái sử dụng chất thải...) đang được giao cho Bộ Xây dựng và các Bộ chuyên ngành, nhưng không có cơ chế phối hợp với Bộ TN&MT dẫn đến việc không thống nhất trong quản lý CTR.

Về trách nhiệm xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch quản lý CTR: Trước ngày 1/1/2019 (thời điểm Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch có hiệu lực thi hành), các quy định của pháp luật đang có sự giao thoa về phân công trách nhiệm, chủ yếu giữa Bộ TN&MT và Bộ Xây dựng ở cả cấp độ luật và nghị định. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan có hiệu lực, Bộ TN&MT sẽ thống nhất tổ chức lập quy hoạch BVMT quốc gia, trong đó có các nội dung về quản lý CTR; UBND cấp tỉnh xây dựng quy hoạch tỉnh, trong đó có các nội dung về quản lý CTR trên địa bàn. Do đó, đối với các Nghị định đang có quy định khác nhau về quy hoạch sẽ được sửa đổi tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch đang được Chính phủ xem xét, ban hành.

Tuy nhiên, Điều 24 Luật Xây dựng được sửa đổi bởi Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch quy định Bộ Xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch bao gồm quy hoạch thu gom, xử lý CTR; nhưng chưa có quy định về vai trò trách nhiệm của Bộ TN&MT trong xây dựng nội dung quy hoạch về thu gom, xử lý CTR trong hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

Về trách nhiệm tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình CTR: Việc đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình CTR đang được nhiều Bộ thực hiện căn cứ vào quy định về chức năng, nhiệm vụ và theo quy định về phân công trong các văn bản quy phạm pháp luật cho các Bộ (TN&MT, Xây dựng,

Công thương, Y tế, NN&PTNT). Để đảm bảo thống nhất trong QLNN về CTR, cần xem xét quy định cơ quan thống nhất trong việc đánh giá và dự báo tình hình CTR trên phạm vi quốc gia. Ở cấp độ ngành, lĩnh vực, việc đánh giá và dự báo này sẽ do các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện.

Về trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý CTR: Luật BVMT quy định mang tính nguyên tắc trách nhiệm của Bộ TN&MT trong việc chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện hoạt động quản lý chất thải nói chung và các Bộ trong việc chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT. Trách nhiệm cụ thể của từng Bộ được quy định trong các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật. Tuy nhiên, các văn bản dưới luật (Nghị định số 36/2017/NĐ-CP, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) có sự phân đoạn và không rõ ràng trong phân công chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện QLNN về CTR; chưa quy định, phân luồng quản lý CTR một cách thống nhất; giao trách nhiệm cho nhiều Bộ, ngành khác nhau hướng dẫn việc thực hiện.

Về thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý CTR, công tác QLNN đối với CTR; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến CTR; xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý CTR: Điều 159 Luật BVMT quy định trách nhiệm thanh tra, kiểm tra về BVMT cho Bộ trưởng Bộ TN&MT, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an và Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đều quy định các Bộ quản lý ngành có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra về các nội dung thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực. Do vậy, cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ trong quản lý CTR, để không xảy ra chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về quản lý CTR.

Về trách nhiệm thẩm định, đánh giá công nghệ trong lĩnh vực quản lý CTR: Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành đang thống nhất giao Bộ TN&MT tổ chức thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý môi trường (trong đó có công nghệ xử lý CTR), bao gồm cả thẩm định, đánh giá công nghệ mới lần đầu áp dụng ở Việt Nam. Tuy nhiên, Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP vẫn đang giao trách nhiệm thẩm định công nghệ xử lý CTRSH mới được nghiên cứu và áp dụng lần đầu ở Việt Nam cho Bộ KH&CN. Luật BVMT không quy định về vấn đề này. Bên cạnh đó, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật KH&CN lại giao việc thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư cho ngành KH&CN (Bộ KH&CN và Sở KH&CN).

Về phân cấp cho các địa phương trong quản lý CTR: Các quy định hiện hành về chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành đã có quy định về phân công cho các địa phương trong hoạt động QLNN về CTR. Tuy nhiên, một số điểm cần xem xét để sửa đổi quy định đảm bảo thống nhất trong QLNN về CTR, cụ thể: Có địa phương giao lĩnh vực quản lý CTRSH cho Sở Xây dựng hoặc Sở TN&MT; Sở Xây dựng được giao tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh QLNN về hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, trong đó bao gồm quản lý CTR thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng...

Đối với các nội dung QLNN khác về quản lý CTR như: Cấp giấy phép trong lĩnh vực xử lý CTR; Đào tạo, tăng cường năng lực, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về quản lý CTR; Tổ chức nghiên cứu, áp dụng khoa học, công nghệ; Hợp tác quốc tế về quản lý CTR đang được giao cho các Bộ, ngành thực hiện và không có xung đột, bất cập và đề xuất tiếp tục triển khai theo các quy định hiện hành.

▲ *Việc quản lý CTR đang có sự tham gia, giao thoa của các Bộ, ngành*

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN THỐNG NHẤT QLNN VỀ CTR

Nguyên tắc xây dựng phương án

- Bám sát quan điểm chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 09/NQ-CP là: Bộ TN&MT thống nhất QLNN về CTR trên phạm vi toàn

quốc. Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm toàn diện về vấn đề quản lý rác thải trên địa bàn.

- Thống nhất QLNN về CTR phải được thực hiện xuyên suốt, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, cơ quan chịu trách nhiệm chính trước Chính phủ về quản lý CTR là Bộ TN&MT; ở địa phương, cơ quan chịu trách nhiệm chính trước UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về quản lý CTR là Sở TN&MT.

- Quản lý CTR phải gắn với việc xây dựng nền kinh tế tuần hoàn; tăng cường giảm thiểu, phân loại, tái chế, tái sử dụng, khai thác tối đa giá trị của CTR. Do đó, trong quản lý CTR phải có sự tham gia của các Bộ, ngành, sự phối hợp của tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, sự vào cuộc của cộng đồng và người dân. Trong phạm vi lĩnh vực quản lý ngành, các Bộ quản lý ngành phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT trong việc giảm thiểu, phân loại CTR tại nguồn, tái chế, tái sử dụng CTR.

- Việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan ở Trung ương và địa phương phải gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ trên cơ sở bảo đảm sự tinh gọn, không làm phát sinh biên chế.

- Thực hiện phương án thống nhất QLNN về CTR theo lộ trình từng bước; trước mắt là thống nhất về chức năng, nhiệm vụ trong QLNN về CTR về Bộ TN&MT, sau đó tiến tới rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý, thống nhất các quy định của pháp luật về quản lý CTR.

Nội dung các phương án

Để thống nhất QLNN về CTR, Bộ TN&MT đã đề xuất một số phương án khắc phục các bất cập trong lĩnh vực này. Cụ thể như:

Thứ nhất, về xây dựng, ban hành/trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTR, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Xây dựng và ban hành/trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Bộ TN&MT phải là cơ quan đầu mối, thống nhất ban hành, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTR. Đối với các nội dung liên quan đến quản lý CTR trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực, Bộ quản lý ngành ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhưng phải xin ý kiến đồng thuận của Bộ TN&MT.

- Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường: Các Bộ quản lý ngành ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về việc sử dụng chất thải cho các mục đích thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, trong đó phải bao gồm các yêu cầu, thông số kỹ thuật về BVMT và phải có sự đồng thuận của Bộ TN&MT. Bộ Xây dựng trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng đối với các công trình xây dựng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến CTR phải có sự đồng thuận của Bộ TN&MT về các nội dung liên quan đến CTR.

Thứ hai, về xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch về quản lý CTR: Bộ TN&MT thống nhất xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch về quản lý CTR; các Bộ phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT trong quá trình thực hiện. Bộ TN&MT hướng dẫn các địa phương trong việc xây dựng, phê duyệt chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch về quản lý CTR. Bổ sung trong Luật Xây dựng quy định Bộ TN&MT tham gia chủ trì, xây dựng các nội dung liên quan đến công trình thu gom, xử lý CTR trong các quy hoạch xây dựng.

Thứ ba, về tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình CTR: Xem xét quy định Bộ TN&MT thống nhất trong việc chỉ đạo, hướng dẫn việc đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình CTR trong các lĩnh vực quản lý của các Bộ, ngành và địa phương và là đầu mối tổng hợp, dự báo tình hình CTR trên cơ sở thông tin do các Bộ, ngành và địa phương cung cấp; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức xây dựng, duy trì và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về CTR.

Các Bộ, ngành và địa phương tổ chức đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình CTR phát sinh từ các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương theo hướng dẫn chung của Bộ TN&MT; cung cấp thông tin, số liệu cho Bộ TN&MT để theo dõi, tổng hợp.

Thứ tư, về chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý CTR: Bộ TN&MT hướng dẫn quản lý đầu tư các dây chuyền công nghệ, thiết bị về xử lý CTRSH, phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH; Bộ Xây dựng hướng dẫn đầu tư hạng mục xây dựng cơ sở xử lý CTRSH. Bộ TN&MT, Sở TN&MT chịu trách nhiệm quản lý các công trình công ích về quản lý CTR.

Thứ năm, về thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý CTR, công tác QLNN đối với CTR; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến CTR; xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý CTR: Bộ TN&MT đầu mối thực hiện hoạt động thanh tra chuyên ngành và thanh tra trách nhiệm QLNN về CTR; các Bộ, ngành thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về BVMT liên quan đến CTR trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Thứ sáu, về thẩm định, đánh giá công nghệ trong lĩnh vực quản lý CTR: Sửa đổi, giao Bộ TN&MT tổ chức đánh giá, thẩm định công nghệ xử lý chất thải, bao gồm cả công nghệ áp dụng lần đầu tại Việt Nam.

Thứ bảy, về phân cấp cho các địa phương trong quản lý CTR: UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trong các hoạt động phân loại, thu gom... theo hướng dẫn của Bộ TN&MT; ban hành đơn giá liên quan phù hợp với địa phương; ban hành các QCVN địa phương liên quan; quản lý các dịch vụ công về CTR; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và các nội dung khác theo quy định và phạm vi quản lý. Chuyển chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh QLNN về hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trong đó bao gồm quản lý CTR thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng từ Sở Xây dựng sang Sở TN&MT.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để triển khai có hiệu quả phương án thống nhất QLNN về CTR theo Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019 của Chính phủ, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo sự đột phá trong công tác BVMT nói chung và quản lý CTR nói riêng, cần triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Một là, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ QLNN về CTR của các Bộ, ngành, địa phương.

Để thực hiện phương án Bộ TN&MT thống nhất QLNN về CTR, mặc dù một số vướng mắc, bất cập đã được đưa vào Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT. Tuy nhiên do giới hạn của Nghị định chỉ sửa đổi 4 Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật BVMT nên chưa điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy định còn chưa phù hợp với phương án thống nhất QLNN về CTR tại các nghị định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ QLNN về CTR của các Bộ, ngành, địa phương. Việc sửa đổi này nhằm cập nhật, bảo đảm sự phù hợp trong quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành, cơ quan chuyên môn ở địa phương liên quan đến công tác QLNN về CTR với những quy định mới trong các Luật, Nghị định mới được ban hành liên quan đến CTR để đảm bảo tính thống nhất. Phương án khả thi là xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ QLNN về CTR của các Bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (quy định các biện pháp để thực hiện chính sách về môi trường thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ).

Phạm vi của Nghị định sẽ tập trung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định trong các nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT và các Bộ, ngành có liên quan, Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong QLNN về CTR từ Trung ương đến địa phương).

Hai là, nghiên cứu, bổ sung trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT bên cạnh việc sửa đổi các quy định để đảm bảo tính thống nhất về quản lý CTR, sẽ bổ sung thêm một số công cụ kinh tế trong quản lý CTR; biện pháp huy động nguồn lực từ xã hội; Nhà nước đầu tư các dự án trọng điểm về xử lý CTR phù hợp với điều kiện của các vùng, miền; luật hóa các chủ trương, cơ chế, chính sách về chống rác thải nhựa, kiểm soát và xử lý rác thải nhựa; quy định cơ chế phối hợp giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành và địa phương trong QLNN về CTR.

Ba là, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án tăng cường quản lý rác thải nhựa ở Việt Nam và Đề án tăng cường năng lực quản lý CTR tại Việt Nam trên cơ sở lồng ghép nội dung Đề án tổng thể về mô hình công nghệ xử lý CTRSH đô thị và nông thôn, trong đó sẽ xây dựng các mô hình điểm về cơ chế, chính sách, công nghệ xử lý CTR tại một số địa phương.

Bốn là, rà soát, đề xuất và thực hiện phương án về tổ chức, cán bộ của các cơ quan Trung ương và địa phương để đảm bảo thực hiện thống nhất về QLNN đối với CTR■

Đánh giá Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 và xây dựng nhiệm vụ Quy hoạch cho giai đoạn mới

NGUYỄN THÀNH VĨNH, NGUYỄN NGỌC LINH, NGÔ XUÂN QUÝ
Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Ngày 8/1/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 45/2014/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 45/2014/QĐ-TTg). Sau 5 năm triển khai thực hiện, Quy hoạch cần được tổng kết, đánh giá để xây dựng Quy hoạch giai đoạn tiếp theo. Nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch giai đoạn tiếp theo được quy định trong các văn bản: Luật Quy hoạch năm 2017; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/2014/QĐ-TTg

Quyết định số 45/2014/QĐ-TTg được ban hành có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam, trong đó quy hoạch các đối tượng cần bảo tồn trên phạm vi cả nước nhằm thực thi hiệu quả Luật ĐDSH. Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch là bảo đảm các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, bảo tồn và phát triển bền vững các loài và nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) nhằm thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

Mục tiêu cụ thể là xác định và khoanh vùng bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng. Nâng cao chất lượng và tăng diện tích các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ trên phạm vi cả nước; nâng độ che phủ rừng đạt 45%; bảo tồn và có kế hoạch bảo vệ hiệu quả 0,57 triệu ha diện tích rừng nguyên sinh tại các vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ; bảo vệ và phát triển bền vững khoảng 60.000 ha diện tích rừng ngập mặn tự nhiên; bảo vệ hệ sinh thái các rạn san hô, thảm cỏ biển tại các vùng Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ; bảo vệ hệ sinh thái các đầm phá ven biển vùng Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ; khôi phục 2.000 ha diện tích rừng trên núi đá vôi tại vùng Đông Bắc; Hoàn thiện quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020, bảo đảm quỹ đất thành lập và đưa vào hoạt động 46 khu bảo tồn mới với tổng diện tích khoảng 567.000 ha, nâng tổng diện tích hệ thống khu bảo tồn trên phạm vi cả nước đạt khoảng 2.940.000 ha; Phát triển và nâng cấp hệ thống 26 cơ sở bảo tồn ĐDSH và xây dựng kế hoạch phát triển với các loại hình: 4 vườn thực vật tại các vùng địa lý: Đông Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; 5 vườn cây thuốc quốc gia tại các vùng địa lý: Đông Bắc, Tây Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ; 2 vườn động vật quốc gia tại các vùng địa lý: Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; 12 trạm/trung tâm cứu hộ động vật trên phạm vi cả nước và 3 ngân hàng gen tại vùng Đồng bằng sông Hồng; Thành lập và đưa vào hoạt động 4 hành lang ĐDSH tại 2 vùng Đông Bắc và Nam Trung Bộ với tổng diện tích khoảng 120.000 ha nhằm kết nối các sinh cảnh và tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH của các hệ sinh thái và loài sinh vật.

Trong thời gian qua, Quy hoạch là cơ sở quan trọng để các Bộ và tỉnh xây dựng quy hoạch bảo tồn ĐDSH, cũng như thành lập các đối tượng quy hoạch (khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn ĐDSH và hành lang ĐDSH). Kết quả cho thấy, đã có những thành tựu rất đáng ghi nhận về công tác bảo tồn ĐDSH gắn với quy hoạch bảo tồn ĐDSH.

Theo Luật ĐDSH năm 2008 quy định, các loại quy hoạch bảo tồn ĐDSH gồm: Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH (do Bộ TN&MT chủ trì xây dựng), quy hoạch bảo tồn ĐDSH ngành, lĩnh vực (do các Bộ, ngành có liên quan chủ trì xây dựng), quy

▲ *Bảo tồn và phát triển bền vững các loài và nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm nhằm thúc đẩy phát triển bền vững*

hoạch bảo tồn ĐDSH cấp tỉnh (do các tỉnh chủ trì xây dựng). Trên cơ sở đó, Bộ TN&MT đã ban hành, phổ biến, tập huấn Hướng dẫn lập, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hướng dẫn lồng ghép nội dung bảo tồn ĐDSH vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; Điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp lý về việc kiểm kê, thống kê đất cho bảo tồn ĐDSH trong các quy định về quy hoạch, kiểm kê, thống kê đất đai; Xây dựng, ban hành Hướng dẫn thành lập và quản lý hành lang ĐDSH. Đến nay, đã có 23 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt quy hoạch bảo tồn ĐDSH cấp tỉnh (An Giang, Bến Tre, Cao Bằng, Điện Biên, Đồng Tháp, Hà Giang, Hà Nội, Lạng Sơn, Sóc Trăng, Sơn La, Tuyên Quang, Kon Tum, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Bắc Cạn, Bạc Liêu, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Nam Định). Ngoài việc đưa các đối tượng đã được quy hoạch trong Quyết định số 45/2014/QĐ-TTg vào quy hoạch bảo tồn ĐDSH cấp tỉnh, trong quá trình rà soát, đánh giá nhu cầu bảo tồn các tỉnh (23 tỉnh) đã quy hoạch thêm các đối tượng quy hoạch mới (gồm: 44 khu bảo tồn thiên nhiên, 37 cơ sở bảo tồn ĐDSH và 15 hành lang ĐDSH).

Từ khi ban hành Quy hoạch đến nay, các đối tượng của Quy hoạch bảo tồn ĐDSH đã được xác định, thành lập mới. Cụ thể: 2.269.426 ha hệ sinh thái trên cạn (tính theo diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên), 166.502 ha hệ sinh thái rừng ngập mặn, 17.000 ha hệ sinh thái thảm cỏ biển, 13.355 ha hệ sinh thái rạn san hô được xác định; 9 khu dữ trữ sinh quyển được công nhận với tổng diện tích 4.105.446 ha làm tăng cơ chế bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái; 5 khu bảo tồn thiên nhiên được thành lập (Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Phú Mỹ (Kiên Giang), Khu bảo tồn loài và sinh cảnh vườn cò Đông Xuyên (Bắc Ninh), Vườn quốc gia Phia Oắc - Phia Đén (Cao Bằng), Khu bảo tồn biển Cồn Cỏ (Quảng Trị), Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang (Khánh Hòa)); 7 cơ sở bảo tồn ĐDSH được thành lập (Công ty TNHH Khu du lịch sinh thái Vườn Xoài (Đồng Nai), Trung tâm cứu hộ và bảo tồn các loài thủy sinh hoang dã Vinpearlland (Công ty TNHH Vinpearlland) (Khánh Hòa), Công viên động vật hoang dã FLC (Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển vườn thú Faros) (Bình Định), Vườn thú Mỹ Quỳnh (Long An), Safari Phú Quốc (Kiên Giang), Cơ sở bảo tồn gấu Ninh Bình (Ninh Bình), Trại rắn Đồng Tâm (Tiền Giang)); 3 hành lang ĐDSH cấp tỉnh được thành lập (Hành lang ĐDSH kết nối Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao La, Khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh và Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi (Quảng Nam), hành lang ĐDSH kết nối Khu bảo tồn thiên nhiên Đăckrông và Bắc Hướng Hóa (Quảng Trị) và hành lang ĐDSH kết nối Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao La và Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền).

Trong thời gian qua, Quy hoạch bảo tồn ĐDSH đã và đang đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp hiệu quả cho quản lý nhà nước về bảo tồn ĐDSH, công tác quy hoạch còn bộc lộ những tồn tại, bất cập, hạn chế. Vai trò, tầm quan trọng của quy hoạch bảo tồn ĐDSH đối với các quy hoạch liên quan còn thiếu, nhìn nhận chưa phù hợp. Nhiều nội dung của quy hoạch bảo tồn ĐDSH chưa được triển khai thực hiện. Tình trạng trùng lặp, thiếu nhất quán giữa các quy định về quy hoạch bảo tồn ĐDSH và một số quy hoạch liên quan chưa được giải quyết dứt điểm. Các quy định về việc ưu tiên thực hiện quy hoạch bảo tồn ĐDSH và việc tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt được triển khai chưa đầy đủ, thiếu hiệu quả. Ngoài ra, những thay đổi về quy định pháp lý về quy hoạch của Việt Nam cùng với sự ra đời của Luật Quy hoạch năm 2017, dẫn tới các thay đổi trong hệ thống và nội hàm của quy hoạch bảo tồn ĐDSH cũng ảnh hưởng tới việc xây dựng và thực hiện quy hoạch bảo tồn ĐDSH các cấp.

2. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN MỚI

Về cơ sở pháp lý

Luật ĐDSH năm 2008 quy định quy hoạch theo 2 cấp: Trung ương (quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia và quy hoạch bảo tồn ĐDSH bộ/ngành liên quan); cấp địa phương (Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương). Tuy nhiên, theo quy định mới Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có quy định liên quan đến quy hoạch năm 2018 thì hiện nay quy hoạch bảo tồn ĐDSH chỉ được thực hiện ở cấp Trung ương, đó là Quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia; còn ở cấp địa phương quy hoạch này đã bị bãi bỏ và trở thành 1 nội dung trong quy hoạch tỉnh. Nội dung bảo tồn ĐDSH cũng được đưa vào trong các loại quy hoạch mới như quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch.

Luật Quy hoạch năm 2017 đưa ra nhiều quy định mới đối với công tác lập quy hoạch bảo tồn ĐDSH như: Tên gọi trình tự, thủ tục lập, thẩm định quy hoạch, cấp xây dựng và thực hiện quy hoạch, các nội dung chính của quy hoạch, cơ sở dữ liệu quy hoạch. Điều 26 của Luật Quy hoạch quy định các nội dung chủ yếu của quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia bao gồm: Đánh giá hiện trạng, diễn biến ĐDSH, tình hình quản lý bảo tồn ĐDSH; Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn ĐDSH; Khu vực ĐDSH cao; cảnh quan sinh thái quan trọng; khu bảo tồn thiên nhiên; hành lang ĐDSH; cơ sở bảo tồn ĐDSH; Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo tồn ĐDSH và thứ tự ưu tiên thực hiện; Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch. Ngoài ra, Luật cũng quy định bổ sung thêm 2 nội dung chính của quy hoạch bảo tồn gồm: "khu vực ĐDSH cao" và "cảnh quan sinh thái quan trọng". Tuy nhiên, khái niệm và nội hàm của các nội dung này chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và cần được nghiên cứu làm rõ để có cơ sở xác định và đưa vào quy hoạch.

Nội dung bảo tồn ĐDSH trong quy hoạch tỉnh, việc sử dụng, lồng ghép quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia trong các quy hoạch các cấp khác như quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh cũng cần được quy định cụ thể.

Định hướng một số vấn đề cơ bản của Quy hoạch giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050

Căn cứ quy định pháp luật, kết quả đánh giá Quy hoạch giai đoạn trước và nhu cầu bảo tồn ĐDSH, Quy hoạch giai đoạn mới tiếp cận, nghiên cứu một số vấn đề cơ bản:

Nguyên tắc xây dựng: Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn với sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật, chú trọng duy trì và phát triển các dịch vụ hệ sinh thái, cảnh quan ĐDSH nhằm giảm tối đa mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên sinh học, thích ứng với BĐKH và phục vụ phát triển bền vững; Áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái trong xây dựng quy hoạch; Tăng cường công tác bảo tồn ĐDSH ngoài phạm vi các khu bảo tồn thiên nhiên; Huy động mọi nguồn lực của cộng đồng vào công tác bảo tồn ĐDSH; bảo đảm các nguyên tắc về chia sẻ công bằng, hài hòa lợi ích của các bên có liên quan.

Cách tiếp cận: Quy hoạch bảo tồn ĐDSH là quy hoạch có tính chất liên ngành, có mối liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực. Do vậy, quy hoạch này xem xét một cách tổng thể trong mối quan hệ đối với các quy hoạch khác (bao gồm các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh); Phân tích, đánh giá mối tương tác qua lại giữa các quy hoạch có liên quan, giữa các đối tượng của quy hoạch bảo tồn ĐDSH; Nghiên cứu, tích hợp các đề xuất của địa phương, đặc biệt là sử dụng các kết quả nghiên cứu quy hoạch bảo tồn ĐDSH cấp tỉnh đã được phê duyệt hoặc đang xây dựng (khoảng 34 quy hoạch cấp tỉnh); Dựa vào bản chất sinh thái để hoạch định các hoạt động ưu tiên bảo tồn và các hoạt động phát triển cần hạn chế.

Một số nội dung của quy hoạch: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nền phục vụ lập và triển khai, giám sát quy hoạch bảo tồn ĐDSH; Tổng hợp, phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng quy hoạch; Đánh giá hiện trạng ĐDSH; Dự báo xu thế diễn biến ĐDSH thời kỳ quy hoạch; Các nội dung của quy hoạch bảo tồn ĐDSH thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Tổ chức tham vấn, lấy ý kiến về quy hoạch; Thẩm định, phê duyệt quy hoạch; Thiết lập hệ thống giám sát và các chỉ số để đo lường hiệu quả trong việc đạt được các mục tiêu quy hoạch bảo tồn ĐDSH.

Trong bối cảnh mới, Quy hoạch cần được kế thừa, rút ra những bài học từ việc triển khai Quy hoạch giai đoạn trước, tuân thủ các quy định hiện hành, tiếp cận xu hướng trong nước và quốc tế để xây dựng Quy hoạch cho giai đoạn tiếp theo đạt được hiệu quả cao nhất■

Xây dựng Nam Đàn trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu

Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là một trong những địa phương có nhiều sáng kiến trong xây dựng nông thôn mới (NTM). Để nâng cao chất lượng xây dựng NTM trên địa bàn; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử cách mạng, làm động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động du lịch, dịch vụ, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 17/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án thí điểm "Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2018 - 2025". Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Đinh Viết Hồng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hiệu quả Đề án.

▲ *Ông Đinh Viết Hồng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An*

✶Ông có thể cho biết một số nhóm nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Nghệ An về thực hiện Đề án thí điểm xây dựng huyện Nam Đàn trở thành huyện NTM kiểu mẫu?

Ông Đinh Viết Hồng: Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTg, ngày 4/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện NTM kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2018 - 2025, ngày 28/3/2019, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 913/QĐ-UBND về Kế hoạch thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTg, với nhiệm vụ trọng tâm sau:

Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM cấp xã, huyện: Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao, liên doanh liên kết trong sản xuất tại các vùng, như: Vùng lúa khoảng 1.877 ha (tại các xã: Nam Xuân, Nam Giang, Kim Liên...); Vùng sản xuất rau màu (tại các xã: Nam Anh, Nam Xuân, Nam Thanh, Nam Lộc...); Vùng trồng sen, hoa (tại Kim Liên, Nam Kim, Nam Thanh...). Đồng thời, kêu gọi đầu tư một số khu chế biến các sản phẩm lợi thế của huyện; củng cố và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển chăn nuôi gắn với BVMT và vệ sinh an toàn thực phẩm; phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên các sản phẩm truyền thống.

Nâng cấp hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, chú trọng giao thông kết nối từ huyện đến cơ sở, các điểm di tích phục vụ du lịch, công trình dự án trọng điểm, như: Xây dựng quốc lộ 46 tránh thị trấn Nam Đàn; mở rộng quốc lộ 15 đoạn qua Nam Đàn...

Xây dựng cảnh quan môi trường Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, thân thiện, trong đó chú trọng phát động nhân dân trồng cây, hoa trên các tuyến đường thôn, xóm, xã; xây dựng các vườn chuẩn NTM, khu dân cư kiểu mẫu; kêu gọi đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các nhà máy nước sạch tập trung trên địa bàn, trước mắt là xây dựng Nhà máy nước sạch vùng Năm Nam; xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung toàn huyện tại xã Khánh Sơn.

Xây dựng các nội dung, tiêu chí huyện NTM kiểu mẫu về phát triển văn hóa gắn với du lịch: Bảo tồn, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng trên địa bàn huyện, ưu tiên di tích đã được xếp hạng (đình Hoành Sơn, Trung Cần); hoàn thiện hệ thống hạ tầng du lịch, kết nối các điểm di tích để hình thành tuyến du lịch trong và ngoài huyện; cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế (bột sắn dây, tinh bột nghệ, bún, bánh, tương, hồng, chanh, sen...); xây dựng các mô hình NTM kiểu mẫu về văn hóa gắn với du lịch tại các xã Kim Liên, Nam Anh, Nam Thanh,

▲ *Khu di tích Kim Liên (huyện Nam Đàn) - Quê nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh*

Nam Nghĩa, Nam Cát, Vân Diên.

✶Một trong những nhiệm vụ về tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM là hoàn thành các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (ÔNMTNT), vậy kết quả thực hiện của huyện Nam Đàn trong thời gian qua như thế nào, thưa ông?

Ông Đinh Viết Hồng: Thực hiện tiêu chí môi trường không dễ, vì đây là tiêu chí động, mỗi người dân, mỗi hộ gia đình đều phải có ý thức trong việc BVMT. Đối với việc xử lý các cơ sở gây ÔNMTNT trên địa bàn huyện Nam Đàn, hiện tỉnh Nghệ An đã tích cực chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm xử lý dứt điểm 1 cơ sở gây ÔNMTNT là bãi rác thải thị trấn Nam Đàn (xã Nam Thái) và hỗ trợ xây dựng Nhà máy xử lý rác thải Nam Đàn.

Trước đây, bãi rác thải thị trấn Nam Đàn do UBND thị trấn quản lý, sử dụng và phục vụ xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt cho khu vực thị trấn, với diện tích khoảng 3.000 m^2, cách đường quốc lộ 15A khoảng 500 m. Sau hơn 10 năm hoạt động, bãi rác đã quá tải. Ngày 23/6/2014, UBND huyện Nam Đàn ban hành Quyết định số 3353/QĐ-UBND về việc đóng cửa bãi rác thị trấn Nam Đàn. Ngày 6/10/2015, UBND tỉnh có Quyết định số 4502/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục các cơ sở gây ÔNMTNT năm 2014 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong đó có bãi rác thải thị trấn Nam Đàn . Để khắc phục ô nhiễm môi trường (ÔNMT), trong thời gian qua, UBND huyện, thị trấn đã thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục ÔNMT tại bãi rác thị trấn Nam Đàn như: Xây tường bao quanh; thường xuyên phun chế phẩm vi sinh EM; thực hiện chôn lấp rác và trồng cây xanh phủ kín khu vực bãi rác; bố trí lực lượng tuần tra, kiểm tra để tránh tình trạng người dân đổ rác thải bừa bãi. Đến nay, bãi rác thị trấn Nam Đàn đã được phủ kín bởi thảm thực vật gồm cây keo lá tràm và cây bụi. Rác thải hữu cơ đã phân hủy hết, không còn mùi hôi, không còn nước thải từ bãi rác gây ảnh hưởng đến sản xuất của người dân trong vùng. Hiện, Sở TN&MT đã có Công văn số 4057/STNMT ngày 17/7/2018 về việc hướng dẫn UBND huyện Nam Đàn lập hồ sơ đề nghị chứng nhận hoàn thành xử lý ÔNMT triệt để của bãi rác thị trấn Nam Đàn.

Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4328/QĐ/UBND-CNTM ngày 6/9/2014 phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu xử lý chất thải rắn thị trấn Nam Đàn và vùng phụ cận Lèn Dơi, xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn. Theo đó, Nhà máy xử lý rác thải Nam Đàn sẽ được xây dựng tại xã Khánh Sơn do UBND huyện Nam Đàn làm chủ đầu tư và giao cho Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển đô thị Phú An triển khai thực hiện. Song song với nguồn lực của địa phương, theo chủ trương của Bộ TN&MT, tỉnh Nghệ An đã đề xuất vay Quỹ BVMT Việt Nam để thực hiện.

✶Ông đánh giá gì về những điều kiện thuận lợi của địa phương khi thực hiện các nhiệm vụ của Đề án?

Ông Đinh Viết Hồng: Nam Đàn là quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh có bề dày truyền thống lịch sử, cách mạng và văn hóa, là miền đất địa linh nhân kiệt, người dân cần cù lao động, hiếu học; được thiên nhiên ưu đãi hệ thống cảnh quan tươi đẹp và đa dạng, hội tụ đầy đủ các yếu tố sông, núi, đồng bằng, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và du lịch dịch vụ. Tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn huyện trong những năm qua luôn ở mức khá cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Cơ sở hạ tầng ở nông thôn được phát triển mạnh, đồng bộ, bộ mặt nông thôn khởi sắc, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, kinh tế nông thôn có nhiều khởi sắc, các tuyến đường liên thôn được bê tông hóa. Mạng lưới chợ xây mới, nâng cấp góp phần phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Sản xuất nông nghiệp phát triển, nhận thức của nông dân đã từng bước chuyển biến sang tư duy sản xuất hàng hóa, các chỉ tiêu về năng suất, sản lượng loại cây trồng, giá trị gia tăng

trên đơn vị diện tích đều đạt và vượt kế hoạch.

Ngoài ra, Nam Đàn có 3 cụm công nghiệp, gồm: Nam Thái (20 ha), Nam Giang (36,5 ha), Vân Diên (10 ha); các ngành nghề tiếp tục được khuyến khích đầu tư là: Dệt, may, chế biến nông sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Đặc biệt, huyện còn có hệ thống sông, núi, hồ đập đa dạng, là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nghỉ dưỡng cùng với diện tích rừng tạo nên cảnh quan thiên nhiên đẹp để khai thác du lịch sinh thái kết hợp với du lịch tâm linh.

✶Vậy, kế hoạch để bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa và phát triển du lịch trong xây dựng NTM của huyện Nam Đàn là gì, thưa ông?

Ông Đinh Viết Hồng: Hàng năm, trên địa bàn huyện Nam Đàn có 2 lễ hội chính là: Đền Vua Mai và Làng Sen; huyện nằm trong vùng dân ca Ví, Giặm được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; 173 di tích, danh thắng 37 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 3 di tích quốc gia được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt là Kim Liên và Nhà lưu niệm Phan Bội Châu, Đình Hoành Sơn (xã Khánh Sơn) và một số di tích tiêu biểu có giá trị lớn về văn hóa và du lịch...

Để bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa và phát triển du lịch huyện trong xây dựng NTM, tỉnh đã giao cho Sở Văn hóa Thể thao phối hợp với UBND huyện Nam Đàn xây dựng chương trình du lịch gắn với các hoạt động văn hóa trên địa bàn huyện; đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch huyện Nam Đàn; xác định một số công trình trọng điểm để bảo tồn, tu tạo hướng tới Kỷ niệm 130 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh... Cùng với đó, tăng cường công tác bảo vệ và cải thiện môi trường tại các di tích lịch sử, cụ thể: Lập đề án xây dựng tiêu chí BVMT tại di tích cấp quốc gia; kiểm soát chất lượng dịch vụ, vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường trong sạch, hấp dẫn du khách.

✶Trong thời gian tới, tỉnh sẽ triển khai những giải pháp gì để thực hiện hiệu quả Đề án?

Ông Đinh Viết Hồng: Để thực hiện Đề án, tỉnh đã tập trung chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm, tăng cường sự phối hợp của các cấp, ngành, tổ chức, cá nhân và triển khai một số giải pháp:

Thứ nhất, căn cứ mục tiêu, nội dung đầu tư, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án, giao UBND huyện Nam Đàn lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM với chương trình hỗ trợ và các chương trình, dự án (kể cả dự án ODA) khác trên địa bàn; huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; huy động đóng góp của nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện (bằng ngày công lao động, tiền mặt, hiện vật, hiến đất để giải phóng mặt bằng phục vụ cho xây dựng các công trình)...

Thứ hai, vận dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi về phát triển văn hóa truyền thống, sản xuất, dịch vụ hướng tới phục vụ du lịch; Phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đối với cây ăn quả, rau, chế biến các sản phẩm từ sen; phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ du lịch...

Thứ ba, tăng cường công tác lãnh đạo và quản lý, giám sát thực hiện: Thường xuyên kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng NTM các cấp; Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý và giám sát thực hiện, gắn trách nhiệm với cá nhân cụ thể trong triển khai thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu; Nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư trong quản lý và giám sát thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu.

Thứ tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, nhằm phát huy vai trò của các cấp Ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng với vai trò chủ thể của người dân trong quá trình xây dựng NTM kiểu mẫu; nâng cao chất lượng cán bộ chuyên trách về tuyên truyền, vận động xây dựng NTM kiểu mẫu; biểu dương kịp thời các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng NTM kiểu mẫu.

Thứ năm, tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; an sinh xã hội, chăm sóc y tế. Yêu cầu các xã của huyện triển khai đồng bộ các giải pháp về đổi mới y tế cơ sở, tăng cường công tác chăm lo nâng cao sức khỏe của người dân theo các quy định hiện hành.

Thứ sáu, giữ vững an ninh, trật tự xã hội, xây dựng mô hình xóm, xã an ninh trật tự NTM kiểu mẫu. Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, trách nhiệm của lực lượng công an, các ngành, đoàn thể, quần chúng nhân dân trong công tác phòng, chống tội phạm và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Thứ bảy, đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa trong lĩnh vực đào tạo lao động với quy mô, chất lượng để tạo ra cơ cấu lao động hợp lý...

✶ Xin cảm ơn ông!

CHÂU LOAN *(Thực hiện)*

Hà Nội: Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn đa dạng sinh học

Luật Đa dạng sinh học (ĐDSH) được Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/11/2008 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2009. Đây là văn bản pháp lý quan trọng trong lĩnh vực quản lý nhà nước về ĐDSH ở nước ta hiện nay. Sau 10 năm thực hiện, TP. Hà Nội, nơi có giá trị ĐDSH cao đã đạt được nhiều kết quả trong công tác bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, TP còn gặp một số khó khăn, bất cập, cần sự thống nhất và vào cuộc của các Bộ, ngành.

▲ *Cá thể rùa Hoàn Kiếm được phát hiện tại hồ Xuân Khanh (trái) và một loài rùa khác tại hồ Đồng Mô (phải)*

ĐA DẠNG VỀ THÀNH PHẦN LOÀI

Kết quả điều tra, khảo sát và phân tích thành phần loài thực vật bậc cao các vùng đất ngập nước (ĐNN) tại Hà Nội đã xác định được 337 loài thuộc 223 chi, 104 họ từ 540 mẫu vật thu được ở 18 khu ĐNN trên địa bàn TP. Trong thành phần hệ thực vật, ngành ngọc lan là phong phú nhất, chiếm tới 84,62% số họ, 91,93% số chi và 93,18% số loài; Ngành dương xỉ giữ vị trí thứ hai với 11,54% số họ, 6,28% số chi và 5,64% số loài. Đặc biệt, có loài cà ổi vọng phu nằm trong Sách đỏ Việt Nam, thuộc cấp độ sẽ nguy cấp. Theo Danh lục đỏ của IUCN 2014 cho thấy, toàn hệ thực vật có 48 loài thuộc cấp độ ít lo ngại (LC) và 1 loài thuộc cấp độ ít nguy cấp (LR). Bên cạnh đó, hệ tảo và vi khuẩn lam cũng khá phong phú, với 423 loài và dưới loài, thuộc 100 chi, 34 họ, 19 bộ, 12 lớp của 7 ngành tảo và 1 ngành vi khuẩn lam; 91 loài cá thuộc 26 họ, 11 bộ từ 730 mẫu vật thu được ở 18 khu ĐNN. Trong đó, có 8 loài cá nằm trong Sách đỏ Việt Nam 2007, gồm 1 loài cá chình Nhật ở mức EW- cực kỳ nguy cấp; 2 loài cá mòi cờ hoa và lóc ở mức EN - nguy cấp; 5 loài cá lăng, chiên, ngạnh, măng, chẫu chàng ở mức VU - sẽ nguy cấp. Theo tiêu chí của IUCN, 2013 có 1 loài cá dầu sông thân mỏng ở mức VU - sẽ nguy cấp; 3 loài cá trê vàng, trôi sông, mè trắng Trung Quốc ở mức NT - gần nguy cấp; 27 loài ở mức LC - ít lo ngại; 21 loài ở mức DD - thiếu dẫn liệu đánh giá.

Về thành phần loài thú, đã xác định được 65 loài thuộc 17 họ và 6 bộ từ 390 mẫu vật thu được ở 18 khu ĐNN trên địa bàn TP. Trong đó, 18 loài (chiếm 27,69% tổng số loài) thuộc danh sách các loài động vật đang bị đe dọa trong Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2012), Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, đã xác định được 72 loài và nhóm loài động vật phù du có ở các thủy vực nước ngọt nội địa TP. Hà Nội (sông suối, hồ, ruộng trũng, kênh mương dẫn nước) thuộc 5 lớp, 13 bộ và 27 họ; 94 loài động vật đáy, thuộc 26 họ, 13 bộ, 7 lớp và 4 ngành. Trong số các loài động vật đáy đã được ghi nhận ở khu vực nghiên cứu, có nhiều loài được coi là đặc hữu, chỉ phân bố ở miền Bắc Việt Nam. Đặc biệt, loài Indochinamon sp. đang được phân tích để công bố là loài mới cho khoa học.

NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

Trong 10 năm qua, TP. Hà Nội đã ban hành nhiều văn bản pháp lý triển khai Luật ĐDSH, cụ thể: 2 Nghị quyết của Thành ủy về Quy hoạch bảo tồn ĐDSH TP đến năm 2020 và định hướng đến 2030; 6 Quyết định của UBND TP về phê duyệt Đề án quy hoạch phát triển rừng, bảo tồn ĐDSH; 6 Kế hoạch triển khai các Chỉ thị, Chiến lược phát triển của Thủ tướng Chính phủ về BVMT và ĐDSH. Đồng thời, phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến ĐDSH. Từ năm 2008 đến nay, đã xử lý 1.117 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng; tịch thu hơn 1.028 m^3 gỗ quy tròn các loại, hơn 3.756 kg ĐVHD và 6.118 cá thể ĐVHD (tính theo con); thu nộp ngân sách nhà nước gần 21 tỷ đồng…

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo tồn, cứu hộ động vật hoang dã (ĐVHD), TP đã tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân chấp hành đúng quy định về bảo vệ các loài ĐVHD. Đến nay đã cấp mới và đổi 479 Giấy chứng nhận

gây nuôi sinh trưởng ĐVHD để các tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của Nhà nước. Cùng với đó, Trung tâm Cứu hộ ĐVHD Hà Nội đã phối hợp với các tổ chức trong nước, quốc tế; cứu hộ và bảo tồn các loài ĐVHD. Tính đến ngày 31/12/2018, Trung tâm đang cứu hộ, bảo tồn 295 cá thể và 10,7 kg rắn các loại; tiếp nhận 753 vụ, với trên dưới 100 loài (gồm 10.472 cá thể ĐVHD; 1.231,45 kg rắn các loại), trong đó có nhiều loại ĐVHD nguy cấp, quý hiếm thuộc nhóm IB, IIB của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Phụ lục 1 của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP. Trung tâm cũng nhân nuôi, sinh sản thành công 79 cá thể ĐVHD các loại (26 cá thể hổ, 1 cá thể vượn đen má trắng là loài đặc biệt quý hiếm), hiện các cá thể đang sinh trưởng, phát triển tốt; tổ chức tái thả ĐVHD về môi trường tự nhiên sau cứu hộ 27 lượt, với 2.512 cá thể và 110,5 kg rắn các loại tại các Vườn quốc gia: Cúc Phương (Ninh Bình), Cát Tiên (Đồng Nai), Bái Tử Long (Quảng Ninh)…

TP. Hà Nội cũng bảo tồn và phát triển nhiều giống cây trồng, vật nuôi đặc sản, quý hiếm. Cụ thể, đã lựa chọn được 22 giống cây trồng đặc sản để bảo tồn nguồn gen như: Bưởi Diễn, quýt đường canh, mơ Hương Tích, hồng xiêm Xuân Đỉnh, húng Láng, rau muống Linh Chiểu, cải bẹ Đông Dư...; lưu giữ gen và phát triển giống vật nuôi gà Mía, vịt cỏ Vân Đình... Đặc biệt, cá thể giải Sin-hoe (rùa Hoàn Kiếm) là loại cực kỳ nguy cấp, quý hiếm đã được Hà Nội triển khai bảo tồn. Đến tháng 1/2016, trên thế giới chỉ còn 4 cá thể, gồm 2 cá thể (1 cá thể đực, 1 cá thể cái) tại Vườn thú Tô Châu - Trung Quốc; 2 cá thể tại Việt Nam (1 cá thể tại hồ Đồng Mô - Chương trình Bảo tồn rùa châu Á (ATP) xác nhận năm 2007 và 1 cá thể tại hồ Hoàn Kiếm). Tháng 5/2017, ATP đã chụp ảnh được 1 cá thể rùa mai mềm cỡ lớn tại hồ Xuân Khanh và phân tích, xác nhận đó là rùa giải Sin-hoe. Để bảo tồn các cá thể rùa quý hiếm này, TP. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 200/KH-UBND về bảo tồn cá thể giải Sin-hoe tại các hồ Đồng Mô, Xuân Khanh, TP. Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Bên cạnh đó, Hà Nội tăng cường kiểm soát và diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại nghiêm trọng. Qua rà soát, có khoảng 25 loài sinh vật ngoại lai, trong đó có 18 loài xâm hại và 7 loài có nguy cơ xâm hại được TP triển khai các giải pháp loại trừ như: Ốc bươu vàng, rùa tai đỏ, cây mai dương...

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐDSH

Mặc dù đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo tồn ĐDSH trên địa bàn TP vẫn còn diễn ra như: Hoạt động khai thác thủy sản bằng các thiết bị mang tính hủy diệt, mua bán ĐVHD trái phép còn tiếp diễn, làm giảm nguồn tài nguyên về ĐDSH trên địa bàn TP; việc buôn bán, nuôi trồng các loài sinh vật ngoại lai chưa được kiểm soát chặt chẽ... Nguyên nhân là do ý thức chấp hành pháp luật về bảo tồn ĐDSH của người dân chưa cao, nhất là tại khu vực vùng núi, nông thôn và vùng đệm các khu bảo tồn; hệ thống văn bản pháp luật về ĐDSH còn thiếu, nhiều bất cập, chồng chéo, gây khó khăn cho công tác quản lý tại địa phương, cũng như công tác thanh, kiểm tra xử lý vi phạm hành chính.

Để tiếp tục triển khai hiệu quả Luật ĐDSH, trong thời gian tới, TP. Hà Nội kiến nghị Bộ TN&MT sớm đề xuất Chính phủ, Quốc hội điều chỉnh Luật ĐDSH năm 2008 đồng bộ với Luật Thủy sản năm 2017, Luật Phát triển rừng năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, nhằm thống nhất đầu mối quản lý đối với loài nguy cấp, quý, hiếm; trình, ban hành các văn bản hướng dẫn về quy hoạch chi tiết, lập dự án thành lập Khu bảo tồn cấp tỉnh; hướng dẫn kỹ thuật điều tra ĐDSH và xây dựng báo cáo ĐDSH; hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định loài động, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN. Mặt khác, ban hành các văn bản thống nhất cấp quản lý đối với sinh vật ngoại lai và quy định cụ thể đối với việc khảo nghiệm, cấp phép nuôi trồng, phát triển loài ngoại lai thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh; hướng dẫn trình tự, thủ tục đưa loài được ưu tiên bảo vệ vào cơ sở bảo tồn ĐDSH và thả ra nơi sinh sống tự nhiên của chúng; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định loài động, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh…

Đồng thời, TP. Hà Nội sẽ tiếp tục bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, loài hoang dã và các giống vật nuôi, cây trồng nguy cấp, quý, hiếm; sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ hợp lý lợi ích từ dịch vụ hệ sinh thái và ĐDSH; kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến ĐDSH■

LÊ THƯƠNG

Thực trạng và giải pháp quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ThS. ĐỖ THỊ HƯƠNG - *Phó Chi cục trưởng Chi cục BVMT Hải Phòng*

Hải Phòng là thành phố (TP) ven biển, nằm ở phía Đông miền duyên hải Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102 km, có các lợi thế về đường biển, đường sắt, đường bộ và đường hàng không, giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong cả nước và các quốc gia trên thế giới. Là một trong những trung tâm công nghiệp, thương mại lớn của cả nước, Hải Phòng đang có tốc độ phát triển dân số, đô thị hóa cao. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa cao và sự phát triển của các ngành, nghề đang bộc lộ nhiều bất cập, tác động đến đời sống dân sinh, đặc biệt là vấn đề môi trường, trong đó chất thải rắn (CTR) đang trở thành mối quan tâm lo ngại hàng đầu của TP.

THỰC TRẠNG PHÁT SINH VÀ THU GOM, XỬ LÝ CTR

Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh và được thu gom trên địa bàn TP trung bình khoảng 1.715,4 tấn/ngày. Trong đó, khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh ở khu vực đô thị khoảng 1.100 tấn/ngày; ở khu vực nông thôn khoảng 615,4 tấn/ngày. Tỷ lệ CTR đô thị được thu gom đạt 97%, trong đó 100% CTR được xử lý hợp vệ sinh bằng phương pháp chôn lấp, làm phân bón hữu cơ tại bãi xử lý rác Tràng Cát (34 ha) và bãi rác Đình Vũ (15,65 ha). Tỷ lệ CTR nông thôn được thu gom đạt 90%, trong đó có 49,1% được xử lý chôn lấp tại 125 bãi rác tạm trên địa bàn 89 xã, số rác còn lại được xử lý bằng phương pháp đốt (lò đốt BD-Anpha 500 kg/giờ) cho 6 xã, thị trấn và xử lý bằng chôn lấp hợp vệ sinh tại bãi rác Đình Vũ, khu xử lý rác xã Minh Tân (huyện Thủy Nguyên) cho các xã, thị trấn còn lại.

CTR xây dựng trên địa bàn TP ước tính 256 tấn/ngày có thành phần chủ yếu là đất cát, gạch vỡ, thủy tinh, bê tông và kim loại... thường được tận dụng tái sử dụng, số còn lại chôn lấp cùng CTR sinh hoạt. Do nhu cầu căn hộ tại các đô thị, cùng với lộ trình phá dỡ, cải tạo các khu chung cư cũ tại các đô thị, nên lượng rác thải xây dựng sẽ còn tăng mạnh trong thời gian tới.

CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh tại 500 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn TP với tổng khối lượng CTR công nghiệp thông thường khoảng 2.680.000 tấn/năm và chất thải nguy hại khoảng 14.450 tấn/năm. Toàn bộ lượng CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được 6 đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại hoạt động trên địa bàn TP và một số đơn vị hoạt động ngoài TP thu gom, xử lý theo quy định.

CTR nông nghiệp phát sinh ước khoảng 380.000 tấn rơm, rạ/năm ngoài đồng ruộng; 2.300 tấn chất thải chăn nuôi/ngày từ 12.283 con bò, 4.954 con trâu, 336.799 con lợn và 7.286 con gia cầm, ngoài ra còn phát sinh một lượng bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón các loại từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, lượng rác thải là rơm rạ, các phế phẩm từ sản xuất nông nghiệp chưa được tính toán thống kê lượng phát sinh để quản lý.

Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn TP trung bình khoảng 787,91 kg/ngày từ 9 bệnh viện tuyến TP, 16 bệnh viện đa khoa quận/huyện, 8 bệnh viện trực thuộc các Bộ, ngành đóng trên địa bàn, 11 trung tâm y tế dự phòng, 15 trung tâm y tế chuyên khoa và các đơn vị trực thuộc, 224 trạm y tế xã/phường/thị trấn, 6 bệnh viện đa khoa tư nhân. Việc quản lý, xử lý chất thải y tế nguy hại được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Trong thời gian qua, công tác thu gom và xử lý CTR trên địa bàn TP gặp rất nhiều khó khăn như rác thải sinh hoạt không được phân loại tại nguồn; các bãi rác tạm xử lý rác sinh hoạt nông thôn chưa được xử lý theo đúng quy định; rác thải sinh hoạt nông thôn được xử lý bằng biện pháp đốt (lò đốt rác sinh

▲ *Rác thải hữu cơ được xử lý thành phân mùn vi sinh tại Khu liên hợp xử lý rác thải Tràng Cát (Hải Phòng)*

hoạt 500 kg/giờ) chưa đảm bảo về một số thông số kỹ thuật theo QCVN 61-MT:2016/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR sinh hoạt. Ngoài ra, nguồn ngân sách đầu tư cho công tác BVMT ở các địa phương còn thấp (mỗi năm từ 100 - 140 triệu/xã), việc xã hội hóa công tác xử lý rác thải chưa được thực hiện.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CTR VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quản lý môi trường, những năm qua, TP luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc. TP đã ban hành các văn bản để đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý nhà nước về BVMT nói chung và quản lý CTR nói riêng như: Nghị quyết số 09/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010 của Hội đồng nhân dân TP khóa XIII, kỳ họp thứ 18 về nhiệm vụ, giải pháp thu gom xử lý CTR nông thôn trên địa bàn TP giai đoạn 2010 - 2020; Chương trình số 5741/CTr-UBND ngày 4/10/2010 về triển khai Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15/7/2010 của Hội đồng nhân dân TP; Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 về phê duyệt Quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn TP đến năm 2025; Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 15/11/2012 về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới thu gom CTR nông thôn thông thường trên địa bàn TP Hải Phòng đến năm 2020...

Để triển khai các nhiệm vụ, UBND TP đã giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu cho UBND TP lập quy hoạch quản lý CTR và trực tiếp quản lý CTR sinh hoạt đô thị và CTR xây dựng; Sở NN&PTNT chủ trì tham mưu việc quản lý CTR sinh hoạt nông thôn, tham mưu triển khai Chương trình thực hiện Nghị quyết về nhiệm vụ giải pháp thu gom, xử lý CTR ở nông thôn giai đoạn 2010-2020; Sở TN&MT thực hiện tổng hợp khối lượng CTR công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn TP để cập nhật số liệu phục vụ công tác quản lý; Sở Y tế thực hiện tổng hợp khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn TP. Việc giao cho các Sở, ngành TP thực hiện công tác quản lý CTR bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định như CTR được thu gom đạt tỷ lệ cao, nhận thức của người dân về vệ sinh môi trường được nâng lên rõ rệt, hình thành các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thu gom, xử lý rác thải nông thôn, giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương...

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác quản lý CTR TP vẫn còn bất cập do nhiều cơ quan quản lý, gây chồng chéo và thiếu thống nhất trong quản lý nhà nước ở tất cả các cấp; việc triển khai các dự án theo quy hoạch quản lý CTR gặp nhiều khó khăn do người dân chưa đồng thuận; kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước hạn hẹp; năng lực chủ đầu tư có khả năng xử lý CTR với khối lượng lớn chưa được phân loại rác tại nguồn còn hạn chế.

Hiện nay, việc quản lý CTR sinh hoạt nông thôn cấp TP do Sở NN&PTNT quản lý; cấp huyện thì có huyện giao phòng NN&PTNT, có huyện giao phòng TN&MT. Số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn về môi trường ở cấp xã còn rất hạn chế; tài chính phục vụ cho công tác vệ sinh môi trường (xử lý môi trường tại các bãi rác tạm) còn thấp.

Trước thực trạng nêu trên, thời gian tới TP sẽ tập trung các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTR, cụ thể như: Đẩy mạnh việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý CTR, hình thành lối sống thân thiện với môi trường. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung của TP (xây dựng TP Hải Phòng đến năm 2035 tầm nhìn đến 2050) và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Đẩy nhanh đầu tư xây dựng các khu xử lý CTR có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, phù hợp quy hoạch. Lựa chọn nhà đầu tư có năng lực về tài chính và kinh nghiệm xử lý rác thải. Nâng cao chất lượng công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn các xã. Tăng cường các biện pháp xử lý tại các bãi rác tạm.

Cụ thể hóa cơ chế chính sách theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường nhằm thu hút các thành phần kinh kế tham gia xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và vận hành cơ sở xử lý CTR; tăng dần nguồn thu phí vệ sinh, giảm dần hỗ trợ từ ngân sách cho hoạt động thu gom, vận chuyển CTR. Thống nhất hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về CTR từ TP đến cấp xã theo quy định của pháp luật. Bố trí cán bộ theo dõi quản lý CTR ở cấp huyện, xã.

Để triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019, Chính phủ đã thống nhất giao Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối, thống nhất quản lý nhà nước về CTR; giao Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về vấn đề rác thải và xử lý rác thải trên địa bàn và thống nhất hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về CTR từ Trung ương đến địa phương. Trên cơ sở đó, TP Hải Phong xin có một số kiến nghị:

Quốc hội xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nội dung về quản lý chất thải quy định tại Luật BVMT năm 2014 theo hướng

"Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối, thống nhất quản lý nhà nước về CTR" và đảm bảo sự thống nhất giữa các Luật: BVMT, Đầu tư, Xây dựng, Quy hoạch, Đấu thầu và một số Luật có liên quan khác.

Chính phủ xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ của Bộ Xây dựng, Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT và các Bộ có liên quan, để Bộ TN&MT là đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về CTR. Chính phủ sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 4/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương, trong đó chuyển chức năng của Sở Xây dựng về "quản lý CTR thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng" về Sở TN&MT, đảm bảo tính thống nhất xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

Bộ TN&MT và các Bộ liên quan xây dựng và ban hành các Thông tư hướng dẫn một cách đồng bộ, bổ sung, hoàn thiện các nội dung hướng dẫn thực hiện Luật BVMT và các Nghị định đảm bảo tính thống nhất xuyên suốt công tác quản lý CTR từ Bộ TN&MT đến Sở TN&MT và Ban hành kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với hạ tầng từng khu vực thực hiện nhiệm vụ xử lý CTR, công nghệ xử lý CTR. Để thực hiện được các nhiệm vụ của Chính phủ giao theo nội dung tại Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019, Bộ TN&MT cần nghiên cứu đề xuất với Chính phủ có giải pháp về tài chính ưu tiên thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng và công nghệ để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải tại mỗi địa phương; nghiên cứu, đề xuất cơ chế tài chính bền vững đảm bảo công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

Với vị trí là vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Hải Phòng luôn chủ động và sẵn sàng hợp tác, liên kết với các tổ chức quốc tế, tỉnh/TP trong cả nước và các Bộ, ngành Trung ương để có hướng đi, kế hoạch hành động thống nhất quản lý nhà nước về CTR nhằm đảm bảo công tác quản lý CTR đạt hiệu quả cao, giúp Hải Phòng trở thành đô thị trung tâm cấp quốc gia, đô thị cảng biển, cảng hàng không tầm cỡ khu vực và quốc tế■

VĂN BẢN MỚI

● Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT

Ngày 13/5/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT (Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 4 Nghị định gồm: Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và kế hoạch BVMT(bổ sung Điều 2a; sửa đổi, bổ sung Điều 12 - 57); Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (gộp chương II và III sửa đổi tên: Quản lý và cải thiện chất lượng môi trường; sửa đổi, bổ sung: Điều 5,6,7,8,9, thay thế Điều 11,12,13,14,22,25,43, 49a…); Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định về quản lý chất thải và phế liệu (sửa đổi khoản 4, bổ sung các khoản 30,31,32 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 6a và 6b Điều 10…); Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 24/4/2015 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (bổ sung khoản 4 Điều 8,9,10…).

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP quy định về điều khoản chuyển tiếp: Hồ sơ đã được tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực (trừ các điều, khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 22, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Điều 64, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của các Nghị định tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ có yêu cầu thực hiện theo quy định của Nghị định này…

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP bãi bỏ các điều: 11 (Nghị định số 18/2015/NĐ-CP); Điều 26, 27, 28, 29, 30, 34, 35, 36 và các khoản 3, 4, 5, 6, Điều 55 và Phụ lục V (Nghị định số 19/2015/NĐ-CP); khoản 5 và khoản 9 Điều 9, điểm a và điểm b khoản 1, Điều 27, Điều 38, Điều 41, điểm b khoản 1 Điều 43, khoản 3 Điều 44 (Nghị định số 38/2015/NĐ-CP).

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2019.

● Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về phát triển bền vững

Ngày 20/5/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg về phát triển bền vững (PTBV). Theo đó, PTBV là một chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Chính phủ đã ban hành Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam (2004), Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 (2012) và gần đây nhất là Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV với 17 mục tiêu PTBV và 115 mục tiêu cụ thể đặt ra cho Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường.

Quan điểm PTBV đã được lồng ghép xuyên suốt trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH)(2011 - 2020) và Kế hoạch phát triển KT - XH (2011 - 2015 và 2016 - 2020). Thời gian qua, Việt Nam đã đạt được các thành tựu về PTBV trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường

như tốc độ tăng trưởng GDP, giảm nghèo bền vững, phổ cập giáo dục, tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe... Tuy nhiên, nhận thức về PTBV của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhiều người dân còn chưa đầy đủ, thống nhất; các chính sách KT - XH còn thiên về tăng trưởng nhanh kinh tế và ổn định xã hội, chưa quan tâm đầy đủ, đúng mức đến tính bền vững khi khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và BVMT…

Để khắc phục những tồn tại trên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện thành công các mục tiêu PTBV của Việt Nam đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030; Thực hiện vai trò đầu mối, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương, tổ chức liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030. Trong năm 2019, xây dựng và ban hành Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT- XH và Hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá các mục tiêu PTBV…

Các Bộ/ngành, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương gấp rút hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch/Chương trình hành động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 trong năm 2019…

● Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới và Ngày Môi trường thế giới năm 2019

Ngày 15/5/2019, Bộ TN&MT có Công văn số 2229/BTNMT-TTTNMT về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới, Ngày Môi trường thế giới năm 2019. Theo đó, Bộ TN&MT kết hợp tổ chức chuỗi các hoạt động "Tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam", "Tháng hành động vì môi trường" hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới và Ngày Môi trường thế giới tại tỉnh Bạc Liêu, với các nội dung:

Đối với các hoạt động tổ chức Tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam, hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới năm 2019: Tập trung tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề có liên quan tới biển, đảo Việt Nam nhất là Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tám (Khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045…

Các hoạt động tổ chức "Tháng hành động vì môi trường" hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2019: Tập trung triển khai Kế hoạch hành động Quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 985A/QĐ-TTg ngày 1/6/2016, trong đó chú trọng: Tập trung kiểm soát bụi trong quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải tại các công trường xây dựng; tăng cường kiểm soát khí thải phát sinh từ các khu vực xử lý chất thải rắn nông thôn, làng nghề, cụm công nghiệp…

Đồng loạt triển khai tổ chức các hoạt động "Tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam", "Tháng hành động vì môi trường" hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới, Ngày Môi trường thế giới năm 2019 trên phạm vi cả nước, cụ thể: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của chủ đề Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam "Giới và đại dương" và chủ đề Ngày Môi trường thế giới năm 2019 "Ô nhiễm không khí và hành động của chúng ta"; Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên, BVMT biển và hải đảo của người dân và cộng đồng, đồng thời phổ biến thông tin cho cộng đồng về tác hại của ô nhiễm không khí và lợi ích của việc sử dụng các phương tiện công cộng đối với môi trường không khí… Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và BVMT theo hướng bền vững và quản lý thống nhất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; Khuyến khích tổ chức khởi công, xây dựng và bàn giao các công trình BVMT phục vụ lợi ích của cộng đồng như: Trồng cây xanh chắn cát, chống xói lở và ngăn ngừa xâm nhập mặn, thực hiện các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ người dân thích ứng với biến đổi khí hậu... Qua đó, phát hiện, biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân, cộng đồng và doanh nghiệp có nhiều đóng góp thiết thực trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên, BVMT; phát huy vai trò của mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia công tác BVMT…

Bộ TN&MT đề nghị các cơ quan căn cứ điều kiện thực tế tổ chức các hoạt động thiết thực hưởng ứng Tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam, Tháng hành động vì môi trường, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ■

Công tác xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

ThS. NGUYỄN VŨ TRUNG
Tổng cục Môi trường

Quy hoạch BVMT lần đầu tiên được đưa vào hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT tại Luật BVMT năm 2014, mặc dù trước đó đã có nhiều nghiên cứu liên quan về quy hoạch môi trường (bao gồm quy hoạch môi trường và quy hoạch BVMT) được thực hiện cho các lưu vực sông hoặc vùng lãnh thổ. Điều này khẳng định vai trò của quy hoạch BVMT trong công tác quản lý và BVMT trước áp lực của các hoạt động phát triển.

▲ *Quy hoạch BVMT có vai trò quan trọng trong việc xác lập các khu vực có ĐDSH cao*

VAI TRÒ CỦA QUY HOẠCH BVMT TRONG HỆ THỐNG CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH QUỐC GIA

Hiện nay, các loại hình quy hoạch phát triển chưa có được sự gắn kết giữa định hướng phát triển kinh tế - xã hội với các yêu cầu về quản lý, BVMT tự nhiên, sinh thái, môi trường sống và các giá trị bảo tồn văn hóa lịch sử... Trên thực tế đã xảy ra sự chồng chéo và mâu thuẫn giữa các quy hoạch phát triển, dẫn đến sự phát vỡ cân bằng giữa BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị lịch sử văn hóa, gây lãng phí, kém hiệu quả trong công tác quy hoạch. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện nhiệm vụ lập quy hoạch BVMT quốc gia có ý nghĩa quan trọng trong công tác BVMT hiện nay.

Theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch đã quy định,các đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) bao gồm: Chiến lược khai thác và sử dụng tài nguyên cấp quốc gia; chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng có tác động lớn đến môi trường và các quy hoạch tổng thể quốc gia, không gian biển quốc gia, sử dụng đất quốc gia, ngành quốc gia, đô thị, nông thôn; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tác động lớn đến môi trường; quy hoạch vùng, tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Việc thực hiện ĐMC cho các loại hình chiến lược, quy hoạch hiện nay gặp nhiều khó khăn do cơ quan thực hiện quy hoạch phát triển không xác định được hiện trạng, diễn biến của các thành phần môi trường và định hướng quản lý và BVMT. Do vậy, việc thực hiện quy hoạch BVMT sẽ tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả của công tác ĐMC, là công cụ phân tích, dự báo các tác động đến môi trường của các quy hoạch phát triển trong quá trình lập quy hoạch và đánh giá mức độ phù hợp của các định hướng, mục tiêu, giải pháp phát triển với các yêu cầu về quản lý và BVMT, nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Như vậy, quy hoạch BVMT đóng vai trò quan trọng trong hệ thống chiến lược, quy hoạch quốc gia. Tạo cơ sở cho các chiến lược, quy hoạch có các định hướng phù hợp với quy hoạch môi trường, giảm chi phí và thời gian lập chiến lược, quy hoạch; Đưa ra các định hướng phát triển phù hợp với môi trường nền và diễn biến môi trường trong kỳ quy hoạch nhằm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và BVMT; Thực hiện phục vụ việc sắp xếp, bố trí các hoạt động, biện pháp BVMT cho các vùng lãnh thổ đảm bảo 3 trụ cột phát triển bền vững (kinh tế - xã hội - môi trường); Tạo điều kiện để đối sánh giữa quan điểm mục tiêu phát triển của quy hoạch và phân vùng môi trường, các yêu cầu về BVMT theo phân vùng môi trường đã được xác định.

Theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, nội dung về công tác quản lý và BVMT là một hợp phần quan trọng trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Việc thực hiện phân vùng môi trường và đưa ra các định hướng, giải pháp liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, xử lý chất thải, quan trắc môi trường trong quy hoạch BVMT quốc gia sẽ là điều kiện quan trọng để đảm bảo sự hài hòa giữa các nội dung phát triển kinh tế - xã hội và BVMT trong các quy hoạch này.

XÂY DỰNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH BVMT QUỐC GIA

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Luậtsố 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, cùng các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành, Bộ TN&MT đã chỉ đạo Tổng cục Môi trường triển khai nhiệm vụ lập quy hoạch BVMT quốc gia. Mục tiêu của nhiệm vụ là sắp xếp, phân bố không gian, phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải, quan trắc và cảnh báo môi trường trên lãnh thổ xác định để BVMT, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững đất nước cho kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

Để triển khai xây dựng quy hoạch BVMT quốc gia, việc xác định các nội dung cần thực hiện trong nhiệm vụ lập quy hoạch BVMT có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Các vấn đề liên quan đến phương pháp luận và sự đồng thuận trong quá trình tiến hành xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch môi trường sẽ tạo cơ sở để xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch BVMT. Trong những năm vừa qua, nhận thức được tầm quan trọng của quy hoạch về môi trường, có nhiều ngành, lĩnh vực và địa phương tiến hành lập quy hoạch môi trường hoặc quy hoạch BVMT. Trên thực tế, các quy hoạch về môi trường này đóng góp hữu hiệu trong quản lý BVMT và là nền tảng để Bộ TN&MT xây dựng phương pháp luận về quy hoạch BVMT quốc giaphù hợp với điều kiện phát triển trong giai đoạn sắp tới của Việt Nam.

Song hành với các áp lực trong nước, đòi hỏi phải có quy hoạch về môi trường để đáp ứng yêu cầu quản lý và BVMT đi đôi với phát triển bền vững, Bộ TN&MT cũng đã nghiên cứu các phương pháp luận của một số nước châu Âu, Mỹ và châu Á về các nội dung của quy hoạch môi trường, trong đó phân vùng môi trường là một nội dung cơ bản của quy hoạch. Đặc biệt, là mô hình của Nhật Bản, một quốc gia có điều kiện tương đồng về bản sắc văn hóa, dân tộc, địa lý và đi trước chúng ta nhiều năm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đã bị trả giá đắt khi đánh đổi giữa phát triển kinh tế - xã hội với sự suy thoái, ô nhiễm môi trường trầm trọng trong thập niên 60 của thế kỷ trước.

Dưới sự giúp đỡ của Nhật Bản, thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản(JICA), tỉnh Quảng Ninh đã lập Quy hoạch môi trường tỉnh Quảng Ninh, Quy hoạch môi trường vịnh Hạ Long nhằm quản lý và BVMT hài hòa với các mục tiêu phát triển, mục tiêu bảo vệ di sản văn hóa vịnh Hạ Long. Đây là mô hình quan trọng để định hướng các nội dung liên quan đến quy hoạch BVMT ở Việt Nam, vừa đảm bảo phát triển, vừa từng bước nâng tầm trong quản lý và BVMT.

Trước khi các nội dung về quy hoạch BVMT được đưa vào Luật BVMT, Luật Quy hoạch, có nhiều địa phương xây dựng quy hoạch về môi trường (bao gồm cả quy hoạch môi trường và quy hoạch BVMT). Ngoài trường hợp của Quảng Ninh, các địa phương khác như Hà Nội, Hà Tĩnh, Tuyên Quang… cũng đã tiến hành xây dựng quy hoạch về môi trường. Tổng cục Môi trường cũng đã tiến hành xây dựng quy hoạch BVMT cho một số lưu vực sông và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các quy hoạch này còn hạn chế do không có đủ kinh phí và cơ sở pháp luật để thực hiện. Mặt khác, nhiều địa phương còn chú trọng thu hút đầu tư nên chưa thực sự coi trọng, thậm chí còn cho rằng quy hoạch BVMT cản trở các hoạt động phát triển.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá tính hợp lý của các hoạt động liên quan đến quy hoạch về môi trường ở Việt Nam, cũng như phương pháp luận và kinh nghiệm của quốc tế, Bộ TN&MT tiến hành triển khai công tác xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch BVMT quốc gia. Do tính chất đa ngành, liên quan đến mọi hoạt động phát triển, các nội dung về quy hoạch BVMT cần được thống nhất giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan trong quá trình xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch làm cơ sở để hài hòa giữa các mục tiêu phát triển và mục tiêu quản lý, BVMT.

Nhiệm vụ lập quy hoạch BVMT quốc gia hiện nay đã được Bộ TN&MT dự thảo, tiến hành các cuộc hội thảo tham vấn ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và sẽ tiến tục hoàn thiện trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG QUY HOẠCH THÀNH PHẦN CẦN ĐƯỢC NGHIÊN CỨU TRONG QUY HOẠCH BVMT QUỐC GIA

Thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch BVMT quốc gia, một số vấn đề về các nội dung quy hoạch như: Việc quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) đang có những bất cập và tác động ngược trở lại với hiện trạng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, cần có các phân tích, đánh giá hiện trạng và đưa ra định hướng xác lập các khu vực ĐDSH cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, hành lang ĐDSH, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn ĐDSH phù hợp với thực tiễn và nhu cầu bảo tồn.

Bên cạnh đó, quy hoạch về hệ thống xử lý môi trường chưa thực sự gắn kết với các quy hoạch phát triển tạo ra sự bất hợp lý trong BVMT và xây dựng hệ thống xử lý chất thải (XLCT). Việc bố trí các hệ thống XLCT tại khu vực nhạy cảm hoặc có khả năng chịu tác động của các điều kiện địa hình, địa chất và địa lý tự nhiên đôi khi xảy ra tác động ngược là gia tăng ô nhiễm môi trường. Việc định hướng về quản lý, XLCT và giải pháp

chung về bố trí các hệ thống hạ tầng xử lý môi trường cần được nghiên cứu phù hợp với điều kiện tự nhiên và áp lực gia tăng chất thải của các hoạt động phát triển.

Hiện nay, quy hoạch các vị trí quan trắc môi trường đã và đang được triển khai thực hiện, nhằm đáp ứng các yêu cầu quản lý, giám sát chất lượng môi trường. Tuy nhiên, việc bố trí các trạm quan trắc môi trường cần được gắn kết chặt chẽ với phân vùng môi trường để đưa ra mật độ trạm quan trắc, giám sát phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội. Đồng thời, có các định hướng phát triển phù hợp với mức độ tác động đến môi trường của hoạt động phát triển, đặc biệt là các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng cho từng phân vùng môi trường, đảm bảo các mục tiêu, định hướng được đặt ra trong quy hoạch BVMT quốc gia.

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH BVMT QUỐC GIA

Quy hoạch BVMT quốc gia đóng một vai trò quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững. Tuy nhiên, để quy hoạch này thực sự có hiệu quả và thể hiện được giá trị định hướng trong quản lý môi trường cần có sự đồng thuận của các Bộ, ngành và địa phương, cũng như sự tham gia của cả cộng đồng. Với những ý nghĩa quan trọng đó, xin đề xuất, kiến nghị về giải pháp xây dựng và thực hiện quy hoạch BVMT quốc gia như sau:

Cần đảm bảo việc tham gia của các Bộ, ngành, địa phương đối với các nội dung liên quan đến thực trạng môi trường dưới tác động của hoạt động phát triển. Trên cơ sở phân tích dự báo các định hướng phát triển cũng như diễn biến của các thành phần môi trường tiến hành công tác định hướng phân vùng phù hợp, tạo sự đồng thuận giữa các Bộ, ngành và địa phương, trên cơ sở đó lồng ghép các định hướng, giải pháp quản lý và BVMT của quy hoạch BVMT quốc gia vào quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

Bên cạnh đó, cần có sự tham gia rộng rãi của các nhà khoa học, chuyên gia và cộng đồng để xác định mức độ phù hợp của các đánh giá hiện trạng; phân tính đánh giá mang tính khoa học có sự phản biện của cộng đồng và xã hội. Nghiên cứu kinh nghiệm của thế giới và ý kiến của các chuyên gia quốc tế đối với các nội dung cần định hướng, giải pháp đề xuất trong quy hoạch phù hợp với đặc thù của Việt Nam và lộ trình phát triển đất nước.

Sau khi quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cần công bố công khai thông tin liên quan đến các nội dung để các cơ quan quản lý nhà nước, địa phương, đặc biệt là các chủ đầu tư và cộng đồng biết, triển khai và tuân thủ các yêu cầu về phân vùng cũng như định hướng giải pháp của quy hoạch môi trường quốc gia.

Cần đưa ra các định hướng và giải pháp khuyến khích xã hội hóa đầu tư đối với các dự án về quản lý, giám sát và BVMT ưu tiên, được xác định trong quy hoạch. Tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện lộ trình và giai đoạn triển khai các định hướng, giải pháp quy hoach đã được xác định để đảm bảo tính khả thi. Đặc biệt, ưu tiên vấn đề kết nối thông tin, hệ thống dữ liệu môi trường để phục vụ có hiệu quả công tác quản lý, giám sát, phòng ngừa sự cố, BVMT, kiểm soát phát thải từ các hoạt động phát triển.

Hàng năm, cần có sự đánh giá hiệu quả của việc triển khai thực hiện, đánh giá, phân tích, tổng kết từng giai đoạn và cả kỳ quy hoạch làm căn cứ để xác định các vấn đề ưu tiên cho kỳ quy hoạch tiếp theo■

▲ *Quy hoạch Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đến năm 2030 bảo tồn nguyên trạng và toàn diện giá trị*

Một số đề xuất mới về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

NGUYỄN THỊ LIÊN
Bộ Tài chính

Nghị định số 154/2016/NĐ-CP về phí BVMT đối với nước thải được ban hành ngày 16/11/2016 (Nghị định số 154/2016/NĐ-CP) và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2017. Đến nay, sau hơn 2 năm triển khai thực hiện, các địa phương đều nghiêm túc thực hiện và thu được kết quả nhất định, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu khi xây dựng Nghị định. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi cũng phát sinh những bất cập và đặt ra yêu cầu cần phải sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Phí BVMT đối với nước thải được coi là một trong những công cụ kinh tế nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT), đồng thời tạo nguồn thu để phục vụ cho công tác BVMT. Nghị định số 154/2016/NĐ-CP được ban hành (thay thế Nghị định số 25/2013/NĐ-CP) nhằm nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân về BVMT; ràng buộc đối tượng xả thải nước thải gây ô nhiễm trong việc đóng góp kinh phí phục vụ cho việc cải tạo ÔNMT đối với nước thải. Bên cạnh đó, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư công nghệ xử lý chất lượng nước thải, đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi xả ra môi trường, từ đó góp phần sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu ÔNMT.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, UBND các tỉnh đã xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức kinh phí để lại cho tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt. Một số địa phương quy định mức thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt cao hơn so với mức 10% giá bán nước sạch quy định tại Nghị định. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện thu phí, tuyên truyền hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện khai nộp phí theo quy định.

Hầu hết, các địa phương đều đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất, chế biến và đối tượng khác có nước thải thuộc đối tượng nộp phí theo đúng quy định. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến cơ bản chấp hành về công tác quan trắc và khai báo chất ô nhiễm có trong nước thải theo Nghị định số 154/2016/NĐ-CP. Một số doanh nghiệp có khối lượng nước thải lớn từ trên 1.000 m^3 nước thải/ngày, đêm đã thực hiện quan trắc tự động có kết nối với cơ quan quản lý môi trường, do vậy, việc theo dõi hàm lượng chất ô nhiễm và khối lượng nước thải là cơ sở xác định số phí phải nộp được giám sát chặt chẽ. Việc tính phí BVMT theo chất ô nhiễm có trong nước thải và khối lượng nước thải ra là phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ thông tin, kết nối mạng và kiểm soát trực tuyến hiện nay.

Nhìn chung, việc triển khai thu phí BVMT đối với nước thải được các địa phương ghi nhận là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong việc quản lý, giám sát, theo dõi các đối tượng xả nước thải trên địa bàn, nhất là nguồn thải lưu lượng lớn, có tác động nhiều đến môi trường. Bên cạnh những kết quả đạt được, Nghị định số 154/2016/NĐ-CP còn một số tồn tại, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế và quy định pháp luật, đặc biệt liên quan đến mức thu phí.

Về mức phí cố định, tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP quy định: "Cơ sở sản xuất, chế biến có khối lượng nước xả thải dưới 20 m^3/ngày phải nộp mức phí cố định là 1,5 triệu đồng/năm". Qua thực hiện, một số địa phương (Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Ninh Bình)

▲ *Quy định cụ thể về mức phí đối với từng đối tượng đảm bảo nguyên tắc người gây ÔNMT từ nước thải phải có trách nhiệm nộp phí BVMT*

kiến nghị, mức phí cố định 1,5 triệu đồng/năm áp dụng chung cho tất cả các cơ sở xả thải dưới 20 m^3/ngày, đêm là không phù hợp. Thực tế, nhiều cơ sở sản xuất, chế biến có quy mô và tính chất hoạt động khác nhau, khối lượng nước thải cũng rất khác nhau, nhất là các cơ sở cơ khí, may mặc... có lượng nước thải ít (5 m^3, 10 m^3 hoặc 15 m^3/ngày, đêm) cũng phải nộp mức 1,5 triệu đồng/năm là chưa công bằng. Do đó, các địa phương này đề nghị sửa đổi theo hướng quy định nhiều mức phí khác nhau áp dụng cho các cơ sở xả thải dưới 20 m^3/ngày, đêm.

Về mức phí biến đổi, tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP quy định công thức tính phí biến đổi căn cứ vào 6 thông số ô nhiễm có trong nước thải bao gồm: Nhu cầu ô xy hóa học, chất rắn lơ lửng, thủy ngân, chì, arsenic và cadmium. Do vậy, trong thời gian qua, một số địa phương khi triển khai thực hiện đã yêu cầu các doanh nghiệp phải lấy mẫu phân tích đủ 6 thông số ô nhiễm để xác định số phí phải nộp. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp phản ánh yêu cầu phải lấy mẫu phân tích đủ 6 thông số ô nhiễm là không phù hợp, vì trên thực tế và theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của Bộ TN&MT thì không phải ngành nghề, lĩnh vực nào cũng xả nước thải có chứa kim loại nặng (thủy ngân, chì, arsenic và cadmium), vì vậy, việc kê khai và nộp phí đầy đủ đối với các chất gây ô nhiễm nêu trên gây tốn kém và tăng thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và cơ quan thu phí.

Hiện nay, mức thu phí BVMT hiện thấp không đủ bù đắp chi phí xây dựng, duy tu, bảo trì hệ thống đường cống thu gom thoát nước. Theo thống kê, số tiền phí thu được năm 2016 là 1.287 tỷ đồng, năm 2017 là 2.102 tỷ đồng. Tuy nhiên, số thu này mới đáp ứng một phần yêu cầu BVMT từ nước thải gây ra (phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ÔNMT; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải), mà chưa có nguồn để xử lý nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.

Một bất cập khác là Nghị định số 154/2016/NĐ-CP quy định, UBND xã, phường, thị trấn thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng. Tuy nhiên, do phạm vi đối tượng chịu phí nhỏ (chỉ trường hợp tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở các phường tự khoan nước để sử dụng thuộc diện nộp phí); chính quyền cấp xã không có bộ máy chuyên môn về môi trường và không có cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này; do đó, việc thu phí không khả thi, hiệu quả kém, thực tế cơ bản các địa phương không triển khai thu phí được đối với trường hợp này. Vì vậy, cần nghiên cứu điều chỉnh phù hợp.

Ngoài ra, một số nội dung quy định về miễn phí tại Điều 5 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP còn chung chung, khó xác định như: Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội; Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch... Vì vậy, cần nghiên cứu, bổ sung quy định chi tiết hơn về tính phí đối với các trường hợp này.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ MỨC PHÍ ĐỐI VỚI TỪNG ĐỐI TƯỢNG, ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp, đồng thời khắc phục triệt để những bất cập, hạn chế của chính sách về phí BVMT đối với nước thải cho phù hợp với thực tiễn mà nhiệm vụ BVMT đặt ra, trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã soạn thảo Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

Theo đó, Dự thảo quy định rõ về đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; quy định cụ thể về mức phí đối với từng đối tượng, đảm bảo nguyên tắc người gây ÔNMT từ nước thải thì có trách nhiệm nộp phí BVMT; cách tính phí được điều chỉnh theo hướng đơn giản dễ tính, dễ khai nộp. Việc quản lý và sử dụng phí thu được đảm bảo đồng bộ và phù hợp với Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật về quản lý thuế hiện hành.

Dự thảo quy định mức phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m^3 nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Riêng mức phí áp dụng đối với đối tượng chịu phí là nước thải ra từ các cơ sở rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy; bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác là 15% trên giá bán của 1 m^3 nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần thiết áp dụng mức thu cao hơn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Dự thảo Nghị định quy định không thu phí đối với nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng. Quy định này mang tính nhân văn, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của hộ gia đình, cá nhân còn khó khăn phải sử dụng nguồn nước tự khai thác. Đồng thời, không tạo thêm gánh nặng về tài chính khi các đối tượng này có điều kiện thu nhập thấp và đây là trách nhiệm chia sẻ của xã hội.

Dự thảo Nghị định bỏ quy định miễn phí đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình

ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội. Việc bỏ quy định miễn phí đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá sẽ đem lại tác động tích cực cho các công ty nước sạch hoạt động tại địa phương.

Để đảm bảo công bằng trong việc nộp phí, Dự thảo đã chia nhỏ hơn mức phí cố định áp dụng đối với cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải dưới 20 m^3/ngày đêm. Cụ thể: Từ 10 m^3/ngày đêm đến dưới 20 m^3/ngày đêm là 2 triệu đồng/năm (tăng 500.000 đồng); từ 5 m^3/ngày đêm đến dưới 10 m^3/ngày đêm là 1,5 triệu đồng/năm (bằng mức hiện hành); dưới 5 m^3/ngày đêm là 1 triệu đồng/năm (giảm 500.000 đồng). Căn cứ xác định số lượng nước thải/ngày đêm là thực tế xả thải từ hoạt động sản xuất, chế biến; hồ sơ về môi trường của cơ sở; kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng. Việc quy định chia nhỏ hơn mức phí cố định áp dụng đối với cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải dưới 20 m^3/ngày đêm sẽ đảm bảo công bằng giữa các đối tượng xả thải và phù hợp với nguyên tắc gây ÔNMT ít thì nộp phí ít và ngược lại.

Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản (thuộc nước thải công nghiệp), cơ sở nuôi trồng thủy sản có quy mô rất khác nhau; khó xác định khối lượng nước thải của hoạt động này, hàm lượng chất ô nhiễm (thủy canh, thủy cư, nuôi cá, tôm… lồng, bè), Dự thảo quy định: Nước thải của cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng mức thu cố định, không thu phí biến đổi, đối với tổ chức là 2 triệu đồng/năm, đối với cá nhân, hộ gia đình là 1 triệu đồng/năm.

Như vậy, chính sách phí BVMT đối với nước thải là công cụ quan trọng của Nhà nước góp thêm nguồn kinh phí phục vụ cho nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải, hạn chế tình trạng ÔNMT. Phí BVMT đối với nước thải tác động hầu hết đối với mọi người dân và doanh nghiệp, vì mọi tổ chức, cá nhân đều có sử dụng nước cho các hoạt động sản xuất, chế biến và sinh hoạt thải ra môi trường hàng ngày. Vì vậy, đây là trách nhiệm xã hội và việc thu khoản phí này phải đảm bảo một phần nâng cao ý thức BVMT. Hiện Dự thảo đang được Bộ Tài chính lấy ý kiến rộng rãi trước khi trình Chính phủ■

Từ chi tiết dùng lá chuối gói hàng nghĩ về văn hóa tiêu dùng Việt Nam

Nhà báo **VŨ LÂN**

▲ *Rau, củ được gói bằng lá chuối tươi xanh tại Siêu thị Big C Thăng Long (Hà Nội)*

Trong thời gian gần đây, một số doanh nghiệp ở ba thành phố lớn ở nước ta (Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh) như Siêu thị Big C Hà Nội, Big C Đà Nẵng, hệ thống chuỗi siêu thị Co.op mart Việt Nam, Sài Gòn Co.op... đã sử dụng sản phẩm tự nhiên (cụ thể là lá chuối) để gói, bọc thực phẩm thay thế túi ni lông. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc gửi thư khen ngợi việc làm này và kêu gọi các hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp, siêu thị, nhà hàng, khách sạn cùng nhân rộng, chung tay BVMT, từng bước nói "không" với túi ni lông.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, nhiều doanh nghiệp đã triển khai gói rau quả, thực phẩm bằng vật liệu thân thiện môi trường, trong đó Tập đoàn Central Group Việt Nam đã có chủ trương áp dụng thí điểm bao gói rau bằng lá chuối liên tục trong một tháng tại Big C, bắt đầu từ ngày 1/4/2019, sau đó sẽ nghiên cứu mở rộng trên toàn hệ thống. Siêu thị Co.opmart Phan Thiết, Tây Ninh, Quy Nhơn, Tam Kỳ và một số siêu thị Co.opmart, Co.op Food tại khu vực TP. Hồ Chí Minh cũng bắt đầu thực hiện chủ trương này. Chuỗi siêu thị của BRG như Intimex, Hapro cũng đang

từng bước thực hiện, thông qua đàm phán với các nhà cung ứng khi cung cấp hàng hóa vào các siêu thị. Một số cửa hàng ở những khu dân cư trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh dùng lá chuối tươi thay thế cho túi ni lông... Có thể nói, từ hiện tượng nhỏ lẻ dùng lá chuối bao gói hàng thay túi ni lông ở một vài nơi, chỉ trong một thời gian ngắn, việc làm trên đã lan rộng ra nhiều nơi, trong hệ thống chuỗi siêu thị của các tập đoàn... góp phần thay đổi nhận thức của cả người sản xuất, cơ sở dịch vụ và người tiêu dùng.

Không phải phân tích, lý giải gì chắc nhiều người cũng thấy cái lợi của việc dùng nguyên liệu thân thiện với môi trường để bao gói hàng hơn là dùng túi ni lông. Hơn nữa, hiện tượng dùng lá chuối bao gói sản phẩm hàng hóa tiêu dùng không phải là điều mới mẻ đối với người Việt mà cả hàng nghìn năm qua dân ta đã thường làm.

Đặc điểm lớn nhất, làm nên truyền thống văn hóa tiêu dùng của toàn dân ta từ cả hàng nghìn năm qua, trước khi có túi ni lông. Đó là bởi vì Việt Nam là nước có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm với cây cối phong phú, đa dạng, xanh tốt quanh năm, không như các nước ôn đới mưa tuyết, băng giá thời gian dài; Sản phẩm nông nghiệp của nước ta làm ra cũng lắm mà sức tiêu dùng hằng ngày của người dân đối với sản phẩm này cũng nhiều, chủ yếu là rau, củ, quả, kéo theo chất thải hữu cơ là không nhỏ. Trong quá trình thu hoạch, chuyên chở, vận chuyển, buôn bán thì cách dân ta thường dùng là lấy chính lá, thân, cọng... cây cối để bao gói sản phẩm nông nghiệp. Trong các loại nguyên vật liệu làm chất bao gói thì cây chuối với toàn bộ thân, lá, bẹ hoa của nó là loại cây phổ biến nhất có mặt ở khắp mọi miền đất nước, đồng thời là chất nhanh phân hủy, thân thiện với môi trường, hoàn toàn có thể dùng làm nguyên liệu thay thế túi ni lông.

Do xuất phát của dân tộc chúng ta là từ nền văn minh lúa nước, cho nên khi đi gặt lúa, người nông dân không phải mang những thứ bao gói, ngoài cái liềm, cái hái, cái đòn sóc hay quang gánh. Lúa gặt xong được bó bằng chính cây lúa nối lại với nhau rồi gánh về sân đập, trục, suốt, phơi. Chính vì thế, đến khi đồng bào ta thu hoạch sản phẩm rau màu khác thì cũng dùng chính những cây đó hay cây cỏ có sẵn xung quanh để bao gói, chằng buộc. Chẳng hạn, thu hoạch mía, người ta dùng ngọn mía còn nguyên lá dài để bó các cây mía lại với nhau. Thu hoạch rau mồng tơi, đay, dền, ngót, muống... người ta dùng lá mía non, dây chuối còn tươi hay tàu lá cây dáy, lá cây dọc mùng gói lại. Đến nay, người ta vẫn dùng bẹ cây chuối để gói những chú cua biển vừa kín, vừa giữ ẩm cho cua. Khi tát ao, kéo lưới, người ta cũng hay lấy cây bèo tây (miền Nam gọi là cây lộc bình) để phủ lên cá, tôm, cua, ốc... Những cách làm đại loại như thế vừa làm cho sản phẩm giữ được xanh tươi lâu, vừa giảm chi phí, thời gian tìm dây bao gói, khi thải loại không ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Đối với những sản phẩm hay vật liệu tiêu dùng cần dây buộc chắc chắn, vững bền thì dân ta dùng dây thừng được kết bằng sợi dây đay. Ngày xưa, các bà, các chị khi đi chợ mua sắm, bao giờ cũng mang theo thúng mủng, rổ rá, cái làn bằng mây tre đan hay bị cói, tay nải làm từ cây cói, lộc bình. Hình ảnh miếng bánh đúc, dày, tẻ, ú, rán, cuốn... được gói trong những tàu lá chuối tươi xanh mướt hay lá sen xanh non xếp gọn gàng một góc thúng mỗi khi các bà, các mẹ đi chợ quê về thật hấp dẫn bọn trẻ con và còn lưu giữ trong tâm trí tuổi thơ của nhiều người chúng ta...

Từ văn hóa tiêu dùng truyền thống thân thiện với môi trường của người Việt Nam lại là nhu cầu, kéo theo việc gieo trồng, sản xuất ra các nguyên liệu để làm ra những sản phẩm bao gói sản phẩm nông nghiệp, phục vụ cho đời sống hằng ngày. Vì là nền sản xuất nông nghiệp, trồng lúa nước, chế biến thóc gạo, cho nên các loại công cụ đi kèm như thuyền nan, thúng, mủng,

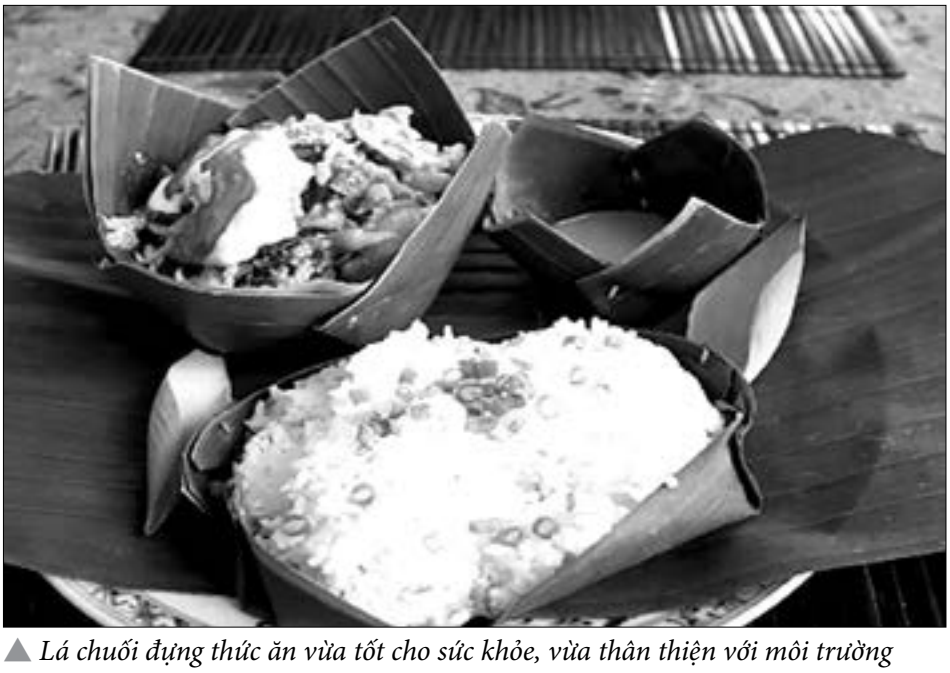

▲ *Lá chuối đựng thức ăn vừa tốt cho sức khỏe, vừa thân thiện với môi trường*

giần, sàng, nong, nia, gàu dây, gầu sòng, các công cụ săn bắt cá (chúm, đó, lờ, rọ, rậm...) đều có nhu cầu rất lớn nguyên liệu tre, nứa, bương, giang. Cây tre, cây chuối và vô vàn cây lưu niên khác gắn bó cả nghìn đời, với đời sống người dân Việt Nam, che phủ khắp làng trên xóm dưới. Cây tre, cây chuối... đã trở thành ý tưởng cho biết bao áng văn thơ bất hủ: "Tre xanh/ Xanh tự bao giờ? Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh". Và nhà thơ mong ước: "Mai sau/Mai sau/ Mai sau/ Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh". Cây đay vừa là cây rau làm thực phẩm cho người và gia súc, vừa có củi làm chất đốt, vừa là nguyên liệu dệt bao, dệt thảm, cuộn thừng, đồng thời nó cũng là "đầu vào" của nhiều làng nghề ở nông thôn. Nghề trồng cói, thu nhặt cây bèo tây những năm trước đây rất phát triển vì phải đáp ứng nhu cầu cho nghề làm chiếu, dệt thảm, đồ thủ công mỹ nghệ vừa làm sản phẩm bao gói, vừa để xuất khẩu... Còn nhiều những ví dụ sinh động, hình ảnh minh họa cho một nếp văn hóa tiêu dùng trở thành cốt lõi của văn hóa, văn minh nông nghiệp, gắn bó với thiên nhiên, môi trường. Đó chính là nét đẹp trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam những năm trước khi có "cuộc cách mạng sản xuất đồ nhựa, túi ni lông" tràn vào nước ta.

Tuy nhiên, với một thời gian không dài, chỉ khoảng vài ba mươi năm trở lại đây, khi công nghệ sản xuất đồ nhựa tiêu dùng, nhất là túi ni lông, ống hút... dùng một lần phát triển thì nền văn hóa tiêu dùng thân thiện với môi trường của người Việt dần dần bị mai một. Về nhiều mặt, cần khẳng định thế mạnh, tính ưu việt, nhất là sự tiện lợi, rẻ tiền, lan rộng mạnh mẽ và phổ biến của đồ dùng bằng nhựa, nhất là những sản phẩm tiêu dùng một lần. Trong những năm qua, túi ni lông dùng một lần, sản phẩm chai nhựa... đã phát triển mạnh mẽ, thậm chí hủy hoại nếp văn hóa tiêu dùng thân thiện với môi trường của người Việt. Một trong những cái gọi là "quốc nạn" hiện nay là chất thải từ túi ni lông, chai nhựa, ống hút... tràn ngập khắp mọi nơi, mọi lúc trên lãnh thổ Việt Nam. Túi ni lông, chai, ống nhựa dùng một lần len lỏi vào mọi ngõ ngách, hang cùng ngõ hẻm của đời sống hằng ngày. Ngay cả những đặc sản của nhiều vùng miền, địa phương, trước đây được bao gói bằng nguyên liệu cây lá sẵn có... cũng được thay bằng nguyên liệu nhựa. Bao bì của chiếc bánh cốm Hà Thành là một ví dụ điển hình. Hay những người bán cốm Làng Vòng, tuy vẫn gói cốm bằng lá sen, lá dáy, nhưng lại cho gói cốm đó vào một cái túi ni lông. Chỉ mất 1 giây để vứt đi 1 túi ni lông nhưng lại mất từ 500 - 1.000 năm để có thể tiêu hủy túi. Đến nay, ai trong chúng ta cũng đã nhận ra rằng: Khi quá lạm dụng túi ni lông và các chất bao gói bằng nhựa, có thể lợi trong chốc lát cho một người nhưng sẽ tổn hại cho đất đai, biển đảo, không khí, nước uống và muôn loài sinh vật hàng trăm, hàng nghìn năm sau. Đã đến lúc, trước khi quá muộn, chúng ta cần phục hồi và phát triển truyền thống quý báu của dân tộc ta hàng nghìn năm qua: Sống hòa hợp với thiên nhiên, trước hết là sử dụng nguyên liệu bao gói thân thiện với môi trường, bắt đầu từ những chiếc lá chuối gói hàng.

Xu hướng tiêu dùng thân thiện với môi trường cũng là sự lựa chọn của nhiều cư dân trên thế giới, ngay cả với các mặt hàng chế tác từ sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam. Thật bất ngờ, nếu "lướt" trên mạng Amazon có thể thấy các mặt hàng tiêu dùng truyền thống ở vùng nông thôn Việt Nam lại được bán với cái giá cao. Chẳng hạn, một chiếc chổi lúa được bán với giá 11,99 USD (tương đương hơn 278.000 đồng); nếu ở trong nước, một chiếc nón lá có giá 18,99 USD (khoảng 430.000 đồng)... Có lẽ, giá bán của một số sản phẩm nói trên có cả yếu tố thân thiện với môi trường?

Để truyền thống tiêu dùng thân thiện với môi trường không bị bỏ phí, lãng quên, cần kiên trì tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, lòng tự hào dân tộc vì có một nền văn hóa tiêu dùng thân thiện với môi trường, khuyến khích những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, người tiêu dùng sử dụng các biện pháp tiêu dùng truyền thống thân thiện với môi trường. Đồng thời, áp dụng biện pháp kinh tế, cưỡng chế, đánh thuế tiêu thụ đặc biệt vào cơ sở sản xuất, kinh doanh túi ni lông, sản phẩm nhựa tiêu dùng một lần. Bên cạnh đó, cần nêu gương cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể quần chúng, nhất là chị em phụ nữ, bà con nội trợ không dùng túi ni lông và bao gói bằng nhựa khó phân hủy... Đây chính là những biện pháp vừa lâu dài vừa cấp bách, góp phần giữ gìn Trái đất của chúng ta mãi mãi xanh■

Bảo tồn các loài thủy sản đặc hữu, quý, hiếm ở Việt Nam

Việt Nam có hệ sinh thái biển phong phú, đa dạng và mang những nét đặc trưng của vùng bán đảo nhiệt đới, là nơi sinh sống và phát triển của nhiều loài thủy sản đặc hữu, quý, hiếm, trong đó có những loài không tìm thấy ở nơi nào khác trên thế giới. Tuy nhiên hiện nay, nhiều loài thủy sản quý, hiếm đang có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng cao. Để tìm hiểu về vấn đề này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Đinh Xuân Lập - Phó Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững (ICAFIS) về thực trạng, giải pháp quản lý, bảo tồn các loài thủy sản đặc hữu, quý, hiếm tại Việt Nam.

▲ *Ông Đinh Xuân Lập - Phó Giám đốc ICAFIS*

✶Xin ông cho biết thực trạng và những nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm giống và loài thủy sản quý, hiếm ở Việt Nam?

Ông Đinh Xuân Lập: Với chiều dài hơn 3.000 km và nhiều dạng địa hình bờ biển khác nhau (vịnh, thềm lục địa dốc, cửa sông, đảo và quần đảo, rạn san hô, đầm phá...), biển Việt Nam có sự đa dạng cao về thành phần các giống loài thủy sản. Các nghiên cứu đã chứng minh nguồn lợi thủy, hải sản Việt Nam phong phú, đa dạng gồm trên 2.000 loài cá, gần 6.000 loài động vật đáy, 653 loài tảo, 5 loài rùa, 12 loài rắn biển... Trong đó, có nhiều giống loài thủy sản quý, hiếm như cá (anh vũ, tra dầu, trà sóc…), tôm hùm, mực; rùa biển (vích, đồi mồi, quản đồng, rùa da, đồi mồi dứa, hiện cả 5 loài đều được đưa vào Sách đỏ Việt Nam)… đã xác định được khu vực phân bố. Cụ thể, tại vùng biển nông như vịnh Bắc bộ, biển Đông Tây Nam bộ là nơi phân bố của các loài cá liệt, lượng, khế, phèn khoai, trác, hố, mối, nục sồ, mực nang và mực ống. Vùng biển miền Trung và giữa biển Đông là các loại cá thu ngừ, kiếm cờ, nục heo, ó, dơi, kiếm… Tôm, cua, rùa biển có ở nhiều vùng biển, nhất là khu vực vịnh Bắc bộ và Đông Nam bộ. Phổ biến ở nhiều vùng biển còn có các loài thân mềm (tu hài, hàu, vẹm, ốc hương…) có trữ lượng chỉ đứng sau cá…

Theo đánh giá của Viện nghiên cứu nguồn lợi thủy sản Việt Nam, những năm gần đây, các giống, loài thủy sản tự nhiên đang bị suy giảm nghiêm trọng cả về số lượng, đặc biệt nguồn lợi hải sản ven bờ và thủy sản nội đồng. Trong đó, đặc biệt có một số loài thủy, hải sản quý, hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cao như rùa biển, hải ngưu, ốc đụn, cá cúi (phân bố chủ yếu ở vịnh Hạ Long, vùng ven biển Khánh Hòa, Côn Đảo và Phú Quốc); cá sạo, cá kẽm mép vẩy đen, cá đù (Cù Lao Chàm - Quảng Nam); ốc sứ mắt trĩ, trai tai tượng (đảo Thổ Chu, Côn Đảo)… Nguyên nhân làm các loài này suy giảm và đứng bên bờ tuyệt chủng là do việc khai thác của ngư dân bằng ngư cụ hủy diệt (xung điện, kích điện), sử dụng lưới mắt nhỏ, kích cỡ không đúng quy định… Tình trạng đánh bắt vào các vùng cấm, khai thác cả cá thể chưa lớn (cá, mực, tôm con) khá phổ biến, dẫn tới nguồn lợi càng suy giảm lãng phí tài nguyên. Việc xây dựng đập thủy điện, đê ngăn lũ… làm cản trở đường di cư của các loài thủy, hải sản. Mặt khác, môi trường nước đang dần bị hủy hoại do nước thải từ thành phố, cụm dân cư, khu công nghiệp, làng nghề, các loại hóa chất dùng trong nông nghiệp đã tác động xấu tới sự sinh sản, phát triển của thủy, hải sản. Ngoài ra, quá trình phát triển, đô thị hóa, xây dựng các công trình ven biển, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội... cũng góp phần làm ô nhiễm, suy giảm chất lượng môi trường sống của các loài thủy sản; thu hẹp, mất dần diện tích rừng ngập mặn, bãi cỏ biển, rạn san hô vốn là nơi sinh trưởng của các loài hải sản trong giai đoạn ấu trùng và con non.

✶Trong những năm qua, Nhà nước đã có những chính sách gì để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, trong đó đặc biệt là công tác bảo tồn, tái tạo giống và các loài thủy sản quý, hiếm, thưa ông?

Ông Đinh Xuân Lập: Thời gian vừa qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản cũng như công tác bảo tồn, tái tạo các loài thủy, hải sản quý hiếm như: Luật Thủy sản năm 2017; Quyết định số 742/QĐ-TTg năm 2010 về quy hoạch, thiết lập 16 khu bảo tồn biển, Quyết định số 1479/QĐ-TTg năm 2008 về quy hoạch, thiết lập 45 khu bảo tồn thủy sản nội địa; Nghị định số 33/2010/NĐ-CP về quản lý hoạt động khai thác thủy sản; Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản… và mới đây nhất là Nghị định số 26/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản năm 2017, trong đó có nội dung về quản lý loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm… Có thể nói, việc ban hành các chính sách trên đã giúp bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản đang bị cạn kiệt, nhất là các giống, loài thủy, hải sản quý, hiếm có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học; gắn với quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác thủy, hải sản nhằm phát triển ngành khai thác thủy sản bền vững, đồng thời giữ gìn tính đa dạng sinh học của tài nguyên sinh vật biển Việt Nam.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn các loài thủy, hải sản quý, hiếm ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, do nhận thức của người dân còn thấp, nhiều người còn chưa biết cách nhận diện loài quý, hiếm. Bên cạnh đó, một số địa phương đã triển khai các dự án bảo tồn, nhân giống các loài thủy, hải sản quý, hiếm nhưng thực hiện ở diện tích hẹp nên chưa đủ phạm vi để bảo vệ, hay bảo tồn loài vì các loài thủy, hải sản tự nhiên thường hoạt động trên vùng rộng. Cùng với đó, công tác cứu hộ các loài thủy, hải sản quý, hiếm chưa được quan tâm, tình trạng người dân đánh bắt các loài thủy, hải sản quý, hiếm vẫn diễn ra tại nhiều địa phương, trong khi chế tài xử phạt việc buôn bán, sử dụng các loài thủy sản quý, hiếm chưa đủ sự răn đe nên một số người vẫn có sở thích săn tìm các sản phẩm quý, hiếm này để làm thuốc…

✶Ông có thể cho biết kết quả một số mô hình quản lý, bảo tồn các loài thủy sản đặc hữu, quý, hiếm được triển khai thực hiện ở một số địa phương trên cả nước?

Ông Đinh Xuân Lập: Từ những năm 1990, được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tại Vườn quốc gia (VQG) Côn Đảo đã hình thành các khu vực bảo tồn rùa biển và bãi đẻ của rùa. Tổ chức Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF) phối hợp với Ban Quản lý VQG Côn Đảo triển khai hệ thống gắn thiết bị vệ tinh theo dõi đường di cư của rùa biển. Nơi đây hiện đã hình thành 16 khu vực để rùa đẻ trứng, với hơn 2.400 tổ, số rùa nở đã được kiểm soát và thả về biển hơn 197.000 con. Qua thống kê cho thấy, số lượng rùa mẹ lên bãi đẻ trứng, số tổ trứng và số rùa con thả về biển tăng dần qua các năm. Cùng với Côn Đảo, nhiều địa phương cũng đã hình thành khu bảo tồn (KBT) biển, trong đó có việc bảo tồn và phát triển các cá thể rùa biển như: VQG Núi Chúa ở tỉnh Ninh Thuận, với tổng diện tích hơn 7.300 ha. Hàng năm có 3 loài rùa biển đến sinh sản gồm: Rùa xanh, đồi mồi và đồi mồi dứa. Tại KBT biển Cù Lao Chàm đã lập Trạm bảo tồn và cứu hộ rùa biển, giảm thiểu các tác nhân ảnh hưởng và gây tử vong cho rùa biển, cũng là nơi đầu tiên thực hiện bảo tồn chuyển vị rùa biển.

Ngoài rùa biển, mô hình bảo vệ các rạn san hô, là nơi quần tụ của các giống loài thủy sản cũng được tỉnh Bình Định triển khai. Năm 2017, Chi cục Thủy sản tỉnh Bình Định đã phối hợp với Trung tâm bảo tồn sinh vật biển và phát triển cộng đồng (MCD) triển khai Chương trình "Bảo vệ rạn san hô gắn với phát triển du lịch" trong khuôn khổ của Dự án "Tăng

▲ *Trạm cứu hộ các loài cá quý, hiếm Láng Sen*

cường khả năng phục hồi của cộng đồng ngư dân quy mô nhỏ và hệ sinh thái biển tại KBT biển cấp địa phương tại Bình Định". Để bảo vệ các rạn san hô, UBND tỉnh Bình Định đã tiến hành khoanh vùng các khu vực cấm khai thác, đánh bắt hải sản bằng phương pháp hủy diệt, giã cào đáy tại rạn vùng tiếp giáp; Không neo đậu tàu (trừ tàu du lịch) xả thải dầu nhớt tại các vùng bãi rạn và lân cận; Tiến hành công tác khôi phục lại rạn - diệt các loài rong biển cạnh tranh với san hô, động vật ăn san hô, trồng các loại rong tự làm sạch môi trường.

Để bảo vệ các loài cá, mô hình sử dụng kiến thức bản địa và xây dựng trạm cứu hộ các loài cá quý trong bảo tồn; phát triển các loài thủy sản quý, hiếm ở KBT đất ngập nước (ĐNN) Láng Sen. Mô hình được triển khai nhằm phục vụ công tác cứu hộ loài cá quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Long An và các địa phương khác lân cận KBT ĐNN Láng Sen. Trạm cứu hộ các loài cá quý, hiếm được xây dựng trong khuôn khổ Dự án "Sử dụng tri thức địa phương để giám sát và hỗ trợ quản lý hoạt động đánh bắt thủy sản, chú trọng vào các loài cá quan trọng quốc tế là vồ cờ, trà sóc và tra dầu ở hệ thống sông Mê Công trên địa phận tỉnh Long An, Việt Nam", do Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Phát triển nông thôn phối hợp với Ban Quản lý KBT ĐNN Láng Sen phối hợp triển khai, Quỹ đối tác về các hệ sinh thái trọng yếu (CEPF) tài trợ kinh phí. Trạm cứu hộ được trang bị các bể xử lý bệnh, bể dưỡng, thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác cứu chữa và điều trị bệnh cho cá trước khi thả lại tự nhiên, 2 cán bộ có chuyên ngành thủy sản của KBT được phân công phụ trách trạm, một đường dây nóng phục vụ cho việc thông tin về phát hiện các loài quý, hiếm giữa người dân và KBT được thiết lập, đồng thời, được thông báo rộng rãi đến cộng đồng và các cơ quan liên quan. Dự án cũng tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ KBT về cách cứu hộ và điều trị bệnh cho cá.

✶Từ những kinh nghiệm trong thực tiễn, ông có kiến nghị, đề xuất gì để phục hồi, phát triển các nguồn gen giống, loài thủy sản quý, hiếm này?

Ông Đinh Xuân Lập: Công tác bảo tồn, phục hồi và phát triển các loài thủy, hải sản quý, hiếm có ý nghĩa quan trọng hiện nay. Trước hết, cần rà soát, bổ sung và xây dựng mới các văn bản quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ các giống, loài thủy, hải sản quý, hiếm; trước mắt là các văn bản về quản lý các KBT biển, KBT vùng nước nội địa bảo đảm phù hợp quy định của Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học và thực tiễn của ngành, địa phương; Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động bảo vệ tái tạo các giống, loài thủy, hải sản quý, hiếm.

Hàng năm, thả bổ sung vào một số thủy vực tự nhiên các loài thủy sản bản địa, quý hiếm, loài có giá trị kinh tế và nghiên cứu khoa học nhằm khôi phục nguồn lợi, tăng mật độ quần thể của các loài thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, lập lại cân bằng sinh thái, ổn định quần xã sinh vật thủy sinh trong các thủy vực; Phục hồi một số hệ sinh thái điển hình như: San hô, cỏ biển, rừng ngập mặn tại các vùng biển có điều kiện và có vị trí quan trọng trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Thả rạn nhân tạo, tạo sinh cảnh, nơi cư trú, sinh sản và sinh trưởng của các loài thủy sản ở một số khu vực có điều kiện thuận lợi; nghiên cứu, lựa chọn giống bố, mẹ và hoàn thiện quy trình sản xuất giống nhân tạo một số loài thủy sản có nguy cơ tuyệt chủng.

Kiểm soát các hoạt động của tàu cá nhằm bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh trên các vùng biển. Nghiên cứu gắn chíp điện tử theo dõi sự di cư đối với một số loài động vật thủy sản có giá trị kinh tế và khoa học như: Rùa biển, cá ngừ đại dương…

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho ngư dân làm nghề khai thác thủy sản và thanh thiếu niên, học sinh tại địa phương ven biển về bảo vệ các loài thủy, hải sản quý, hiếm; đồng thời huy động các tổ chức xã hội và nghề nghiệp tham gia vào hoạt động bảo vệ tái tạo nguồn lợi thủy sản.

✶Xin cảm ơn ông!

TRẦN TÂN *(Thực hiện)*

▲ *Khóa tập huấn bảo vệ các loài cá quý, hiếm ở KBT ĐNN Láng Sen*

Cần có khung pháp lý thống nhất và cơ chế ưu đãi để thúc đẩy xã hội hóa xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày một nâng cao kéo theo đó là sự gia tăng về chất thải, đặc biệt là ở các khu đô thị, khu công nghiệp, nông thôn. Trong đó, chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) không những ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người mà nó còn gây mất mỹ quan, ảnh hưởng gián tiếp tới môi trường văn hóa - xã hội - kinh tế. Chính vì vậy, công tác quản lý, xử lý CTRSH luôn được quan tâm hàng đầu.Tại Hội thảo Mô hình quản lý và công nghệ xử lý CTRSH do Bộ TN&MT tổ chức vừa qua, giải pháp xử lý CTRSH bằng công nghệ ủ phân hữu cơ vi sinh và nhiệt phân tái chế rác ni lông kết hợp đốt tiêu hủy do Công ty TNHH TMDV Công nghệ mới (Newtech) giới thiệu được các đại biểu đặc biệt quan tâm. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với ông Nguyễn Thành Tài - Giám đốc Newtech về hiệu quả ứng dụng công nghệ này trong thời gian qua và kế hoạch triển khai trong thời gian tới.

▲ *Ông Nguyễn Thành Tài - Giám đốc Công ty TNHH TMDV Công nghệ mới (Newtech)*

✶Là đơn vị chuyên nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới về BVMT vào thực tiễn, vậy ông có thể cho biết đôi nét về hiện trạng CTRSH cũng như các công nghệ xử lý CTRSH hiện nay?

Ông Nguyễn Thành Tài: CTRSH hiện đã và đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường ở cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn. Việc không xử lý hoặc xử lý CTRSH không triệt để đã làm ô nhiễm nguồn nước, đất và không khí gây nhiều bức xúc cho người dân và lãng phí nguồn vốn của nhà nước để khắc phục hậu quả ô nhiễm tồn lưu.

Theo thống kê của Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT hiện tại có khoảng 300 đơn vị hành chính cấp huyện có số lượng CTRSH phát sinh 30-50 tấn/ngày chưa có Nhà máy xử lý CTRSH tập trung. Những khó khăn như thiếu nguồn vốn, ít quỹ đất và đơn giá xử lý thấp là yếu tố cản trở việc xử lý CTRSH ở quy mô đại trà. Bên cạnh đó để xử lý triệt để CTRSH cần phải có một giải pháp công nghệ tổng thể phù hợp với từng điều kiện địa phương và có hiệu quả cao về môi trường, đặc biệt là suất đầu tư thấp giúp các địa phương triển khai đầu tư hoặc kêu gọi xã hội hóa.

Công nghệ chôn lấp phần lớn đang được áp dụng ở các địa phương là công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường thứ cấp và lãng phí quỹ đất. Trong khi đó, phong trào áp dụng công nghệ ủ phân compost (phân hữu cơ) từ hơn 10 năm trước hầu như chứng minh hiệu quả đạt được là rất thấp. Các công nghệ khác như khí hóa phát điện hoặc đốt phát điện là công nghệ hiện đại có thể áp dụng tốt cho các đô thị lớn có nguồn ngân sách dồi dào nhưng lại không áp dụng được cho khu vực nông thôn và đô thị nhỏ. Vài năm trở lại đây nhiều địa phương áp dụng công nghệ đốt tiêu hủy nhưng việc đốt toàn bộ rác ni lông thì nguy cơ phát thải ra dioxin là rất cao.

✶Ý tưởng nào ông triển khai công nghệ xử lý CTRSH bằng công nghệ ủ phân hữu cơ vi sinh và nhiệt phân tái chế rác ni lông kết hợp đốt tiêu hủy?

Ông Nguyễn Thành Tài: Thời gian còn học ở Cộng hòa Liên Bang Đức, tôi thấy toàn bộ rác hữu cơ được tái chế thành phân hữu cơ vi sinh sử dụng cho nông nghiệp và những loại rác polyme như nhựa và ni lông được nhiệt phân để thu hồi các sản phẩm hóa dầu và phần rác phải đem đốt rất ít. Người Đức đã có kinh nghiệm xử lý rác lâu đời và đạt hiệu quả cao, do đó chúng tôi kết hợp các công nghệ trên thành giải pháp công nghệ để xử lý CTRSH dựa trên đặc tính của CTRSH Việt Nam.

✶So với các công nghệ xử lý CTRSH hiện nay, công nghệ

CTRSH bằng công nghệ ủ phân hữu cơ vi sinh và nhiệt phân tái chế rác ni lông kết hợp đốt tiêu hủy có những ưu điểm gì? Kết quả xử lý ra sao, thưa ông?

Ông Nguyễn Thành Tài: Giải pháp công nghệ của Newtech có nhiều ưu điểm như xử lý nhanh gọn rác trong ngày, quá trình xử lý không phát sinh mùi hôi và ruồi muỗi, tái sử dụng được nước rỉ rác, không cần sục khí trong quá trình ủ, quá trình nhiệt phân rác nilông gần như không phát sinh ra dioxin và lượng rác cần phải đốt chỉ còn khoảng 30-35%. Bên cạnh đó giải pháp công nghệ còn tạo được nhiều sản phẩm như phân hữu cơ vi sinh, dầu và than; đạt tỷ lệ thu hồi sản phẩm đến 35% tạo được hiệu quả kinh tế cao. Hiện tại giải pháp công nghệ của Newtech đã được áp dụng ở Tây Ninh, Bình Phước, Quảng Ngãi và Đồng Nai. Các đơn vị xử lý bước đầu đã đạt được hiệu quả môi trường cao và đang tiếp tục cải tạo để áp dụng hoàn chỉnh giải pháp công nghệ của Newtech.

✶Bên cạnh thế mạnh nêu trên, trong quá trình triển khai, ông có gặp những khó khăn gì? Hướng phát triển công nghệ này trong thời gian tới, thưa ông?

Ông Nguyễn Thành Tài: Thời gian qua nhiều Dự án xử lý CTRSH triển khai đạt hiệu quả thấp, nên nhiều chủ đầu tư và địa phương còn nhiều hoài nghi về các giải pháp công nghệ. Chúng tôi phải nỗ lực hỗ trợ tối đa cho các đơn vị xử lý và các địa phương để đảm bảo đạt hiệu quả cao trong quá trình xử lý CTRSH.Với ưu điểm suất đầu tư thấp (350-380 tr.đồng/tấn, ngày), sử dụng ít quỹ đất và chi phí vận hành thấp nhưng vẫn đạt hiệu quả môi trường - kinh tế cao thì giải pháp công nghệ Newtech phù hợp điều kiện với nhiều địa phương và nhà đầu tư trong nước. Thời gian tới, giải pháp công nghệ Newtech sẽ được triển khai đại trà tại các dự án ở khu vực nông thôn (<250 tấn/ngày) và các đô thị nhỏ (<400 tấn/ngày). Đồng thời, chúng tôi sẽ đề nghị Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương hỗ trợ kết nối các đơn vị xử lý với người nông dân, giúp người nông dân sử dụng phân hữu cơ vi sinh có chất lượng tốt với giá thành thấp và các đơn vị xử lý ổn định được nguồn tiêu thụ phân hữu cơ vi sinh.

▲ *Lò nhiệt phân rác ni lông*

▲ *Sản phẩm phân hữu cơ vi sinh từ CTRSH*

✶Thưa ông, để triển khai hiệu quả hoạt động xã hội hóa công tác BVMT, nhà nước cần có chính sách gì để thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ xử lý môi trường trong thời gian tới?

Ông Nguyễn Thành Tài: Nhà nước nên xem công tác xử lý môi trường một ngành kinh tế. Đồng thời, cần có khung pháp lý thống nhất và cơ chế chính sách ưu đãi để thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực xử lý CTRSH. Hiện nay một số địa phương vẫn còn tư duy theo cơ chế "xin - cho", đây là rào cản không nhỏ khiến các nhà đầu tư khó triển khai thực hiện. Do đó, cần tạo cơ chế thị trường cạnh tranh công bằng, minh bạch, chắc chắn các nhà đầu tư sẽ quan tâm và đầu tư mạnh vào lĩnh vực xử lý CTRSH; có như vậy CTRSH mới được xử lý triệt để và đại trà, đáp ứng được mong mỏi của người dân.

✶Trân trọng cảm ơn ông!

PHẠM TUYÊN *(Thực hiện)*

Vị giáo sư tâm huyết với công trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải rắn sinh hoạt

Từng giảng dạy ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh chuyên ngành hóa học, vi sinh học, GS.TS Trần Kim Quy năm nay 83 tuổi đã dành gần 20 năm nghiên cứu tìm ra những vi sinh vật có ích để xử lý rác và xây dựng quy trình sản xuất phân vi sinh. Giải pháp của ông với quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) đã đạt giải Nhất tại Cuộc thi Sáng chế năm 2018 do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức. Giải pháp được đánh giá có tính khả thi và ổn định cao trong điều kiện kinh tế hiện nay của Việt Nam.

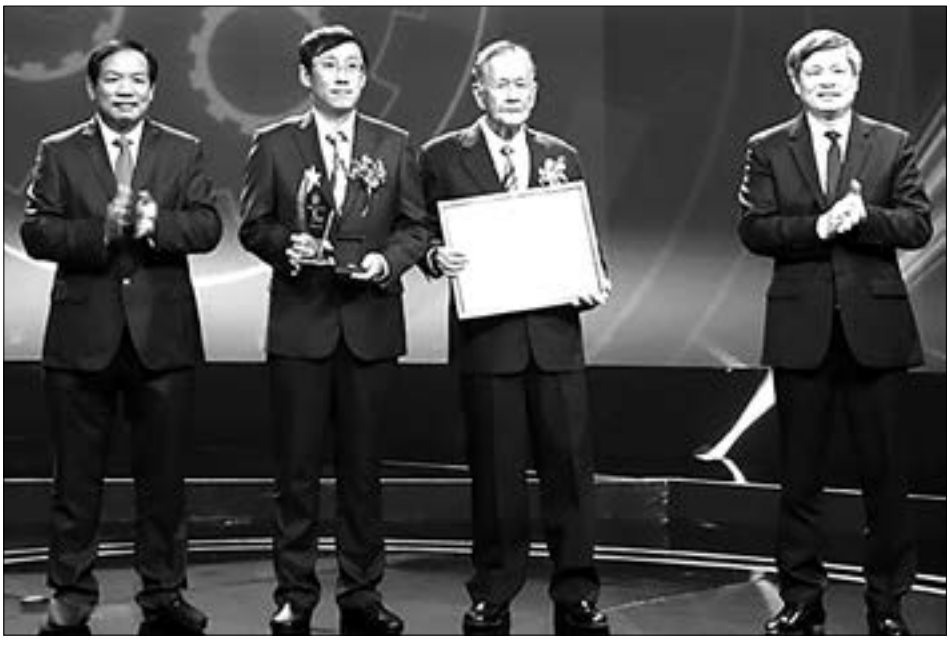

▲ *GS. TS. Trần Kim Quy (thứ hai từ phải qua) nhận giải Nhất từ Ban tổ chức*

Hiện nay, việc thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, sản xuất tại TP. Hồ Chí Minh nói riêng và trên cả nước nói chung chủ yếu là chôn lấp, đốt và sản xuất phân bón. Trong đó, việc xử lý bằng cách chôn lấp có nhược điểm rất lớn là gây ô nhiễm môi trường về mùi, nước rác, rỉ rác. Riêng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh mỗi ngày phát sinh khoảng 9.000 tấn rác thải sinh hoạt (trung bình tăng từ 5 - 6%/năm). Trong đó, 69% CTRSH được xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, 20% làm phân compost, 11% áp dụng công nghệ đốt. Nếu tiếp tục áp dụng phương pháp chôn lấp, TP sẽ phải bố trí nhiều diện tích đất để chôn lấp rác, dự kiến mỗi năm cần khoảng 35 ha đất. Trong khi đó, TP lại đang lãng phí mỗi ngày khoảng hơn 5.000 tấn rác thải hữu cơ, vì nguồn nguyên liệu này vẫn chưa được tận dụng chế biến thành phân hữu cơ và compost.

Trước những vấn đề từ thực tế đặt ra và mong muốn có một giải pháp để cải thiện tình trạng này, từ những năm 2004, GS.TS Trần Kim Quy cùng các cộng sự tại Viện Công nghệ hóa sinh ứng dụng TP. Hồ Chí Minh đã tập trung nghiên cứu với mục đích tìm công nghệ xử lý rác sinh hoạt để sản xuất phân hữu cơ phù hợp với điều kiện Việt Nam. Theo khảo sát của nhóm nghiên cứu, ở Việt Nam đang sử dụng một số công nghệ xử lý rác nhập từ Đan Mạch, Tây Ban Nha, Pháp và Trung Quốc. Các công nghệ này nhìn chung đều xử lý được rác thành phân hữu cơ đáp ứng nhu cầu sử dụng. Tuy nhiên, các công nghệ này cũng có một số hạn chế như điện năng tiêu thụ lớn, thời gian xử lý phân hủy rác lâu, lượng chất thải còn lại sau khi xử lý phải tiếp tục đưa đi chôn lấp, không xử lý được mùi hôi.

Sau nhiều năm nghiên cứu và thực hiện các dự án thử nghiệm, đến năm 2012, GS.TS Trần Kim Quy và các cộng sự đã tìm ra vi sinh vật giúp phân hủy rác và xây dựng quy trình tạo phân bón dinh dưỡng cho cây trồng, được các hội đồng khoa học nghiệm thu. Thành công của đề tài là đã tìm được một số chủng thuộc nhóm vi khuẩn tự dưỡng (Thiobacillus denitrificans), vi khuẩn nhóm lactic (Lactobacillus acidophilus)… có khả năng hạn chế quá trình tạo thành các hợp chất như H_2S và NH_3 gây mùi hôi thối của rác thải. Hai chủng vi sinh này được sử dụng để điều chế chế phẩm OCM dùng khử mùi hôi của rác. Để rút ngắn thời gian ủ rác thành phân, nhóm nghiên cứu đã thành công trong việc tìm ra chủng xạ khuẩn ưa nhiệt (Streptomyces), nấm

mốc. Các xạ khuẩn, nấm mốc này được phối trộn tạo ra chế phẩm CDM có tác dụng phân giải nhanh cenllulose trong rác thải. Đồng thời, nhóm nghiên cứu còn bổ sung vào rác bùn ống cống; phế liệu chế biến lương thực, thực phẩm; phân hầm cầu… giúp xử lý rác nhanh và hiệu quả.

Đây là lần đầu tiên quy trình ủ phân rác sinh hoạt bằng công nghệ vi sinh vật được các nhà khoa học trong nước thực hiện thành công. Điều đáng chú ý của đề tài nghiên cứu là GS.TS Trần Kim Quy và các cộng sự đã kiên trì hơn 6 năm để đi từ nghiên cứu ở phòng thí nghiệm đến ứng dụng vào thực tế. Giải pháp của GS.TS Trần Kim Quy đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng Bảo hộ độc quyền từ năm 2016 và được chuyển giao ứng dụng, cho kết quả tốt tại Nhà máy Xử lý rác thải Thủy Phương (Thừa Thiên - Huế).

Theo quy trình, khi rác tập kết về cơ sở sản xuất được phun vi sinh vật khử mùi và sau đó cho chạy trên băng tải. Sau quá trình phân loại, rác hữu cơ được đưa vào hầm ủ và phun chế phẩm có chứa vi sinh vật, khoảng 20 - 25 ngày, toàn bộ rác hữu cơ sẽ bị phân hủy và tạo thành phân vi sinh cung cấp dưỡng chất cho cây trồng. Ngoài ra, các thành phần khác trong rác thải được tận dụng như các chất dẻo (ni lông, nhựa) để tái chế nhựa sản xuất mặt bàn composite, chất trơ được sử dụng làm gạch block không nung lát đường, những thành phần kim loại, thủy tinh được tách ra trong quá trình xử lý để tái sử dụng.

Lễ trao giải Cuộc thi Sáng chế năm 2018 được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 25/4/2019 nhằm vinh danh 10 sáng chế xuất sắc, ứng dụng khả thi giúp cải thiện cuộc sống của người dân và góp phần phát triển kinh tế. Cuộc thi Sáng chế là hoạt động được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (KIPO) phối hợp với Cơ quan Sở hữu trí tuệ của các quốc gia tổ chức nhằm thúc đẩy việc tạo ra các giải pháp kỹ thuật hữu ích phục vụ cuộc sống của cộng đồng ở các quốc gia. Đến nay, Cuộc thi đã được tổ chức tại 12 nước trên thế giới. Đây là lần thứ ba Việt Nam phối hợp với WIPO và KIPO tổ chức Cuộc thi Sáng chế.

Qua 2 năm sản xuất thử nghiệm tại Nhà máy Xử lý rác thải Thủy Phương (vận hành xử lý từ 200 đến 360 tấn rác/ngày), lượng compost thu được có thể đem vào sản xuất phân bón hữu cơ. Kinh phí thực hiện từ khâu phân loại đến xử lý 1 tấn rác hết 800.000 đồng. Cứ 100 tấn rác thải sẽ sản xuất được 38 - 40 tấn phân vi sinh. Mỗi tấn được bán với giá 2,5 triệu đồng (rẻ bằng một nửa so với giá phân vi sinh đang bán trên thị trường từ 5 -10 triệu đồng/tấn)… Theo GS. TS Trần Kim Quy, với giá thành này giúp cho nhiều người dân mua được phân tốt để sử dụng và người đầu tư vẫn thu lợi nhuận.

Sáng chế của GS.TS Trần Kim Quy được đánh giá cao nhờ việc giải quyết được cùng lúc 2 nhu cầu bức xúc của xã hội là xử lý rác thải sinh hoạt và cung cấp nguồn phân hữu cơ giá rẻ cho thị trường. Bên cạnh đó, thời gian xử lý rác thải rút ngắn xuống chỉ còn khoảng 1/3 so với các công nghệ tương tự cũng như giải quyết được ô nhiễm trong quá trình xử lý. Mặc dù, tuổi đã cao nhưng ông vẫn đeo đuổi con đường nghiên cứu. Không dừng lại ở việc sản xuất phân hữu cơ từ rác sinh hoạt, hiện ông đang đăng ký bảo hộ sáng chế tại Cục Sở hữu trí tuệ với giải pháp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật sinh học làm từ lá cây■

LÊ HÀ

BIẾN CHAI NHỰA, GIẤY VỤN THÀNH HỌC BỔNG GIÚP HỌC SINH NGHÈO

Xuất phát từ thực tế hàng năm, trường có hơn 100 học sinh khó khăn cần giúp đỡ, đồng thời, với quy mô 1.400 học sinh học tập và sinh hoạt hàng ngày, lượng rác thải của trường lớn, trong đó có nhiều loại rác có thể tái chế, Đoàn trường THPT Tháp Mười (Đồng Tháp) đã đề xuất với lãnh đạo trường triển khai Chương trình thu gom chai nhựa, giấy vụn nhằm gây học bổng giúp học sinh nghèo. Hàng ngày, học sinh thu gom chai nhựa, giấy vụn trong lớp hoặc trên sân trường cho vào sọt rác của lớp mình đang học. Cuối buổi, học sinh mỗi lớp mang vật dụng thu gom được để Đoàn trường thống kê, tổng hợp và công khai làm cơ sở tính điểm thi đua, khen thưởng cho từng lớp. Kết quả, trung bình mỗi tuần học sinh của Trường THPT Tháp Mười thu gom được từ 40 - 50 kg chai nhựa, giấy vụn. Số rác thải trên được Đoàn trường tập hợp để bán và thu về số tiền từ 200.000 - 250.000 đồng/tuần, góp vào Quỹ "Học bổng xanh" của trường.

Qua 6 năm thực hiện (2013 - 2019), Đoàn trường THPT Tháp Mười đã thu được hơn 36 triệu đồng từ việc bán chai nhựa, giấy vụn để trao 58 suất học bổng (500.000 đồng/suất) cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn của trường. Việc triển khai Chương trình thu gom chai nhựa, giấy vụn không chỉ giúp trường có thêm nguồn quỹ học bổng mà còn giúp học sinh có được ý thức tiết kiệm và BVMT. Đặc biệt, từ khi triển khai Chương trình đến nay khuôn viên trường luôn được giữ gìn sạch, đẹp.

ĐỨC ANH

Gặp người phụ nữ biến rác thải thành tiền

HOÀNG KHANG
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Biến rác thải - nguyên liệu tưởng chừng như đồ bỏ đi thành nước rửa chén và nước lau nhà sinh học, chị Trịnh Thị Hồng trú tại phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng không chỉ thoát nghèo mà còn tạo việc làm cho hàng trăm phụ nữ trong vùng và đặc biệt là giúp cho môi trường sống sạch hơn.

Sinh ra trong gia đình nông dân nghèo ở làng chài ven biển, lại mồ côi từ nhỏ, năm chị em chị Hồng lớn lên trong tình yêu thương, đùm bọc, sẻ chia của bà con lối xóm và nuôi nấng ước mơ làm nhiều việc có ích để giúp đỡ cộng đồng. Năm 2011, chứng kiến cảnh xe chở rác bị hỏng 4 ngày không thu gom được gây mùi hôi cho cả khu dân cư, chị trăn trở, nuôi nấng ý tưởng biến rác thải thành tiền góp phần BVMT cũng như giúp dân làm giàu. Cơ duyên đến với chị năm 2012, chị may mắn được cử sang Philippin dự Hội thảo "Phát triển cộng đồng nghèo châu Á". Sau khi được nghe thuyết trình của đại diện Thái Lan về công nghệ lên men sinh học tạo chế phẩm từ rác thải hữu cơ, chị quyết tâm mang công nghệ này về nước, nghiên cứu để tạo ra sản phẩm tẩy rửa hữu ích.

Thời gian đầu nghiên cứu, chị không nhận được sự ủng hộ từ gia đình và nhiều lần thất bại. Rút kinh nghiệm từ những thất bại ấy, bằng lòng kiên trì, mày mò nghiên cứu, chị đã thành công với quy trình ủ rác thải thực vật, biến những thứ phế thải thành sản phẩm nước rửa chén, lau nhà sinh học. Từ đây, công thức "EM" ra đời, với quy trình đơn giản, chỉ với 3 kg rác thải (rau già, vỏ củ, quả, cát), rửa sạch, hòa 3 gam đường vào 10 lít nước, ủ trong thùng kín 30 ngày, lọc qua hệ thống lọc điều chỉnh PH. Kết thúc công đoạn này, sẽ thu được thứ dung dịch thô màu vàng, cứ 10 lít dung dịch sẽ cho ra được 2 lít thành phẩm qua quá trình lọc, chiết… Để tạo độ sánh, có bọt và mùi thơm, sản phẩm sẽ ủ thêm 45 ngày với các chế phẩm cà tím, tinh bột nghệ.

Sản phẩm nước rửa chén do chị Hồng làm ra mang nhiều đặc tính vượt trội như rửa sạch, khử độc, khử mùi, thông cống, không kích ứng da, tiết kiệm nước, tiết kiệm thời gian. Mỗi một chai nước rửa chén có thể pha thành 3 chai, có lợi cho người tiêu dùng. Trong khi đó, sản phẩm nước lau nhà của chị có công dụng làm sạch các vết bẩn bám trên bề mặt sàn nhà, gạch men, khử mùi kể cả nước tiểu chó, mèo... Lau nhà xong có thể dùng tưới cây làm tăng độ mùn cho đất, giúp cây phát triển tốt. Sản phẩm của chị đã được Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Đà Nẵng kiểm định chất lượng sản phẩm, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa.

▲ *Chị Trịnh Thị Hồng bên sản phẩm nước rửa chén sinh học*

Tiếng lành đồn xa, sản phẩm nước rửa chén bát thân thiên với môi trường, an toàn cho sức khỏe của chị được người dân tin dùng. Nhiều đoàn công tác của các tỉnh, thành đã đến tham quan, học tập. Đặc biệt, năm 2014, chị được Viện Quốc tế về môi trường và phát triển thích ứng dựa vào cộng đồng (CBA8) mời đến Nepal chia sẻ kinh nghiệm. Cuối năm 2015, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế, xã hội đã mời chị tham gia vào Vườn ươm doanh nghiệp Đà Nẵng. Sau nhiều lần xét duyệt, phỏng vấn, dự án của chị được chọn là một trong 8 dự án được ươm tạo khóa 1 tại Vườn ươm. Tốt nghiệp Vườn ươm vào tháng 7/2016, chị quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Minh Hồng, với số vốn điều lệ là 500 triệu đồng, chủ yếu dùng mua máy móc, thiết bị và trả tiền cho nhân công. Doanh thu hiện nay của công ty chị dao động khoảng 70 - 90 triệu đồng mỗi tháng (khoảng 1 tỷ đồng mỗi năm) với số lượng nhân viên 5 người. Hiện Công ty thu gom, xử lý được khoảng 94.500 kg rác thải hữu cơ thực vật mỗi tháng.

Bên cạnh đó, với mong muốn xóa nghèo bền vững cho người dân nơi mình sinh sống, trung bình 2 tháng, chị Hồng tổ chức tập huấn chuyển giao quy trình sản xuất cho dân một lần. Sau 30 ngày chị sẽ kiểm tra và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với những người sản xuất thành công. Những hộ chưa thành công thì sẽ được hướng dẫn lại cho đến khi làm được. Hiện số hộ nghèo tham gia sản xuất là 85 hộ, thu nhập từ 2,4 - 5 triệu đồng mỗi tháng. Dự tính đến năm 2020, chị Hồng hy vọng sẽ giải quyết cho 2.275 lao động thuộc hộ nghèo, ưu tiên phụ nữ.

Xuất thân từ một người nông dân, không có kiến thức về công nghệ sinh học, nhưng bằng sự quyết tâm và ham học hỏi, chị Trịnh Thị Hồng đã vươn lên thoát nghèo, làm giàu bền vững trên chính mảnh đất quê hương. Những việc làm của chị Hồng đã mở ra hướng đi mới tích cực cho chị em về giải quyết công ăn việc làm, tạo thêm thu nhập, vừa bảo vệ được môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Thời gian tới, chị sẽ đẩy mạnh tìm kiếm mặt bằng để mở rộng quy mô sản xuất, thiết kế mẫu mã đáp ứng kiểu dáng công nghiệp cũng như xúc tiến các kênh phân phối để đưa sản phẩm ra thị trường, mang đến cho bà con hàng Việt với tính năng an toàn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm■

Ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển nền nông nghiệp sạch ở Việt Nam - Yêu cầu bức thiết trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xuất hiện từ thập niên đầu của thế kỷ XXI. Sau những bước đi ban đầu, tại Hội trợ Hannover (Đức) năm 2011, một số cuộc hội thảo đã được tổ chức để bàn về khái niệm "Công nghiệp 4.0", một nền công nghiệp của các nhà máy thông minh và của chuỗi giá trị toàn cầu trong sản xuất - dịch vụ - kinh doanh. Năm 2012, Chính phủ Đức thông qua bản Kế hoạch hành động chiến lược công nghệ cao, lần đầu tiên sử dụng thuật ngữ "Cách mạng công nghiệp lần thứ tư".

Khác với ba cuộc cách mạng trước kia, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là sự gắn quyện giữa các nền công nghệ làm xóa nhòa đi giữa thế giới vật thể, thế giới số hóa, thế giới sinh học. Đó là các công nghệ internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, người máy, xe tự lái, in ba chiều, máy tính siêu thông minh, công nghệ nano, sinh học…

Cũng như các ngành kinh tế khác, Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra trong nông nghiệp. Nền nông nghiệp vận dụng thành quả của Cách mạng công nghiệp 4.0 được gọi là "Nông nghiệp 4.0". Yếu tố cốt lõi của nông nghiệp 4.0 là công nghệ thông tin, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo. Nông nghiệp 4.0 có ưu điểm tạo ra các nông sản chất lượng, năng suất cao ngay cả trong những điều kiện bất lợi; điều kiện làm việc của người lao động sẽ tốt hơn, thông qua kết nối internet, ngồi ở nhà người nông dân vẫn có thể biết được diễn biến lô thửa, cây trồng trên đồng ruộng và từng ô chuồng, từng con gia súc để ra các quyết định đúng.

Tại Việt Nam, không khó để bắt gặp những nông dân ứng dụng thiết bị cảm biến nhằm số hóa các yếu tố nước, phân, thuốc, độ ẩm, ánh sáng và chuyển nó vào các thiết bị kết nối intenet như máy tính, điện thoại. Họ có thể đi bất cứ đâu nhưng vẫn biết rõ tình hình trang trại. Điển hình như mô hình mà Tập đoàn FPT đang phối hợp triển khai tại Viện Rau quả, chuyên gia sống tại Nhật Bản cũng có thể kết nối và điều khiển được các yếu tố của trang trại rau tại Việt Nam.

▲ *Mô hình phát triển rau sạch bằng giải pháp nông nghiệp thông minh của Cầu Đất Farm thu hút nhiều du khách tới tham quan*

Để hướng đến một nền nông nghiệp sạch, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII định hướng: "Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu" chính là tạo tiền đề cho việc triển khai Cách mạng 4.0 trong nông nghiệp, hay Nông nghiệp 4.0. Quán triệt Nghị quyết của Đảng, nền nông nghiệp nước ta hiện nay có nhiều mô hình đã và đang ứng dụng hiệu quả thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào phát triển Nông nghiệp 4.0 - Nông ghiệp sạch. Điển hình như Công ty TH TrueMilk đã hình thành cánh đồng cỏ 2.000 ha áp dụng nhiều giải pháp tự động hoàn chỉnh, kỹ thuật tiên tiến từ khâu làm đất, gieo hạt, tưới nước, đến thu hoạch tự động... năng suất làm việc bằng 800 người; Công ty CP Cầu Đất Đà Lạt (Cầu Đất Farm) khởi đầu từ sản xuất nông sản sạch bằng phương pháp thủy canh. Đến nay, Công ty đã sở hữu nông trại có quy mô lớn, kết nối hệ thống phát triển rau sạch bằng các giải pháp nông nghiệp thông minh, ứng dụng IoT trong nhiều khâu của quy trình trồng trọt và tiêu thụ. Hệ thống giám sát, điều khiển qua internet tự động kiểm soát độ ẩm, tưới nước, bón phân, giúp chủ nông trại giám sát canh tác từ xa.

Tại Đồng Tháp, mô hình "Canh tác lúa tốt nhất" của

HTX Mỹ Đông, phối hợp với Công ty Rynan Smart Fertilizers, trồng giống Jasmine ứng dụng canh tác thông minh (bón phân tan chậm và phun chế phẩm sinh học một lần, sử dụng thiết bị cảm ứng năng lượng mặt trời điều tiết mực nước), giúp đạt năng suất 7 tấn lúa/ha; giảm giống từ 20 kg/công còn 6 - 8 kg; phân bón, số lần phun từ 5 lần còn 3 lần, sâu bệnh giảm hẳn và tiết kiệm được công lao động. Hoặc Tập đoàn FPT phối hợp với Fujitsu và Viện Rau quả làm mô hình rau ứng dụng công nghệ Akisai (công nghệ hỗ trợ toàn diện giải pháp quản lý nông nghiệp trên nền công nghệ điện toán đám mây), trong đó chuyên gia sống tại Nhật Bản vẫn có thể kết nối và điều khiển được các yếu tố của trang trại. Bên trong khu vực nhà kính và nhà trồng rau của Trung tâm Hợp tác nông nghiệp thông minh FPT - Fujitsu, toàn bộ không khí, ánh sáng, dinh dưỡng cần thiết cho quá trình sinh trưởng của các loại cây đều được quản lý, giám sát bằng máy tính. Ngoài ra, hệ thống cảm biến sẽ thu thập mọi thông tin về môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, CO_2, lượng ánh sáng, lượng mưa, hướng gió, tốc độ gió... để điều chỉnh phù hợp điều kiện phát triển của cà chua và xà lách ít kali. Dựa trên kết quả phân tích, các máy làm mát hay kiểm soát ánh sáng đều được vận hành tự động, giúp duy trì môi trường sinh trưởng tối ưu cho xà lách và cà chua. Việc ứng dụng công nghệ điện toán đám mây cùng internet kết nối vạn vật đã mở đường cho những hoạt động quản lý nông nghiệp hoàn toàn mới. Con người không cần có mặt trực tiếp, thậm chí ở một số khâu, robot sẽ thay thế con người, từ đây hình thành một nền nông nghiệp chính xác và tự động.

Có thể nói, Nông nghiệp 4.0 - Nông nghiệp sạch là xu thế toàn cầu, song việc lựa chọn đúng quy mô, ngành hàng, thị trường và hiệu quả cần được quan tâm hơn. Theo đó, để tận dụng được những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào phát triển nền nông nghiệp sạch ở nước ta, cần đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp cao, hàng hóa lớn; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực quốc gia và vệ sinh an toàn thực phẩm. Điều này góp phần hình thành các cánh đồng mẫu lớn, trang trại quy mô rộng để dễ dàng áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chăn nuôi; đổi mới đầu tư công, dịch vụ công theo hướng chuyển nền nông nghiệp chủ yếu dựa vào đất đai, lao động rẻ sang nền nông nghiệp đổi mới và sáng tạo để vừa đón đầu, nắm bắt được thành tựu, cũng như tận dụng được các tác động tích cực của Nông nghiệp 4.0, vừa điều chỉnh để hạn chế tối đa tác động tiêu cực của sự thay đổi này.

Đồng thời, tập trung đầu tư vào đổi mới và sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ phù hợp với từng địa phương, tạo ra chuỗi giá trị nông sản thực phẩm bền vững; khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới, tích hợp các xu hướng, thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 vào nội dung chương trình giáo dục, đào tạo, hướng nghiệp, tạo nguồn lao động có khả năng tiếp cận, nền Nông nghiệp 4.0; tiếp tục hỗ trợ, cung cấp tín dụng cho nông dân, các doanh nghiệp, trang trại ứng dụng công nghệ 4.0 ở tất cả các lĩnh vực trong chuỗi nông sản thực phẩm. Hiện nay, Nhà nước đang có chính sách về vốn cho nông dân và doanh nghiệp, gói tín dụng 100.000 tỷ đồng cho nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch với lãi suất thấp hơn từ 0,5 - 1,5% so với lãi suất thị trường.

Bên cạnh đó, cần bổ sung chính sách hỗ trợ vốn và bảo hiểm cho nông dân đầu tư thiết bị thông minh để phân tích đất, nhằm điều chỉnh chế độ dinh dưỡng thông minh cho cây trồng, hoặc thiết bị thu thập dữ liệu môi trường canh tác. Ngoài ra, để xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, phải ưu tiên những nông hộ nằm trong mô hình nông nghiệp 4.0 hoàn chỉnh■

LÊ SỸ CƯƠNG
HOÀNG THỊ KIM NGỌC

KHAI GIẢNG KHÓA ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN NGUỒN VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH

Ngày 8/4/2019, tại TP. Cao Lãnh (Đồng Tháp), Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (LĐLĐVN) đã tổ chức khai giảng khóa đào tạo giảng viên nguồn về Tăng trưởng xanh (TTX) - Module 8. Đây là sự kiện nằm trong khuôn khổ Chương trình hợp tác giữa Tổng LĐLĐVN và Viện Friedrich-Ebert-Stiftung CHLB Đức (Viện FES). Theo đó, Viện FES hỗ trợ Tổng LĐLĐVN và các cấp Công đoàn tham gia thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về TTX. Trong đó, việc tổ chức đào tạo giảng viên nguồn về TTX gồm 9 Module, bao gồm 2 phần lý thuyết kết hợp với đi thực tế, dưới sự hướng dẫn của giảng viên thuộc trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trung tâm Sản xuất sạch hơn (VNCPC). Khóa đào tạo thuộc Module thứ 8, diễn ra trong 5 ngày (8/4 - 12/4/2019).

Tại khóa đào tạo, các học viên được học tập kiến thức, kỹ năng và kết hợp giữa kiến thức với thực tiễn về tầm quan trọng của TTX, cũng như trách nhiệm của tổ chức Công đoàn, đoàn viên đối với TTX trong bối cảnh biến đổi khí hậu - nước biển dâng…

P.L

Mô hình trồng dưa lưới công nghệ cao, thân thiện với môi trường của chàng trai vùng khó Quảng Trị

Chuyển dịch cơ cấu sang sản xuất nông nghiệp sạch theo hướng áp dụng công nghệ cao (CNC) để cung ứng cho thị trường đang là hướng đi mới, giúp người dân tỉnh Quảng Trị nâng cao đời sống. Là một trong những mô hình tiên phong của tỉnh về ứng dụng CNC, mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng của anh Lê Văn Vượng ở Hợp tác xã (HTX) Trường Sơn, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh đã mang lại hiệu quả thiết thực.

Dưa lưới thuộc họ bầu bí, là cây ăn quả có thời gian sinh trưởng ngắn, trồng được nhiều vụ trong năm với năng suất cao, được xem là loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Thành phần của dưa có chứa chất chống ôxy hóa dạng polyphenol, có khả năng phòng chống ung thư và tăng cường hệ miễn dịch. Cùng với đó, trong dưa có chứa nhiều chất xơ nên có tác dụng nhuận tràng, chống táo bón, là nguồn cung cấp beta-carotene, acid folic, kali và vitamin A, C giúp điều hòa huyết áp, ngừa sỏi thận, lão hóa xương… Ở Việt Nam, ngoài các giống dưa lưới truyền thống được trồng từ lâu như dưa trắng Hà Nội, dưa mật Bắc Ninh, dưa vàng Hải Dương trái nhỏ, thơm, ngọt, thì những năm gần đây, dưa lưới cũng rất được người tiêu dùng ưa chuộng. Nắm bắt được điều này, chàng trai sinh năm 1993, Lê Văn Vượng, đã dành nhiều tâm huyết nghiên cứu mô hình trồng dưa lưới Nhật Bản trong nhà màng.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ trở về, chàng trai trẻ Lê Văn Vượng "nuôi" quyết tâm làm giàu trên chính mảnh đất quê hương. Được huyện Vĩnh Linh cho đi tham quan, học hỏi mô hình sản xuất CNC ở các tỉnh bạn, anh đã chọn dưa lưới làm "tình yêu" cho mình. Không có vốn, Vượng kêu gọi 14 thành viên khác cùng thành lập HTX Trường Sơn chuyên trồng dưa lưới Nhật Bản do anh làm Giám đốc. Với 700 triệu đồng vốn do các thành viên đóng góp, cùng 300 triệu đồng được huyện hỗ trợ, tháng 7/2017, vườn dưa lưới trong nhà màng đầu tiên của HTX được hình thành trên diện tích hơn 2.000 m^2. Bên trong nhà màng, Vượng đầu tư hệ thống tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước, hệ thống phun sương cho cây trồng.

▲ *Anh Lê Văn Vượng dành nhiều tâm huyết chăm sóc vườn dưa lưới*

Sau 1 tháng, khi đã chuẩn bị đất, xử lý vi khuẩn, Vượng đã trồng khoảng 4.800 gốc dưa lưới trong nhà màng. Được đánh giá là giống cây mới, kén đất trồng, thế nhưng loại dưa lưới được anh Vượng trồng thành công và cho hiệu quả cao. Chỉ trong một thời gian ngắn, cây sinh trưởng tốt, tỷ lệ đậu quả trên 70%, tổng sản lượng ước đạt từ 4 - 4,5 tấn. Anh Vượng cho biết, khác với phương pháp canh tác tự nhiên, việc trồng dưa ứng dụng CNC phải đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt từ khâu làm đất, bón phân, nước tưới... Ngay từ công đoạn chuẩn bị cây con và giá thể, anh phải sử dụng khay ươm cây thường bằng vật liệu xốp (50 lỗ/khay) để gieo hạt. Giá thể gieo hạt là mụn xơ dừa đã được xử lý chất chát (tanin), phân hữu cơ (trùn quế hoặc phân chuồng) đã được xử lý bằng tricoderma và tro trấu phối trộn theo tỷ lệ tương ứng là 70% + 20% + 10%, rồi cho vào đầy lỗ mặt khay và tiến hành gieo 1 hạt/lỗ. Dung dịch dinh dưỡng và nước tưới được cung cấp đồng thời qua hệ thống tưới nhỏ giọt có nồng độ phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng theo từng giai đoạn sinh trưởng của cây. Khi trồng được 7 - 10 ngày, bắt đầu treo dây cố định cây, đến giai đoạn ra hoa tiến hành thụ phấn bằng ong hoặc thủ công. Sau 3 tháng chăm sóc, mỗi cây có thể ra từ 1 - 4 quả, nhưng để

quả đạt chất lượng cao, mỗi cây chỉ để duy nhất 1 quả. Sau đó, tiến hành tỉa cành nách tạo thông thoáng và hạn chế tiêu hao dinh dưỡng. Khi quả có đường kính từ 2 - 4 cm (khoảng 40 ngày sau trồng) thì hãm ngọn để tập trung dinh dưỡng nuôi quả.

Đặc biệt, canh tác theo phương pháp nông nghiệp sạch ứng dụng CNC đòi hỏi HTX Trường Sơn khi trồng trọt phải áp dụng theo một quy trình chuẩn khép kín, không sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, hóa chất độc hại trong sản xuất mà chỉ sử dụng các chế phẩm hữu cơ vi sinh. Ngoài ra, do được trồng trong nhà kính, có hệ thống tưới tiêu tự động nên khi thu hoạch xong, sử dụng cây mới trồng thay thế cho cây cũ. Vì vậy, có thể canh tác quanh năm trong mọi điều kiện thời tiết, thường mỗi năm có thể sản xuất 3 vụ dưa, với giá bán từ 40 - 50 nghìn đồng/kg. Ngoài dưa lưới, anh Vượng còn trồng thêm 10 sào dưa hấu sạch. Cây dưa hấu mùa đông không trồng được với môi trường bên ngoài thì lại phát triển tốt trong nhà kính và cho sản lượng cao…

HTX Trường Sơn là một trong các mô hình thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng CNC. Đây là hướng đi đúng, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, đặc biệt là với ngành nông nghiệp và người nông dân. Thành công bước đầu của mô hình trồng dưa lưới Nhật Bản trong nhà màng của anh Lê Văn Vượng đã đem đến niềm tin và động lực lớn để nông dân huyện Vĩnh Linh nói riêng và tỉnh Quảng Trị nói chung tiếp tục trồng trọt theo hướng CNC, thân thiện với môi trường■

PHƯƠNG LÊ

NHÀ MÁY ĐỐT RÁC SINH HOẠT PHÁT ĐIỆN CẦN THƠ:

Giải quyết vấn đề rác thải sinh hoạt, tạo ra nguồn năng lượng mới thân thiện với môi trường

Sau 6 tháng đi vào hoạt động, Nhà máy đốt rác sinh hoạt phát điện Cần Thơ, do Công ty TNHH China Everbright Quốc tế làm chủ đầu tư, với số vốn trên 1.050 tỉ đồng bước đầu giải quyết vấn đề ô nhiễm từ rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố (TP). Dự án góp phần giúp TP tiếp cận với công nghệ xử lý hiệu quả nhằm giảm thiểu ô nhiễm và cải thiện môi trường, đảm bảo phát triển bền vững, phù hợp với quy hoạch chung về xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn TP đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

China Everbright International Limited được thành lập năm 1993 tại Hồng Kông và là Công ty hàng đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (BVMT) trên toàn thế giới. China Everbright International Limited cung cấp giải pháp môi trường toàn diện đầu tiên tại Trung Quốc. Các dự án đầu tư của China Everbright International Limited tập trung tại 18 tỉnh/TP của Trung Quốc và các nước Đức, Ba Lan, Việt Nam. Tính đến năm 2018, Công ty đã thực hiện 335 dự án về BVMT, tổng vốn đầu tư gần 14.8 tỷ USD, với hơn 10.000 nhân viên, doanh thu năm 2018 đạt 3.442 tỷ USD. Nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện Cần Thơ là Dự án xử lý rác sinh hoạt phát điện với tiêu chuẩn cao nhất tại Việt Nam.

Hiện nay, công nghệ đốt rác sinh hoạt phát điện được sử dụng rộng rãi trên thế giới. Rác thải sinh hoạt theo công nghệ xử lý đốt được đốt ở nhiệt độ cao, trọng lượng rác sau khi đốt giảm 75%, thể tích rác giảm 90%, nhiệt dư sản sinh ra được dùng để phát điện (1 tấn rác có thể sản xuất ra 300 - 400 kWh điện), khí thải, tro bay đã được xử

▲ *Khuôn viên Nhà máy đốt rác sinh hoạt phát điện Cần Thơ*

lý đạt tiêu chuẩn BVMT của Việt Nam. Công nghệ đốt rác phát điện có ưu điểm như giảm phần lớn khối lượng và thể tích rác, công nghệ chuyên sâu và vận hành ổn định, diện tích chiếm đất ít…; khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn châu Âu 2010, không phát thải khói ra môi trường, đáp ứng tiêu chuẩn Bộ TN&MT Việt Nam, nước rỉ rác sau khi xử lý được tái sử dụng toàn bộ bên trong Nhà máy.

Đối với hệ thống cấp rác, tiếp nhận rác, đo lường, lưu trữ và lên men rác thải sinh hoạt được thực hiện theo quy trình khép kín. Rác thải sinh hoạt sau khi được đưa vào bể chứa và lên men từ 5 đến 7 ngày duy trì ở trạng thái áp suất âm, đảm bảo khống chế mùi môi thối không phát tán ra ngoài bể chứa rác. Trong bể chứa rác có lắp đặt gầu múc rác bán tự động để đưa rác đã lên men vào lò đốt. Trung tâm của Nhà máy đốt rác phát điện, bao gồm hệ thống lò đốt và lò dư nhiệt. Lò đốt rác (China Everbright International Limited sử dụng thiết bị chuyển động đa cấp, rác thải sinh hoạt đầu tiên được làm khô, sau đó rác được đưa vào giai đoạn đốt). Hệ thống lò đốt rác là thiết bị chủ yếu của Nhà máy đốt rác phát điện, tính năng của nó ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu phát thải và hiệu suất vận hành của toàn bộ hệ thống thiết bị phụ trợ. Bên cạnh đó, Nhà máy còn có các hệ thống phát điện, làm sạch khói, xử lý nước rỉ rác, thu gom và xử lí tro bay, xử lý tro xỉ…đều đạt được yêu cầu nghiêm ngặt nhất về các chỉ tiêu phát thải ra môi trường.

Tính đến cuối tháng 3 năm nay, Nhà máy đã xử lý được khoảng 70.600 tấn rác, lượng điện sản xuất ra 18.000.000 kWh, số điện năng này có thể cung cấp cho 2300 hộ gia đình sử dụng trong vòng 1 năm. Mỗi ngày Nhà máy có thể xử lý 400 tấn rác thải sinh hoạt, ước tính bằng 60% tổng lượng rác thải của TP. Cần Thơ, tiết kiệm 25.000 tấn than khi vận hành Nhà máy nhiệt điện, giảm bớt 10.400 tấn $C0_2$, góp phần giảm lượng hóa, tài nguyên hóa cho rác thải của TP.

Ông Li XiaoPeng, Chủ tịch Tập đoàn Everbright (chủ đầu tư Nhà máy), cho biết: "Kể từ khi nhận quyết định chủ đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy đốt rác phát điện Cần Thơ, chúng tôi luôn thực hiện theo mục tiêu "Xây dựng Dự án theo tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp cho TP", tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật Việt Nam về BVMT. Trong quá trình hoạt động, chúng tôi luôn có trách nhiệm với xã hội và BVMT, không để phát thải xảy ra nhằm mang lại hiệu quả tốt trong hoạt động sản xuất, kinh doanh". Để mang lại hiệu quả kinh tế và môi trường Nhà máy đốt rác sinh hoạt phát điện Cần Thơ có một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, đề nghị nhà nước có chính sách về xử lý chất thải rắn để khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc hợp tác với các công ty môi trường địa phương; Phát điện và quy hoạch kết nối lưới điện, khuyến nghị nhà nước thống nhất phê duyệt theo quy hoạch.

Thứ hai, chất thải công nghiệp nói chung gần giống với chất thải sinh hoạt, nên đề xuất sử dụng công nghệ đốt rác tiên tiến để xử lý chất thải liên quan và tận dụng triệt để công nghệ đốt rác để giải quyết nhiều hơn vấn đề môi trường.

Thứ ba, xỉ lò được kiểm tra đã đáp ứng các điều kiện có thể tận dụng để tái sử dụng. Đồng thời, đề xuất Bộ Xây dựng nên có quy định cụ thể nhằm tận dụng bột than, tro bay…sau khi đã được kiểm tra thử nghiệm đủ điều kiện căn cứ vào tình hình thực tế có thể chôn lấp an toàn hoặc tận dụng để tái sử dụng.

Với năng lực, kinh nghiệm quản lý, điều hành của lãnh đạo và nhân viên Công ty, mong rằng, Nhà máy đốt rác sinh hoạt phát điện Cần Thơ sẽ phát huy hiệu quả đầu tư, trở thành một trong những mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn của TP. Đồng thời, đây là mô hình đốt rác phát điện có thể nhân rộng trên cả nước như một giải pháp xử lý rác sinh hoạt hiệu quả và bền vững cho đô thị Việt Nam■

PHẠM HỒNG DƯƠNG

▲ *Toàn cảnh Nhà máy*

Người công nhân vệ sinh môi trường tỏa sáng tại Giải thưởng Tôn Đức Thắng lần thứ 18

▲ *Anh Hứa Minh Tuấn vinh dự được nhận Bằng khen tại Giải thưởng Tôn Đức Thắng lần thứ 18*

Giải thưởng Tôn Đức Thắng lần thứ 18, được tổ chức vào tháng 8/2018 đã trao giải cho 11 cá nhân tiêu biểu có nhiều sáng kiến, nghiên cứu khoa học thiết thực, được áp dụng vào thực tế sản xuất kinh doanh; đồng thời truyền nghề, truyền lửa cho đội ngũ kế cận khơi nguồn sáng tạo, trong đó có anh Hứa Minh Tuấn - Phó xưởng Chi nhánh Môi trường đô thị Sài Gòn (Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Hồ Chí Minh). Anh được mọi người biết đến với tinh thần làm việc miệt mài, âm thầm sáng tạo ra nhiều sản phẩm hữu ích, như thiết bị máy vớt rác đường sông tiên tiến; bồn hút chân không tự hành và máy nghiền cắt 1 trục.

Giữa năm 2016, tình trạng cá chết hàng loạt, số lượng lên đến cả trăm tấn trên kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (TP. Hồ Chí Minh), gây ô nhiễm môi trường. Nếu xử lý bằng thiết bị vớt rác thủ công như trước đây thì phải mất rất nhiều thời gian, nhưng với thiết bị vớt rác đường sông tiên tiến do anh Tuấn cùng đồng nghiệp cải tiến kỹ thuật, đã giải quyết tình trạng trên chỉ trong 2 ngày, 2 đêm. Công trình không chỉ mang lại giá trị kinh tế, tiết kiệm nhiên liệu, tăng năng suất, giảm sức lao động, rút ngắn thời gian làm việc... mà còn giải quyết được nhiều vấn đề khác như an toàn lao động, cải thiện chất lượng môi trường của TP.

Cũng trong năm 2016, Chi nhánh của anh Tuấn quản lý và sử dụng 3 cont bồn tự hành 8 m^3 tại Trung tâm thương mại Vivo City; hút bùn cho các bệnh viện, trường học, siêu thị, hầm xử lý nước... Tuy nhiên, đa số các tòa nhà cao tầng, trung tâm thương mại có đặc điểm thiết kế cơ bản gần giống nhau, các hầm thu bùn, hầm thu tách mỡ đều đặt ở tầng hầm, độ sâu so với mặt đất khoảng 12 - 16 m, khẩu độ của mỗi tầng dao động từ 2 - 2,2 m. Với độ sâu ấy, khó có thiết bị hút trực tiếp từ mặt đất xuống dưới tầng hầm thứ 2 của các tòa nhà. Được đơn vị giao trọng trách cùng các đồng nghiệp tìm giải pháp để thực hiện hiệu quả công tác hút bùn, anh Tuấn đã nảy ra ý tưởng thiết kế một thiết bị bồn hút chân không tự hành làm trạm trung chuyển bùn, chất thải trước khi di dời đi nơi khác. Sau thời gian miệt mài nghiên cứu với các giải pháp khác nhau, tháng 12/2016, anh Tuấn và đồng nghiệp đã chế tạo thành công thiết bị bồn hút chân không tự hành, có dung tích 0,7 m^3 đặt trên xe Suzuki 500 kg hoặc bồn tự hành có dung tích 2 m^3 đặt trên khung có bánh xe để kéo (rơ móoc kéo), sử dụng ống hút trung chuyển tại các hầm mỡ, hầm bùn nằm ở sâu tầng thứ 3 - 4 của các tòa nhà, có khẩu độ thấp và dùng xe Suzuki đưa thiết bị xuống dưới hầm hút rồi chuyển vào cont bồn chứa 12 m^3 phía trên mặt đất. Thiết bị bồn hút chân không tự hành khi được đưa vào sử dụng đã nâng cao hiệu suất công tác hút bùn, với ưu điểm là vận hành đơn giản, dễ thay thế, bảo dưỡng, sửa chữa. Do được đặt trong thùng kín nên không làm mất mỹ quan đô thị, kích thước phù hợp cho việc hút trung chuyển, tạo niềm tin, uy tín, được nhiều doanh nghiệp tin dùng và ký hợp đồng dài hạn, hút theo định kỳ (4 tháng/lần đối với hút bùn thải ở các hố bơm và các hố trung chuyển của hệ thống xử lý nước; 6 tháng hút/lần đối với các bể mỡ thải) như Công ty CP Đầu tư Times Square Việt Nam, Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản Vissan...; một số hợp đồng hút bùn liên tục (ngày nào cũng thực hiện) như Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản Vissan, Công ty CP B.O.O Nước Thủ Đức... Sáng kiến này đã giúp Công ty tăng giá trị doanh thu trên 5 tỉ đồng/năm.

Tiếp đó, tháng 12/2017, được sự phân công của lãnh đạo Chi nhánh, anh Tuấn cùng các anh em tiếp tục thiết kế và chế tạo thành công máy nghiền cắt 1 trục (có hệ thống

bản lùa), chuyên hủy vải cuộn, quần áo, giày dép, logo... phục vụ công tác hủy hàng trong các nhà máy công nghiệp, đồng thời góp phần giảm bớt khối lượng hàng giả, hàng lậu, hàng quá hạn sử dụng. Máy nghiền cắt này không làm ảnh hưởng đến môi trường do sử dụng động cơ điện 3 pha, không phát sinh khói bụi và tiếng ồn như động cơ máy nổ, chi phí lại thấp hơn so với máy nhập. Hiện Chi nhánh Sài Gòn đang thực hiện nhiều loại hình dịch vụ, trong đó có dịch vụ hủy hàng thuốc lá, thức ăn, sữa, váng sữa, bánh kẹo đóng gói tại các siêu thị, vải cuộn, ba lô, mỹ phẩm... Khối lượng hủy hàng cho một đợt rất lớn, từ vài tấn đến vài chục tấn.

Đằng sau những thành quả kể trên là những nỗ lực phấn đấu bền bỉ, tinh thần hăng hái học tập, sáng tạo của anh Tuấn. Với những thành tích đạt được, anh Hứa Minh Tuấn đã được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh; Bằng khen của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động TP. Hồ Chí Minh cùng nhiều giấy khen do Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP. Hồ Chí Minh trao tặng và mới đây nhất, anh đã vinh dự được xứng tên tại Lễ trao giải Giải thưởng Tôn Đức Thắng lần thứ 18.

Có thể nói, nhiệt huyết và lòng yêu nghề đã giúp anh Tuấn tìm ra những giải pháp cải tiến thiết thực, giúp Công ty vượt qua khó khăn. Anh còn là người luôn nhiệt tình giúp đỡ đồng nghiệp vươn lên, khẳng định tay nghề. Anh chính là tấm gương sáng, minh chứng rằng, những người công nhân vệ sinh môi trường giờ đây không phải chỉ biết làm theo công nghệ, công cụ lao động sẵn có, mà họ có thể tự tìm tòi, tham khảo, học hỏi kỹ thuật tiên tiến của thế giới để vận dụng vào cải tiến kỹ thuật máy móc ở đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả công tác vệ sinh môi trường■

TRƯƠNG THỊ HẬU

Thành phố Hội An - Nơi "bật một que diêm" trong Cuộc vận động cộng đồng hạn chế sử dụng các sản phẩm từ nhựa

▲ *Người dân Hội An sử dụng lá chuối gói rau và túi vải đi chợ để hạn chế rác thải nhựa*

Trong khi chính quyền nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đang loay hoay tìm cách xử lý, giải bài toán rác thải, "giải thoát" cho địa phương khỏi vấn nạn ô nhiễm môi trường thì TP. Hội An đã có nhiều cách làm hay, tích cực, góp phần giảm thiểu lượng rác thải nhựa thải ra môi trường, trong đó, các cơ quan, đơn vị hành chính của TP chính là những mũi tiên phong cho "cuộc chiến" này.

Nơi đầu tiên thí điểm "Nói không với túi ni lông" tại TP. Hội An là đảo Cù Lao Chàm (CLC), xã Tân Hiệp. Từ tháng 5/2009, các hộ gia đình, hộ kinh doanh và đơn vị hành chính tại CLC đã ký cam kết không sử dụng túi ni lông trong sinh hoạt hàng ngày; không phát túi ni lông cho người mua hàng; khuyến cáo "Nói không với túi ni lông" đối với khách du lịch. Chiến dịch thành công nhờ vào sự ủng hộ, đồng thuận của cả cộng đồng. Rất nhiều hoạt động thiết thực được phát động, triển khai để cụ thể hóa khẩu hiệu "CLC nói không với túi ni lông" thành việc làm cụ thể như: "Vì CLC, vì biển xanh, đảo xanh"; "Xách giỏ đi chợ - Phong cách của người nội trợ"; "Tiết kiệm bao bì là BVMT"; "CLC nói không với ống hút nhựa, ly nhựa dùng một lần"… Từ điểm khởi đầu ở CLC, ngày 9/9/2009, Hội An là địa phương trong cả nước phát động "Ngày không túi ni lông". Ngay năm đầu tiên triển khai, TP đã vận động được hơn 10.000 chữ ký của các đơn vị, gia đình và du khách cam kết không sử dụng

▲ *Sử dụng chai thủy tinh khắc tên riêng trong các cuộc họp, thay thế cho chai nhựa*

túi ni lông; hơn 103.600 túi ni lông đã qua sử dụng được thu gom và phát đổi 3.500 túi thân thiện với môi trường; hơn 1.500 hộ dân, 100 cửa hàng trên đường Lê Lợi, phường Minh An, 650 tiểu thương chợ Hội An hưởng ứng, cam kết nói không với túi ni lông. Từ sự ủng hộ của các doanh nghiệp, Hội An cũng tổ chức, phát đổi miễn phí 30.000 túi giấy và 2.000 túi vải cho người dân, du khách…

Phát huy những kết quả đã đạt được, năm 2017, TP. Hội An tiếp tục xây dựng Kế hoạch "Hướng đến không rác thải nhựa", trong đó, cơ quan hành chính công là đơn vị đầu tiên triển khai Kế hoạch với mục tiêu "Công sở không rác thải nhựa". Tại các cuộc họp và phòng làm việc của các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn TP không còn sự xuất hiện của chai nhựa, thay vào đó là sự hiện diện của những chai nước thủy tinh được khắc tên riêng. Mục tiêu tiếp theo của Kế hoạch là thay thế toàn bộ thiết bị văn phòng phẩm nơi công sở bằng những sản phẩm sinh thái, thân thiện với môi trường. Cũng trong năm 2017, TP. Hội An tiến hành Chiến dịch "Nói không với chai nhựa và các sản phẩm làm từ nhựa", nhằm tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, nhân dân thay đổi dần thói quen sử dụng sản phẩm làm từ nhựa, góp phần nâng cao ý thức BVMT trong cộng đồng. Ngoài ra, UBND TP. Hội An còn triển khai thực hiện Chương trình "Giảm thiểu sử dụng và giảm phát thải túi ni lông" tại các khu chợ, doanh nghiệp trên địa bàn TP, hướng tới xây dựng Hội An trở thành TP sinh thái, văn minh. Lấy tuyên truyền giáo dục là chính, tăng cường quản lý làm hạt nhân, nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối tượng tiểu thương buôn bán tại các khu chợ, người nội trợ và doanh nghiệp về tác hại của việc sử dụng túi ni lông trong sinh hoạt hàng ngày. Trong Chương trình này, TP. Hội An thực hiện kêu gọi người nội trợ mang giỏ nhựa đi chợ, sử dụng cặp lồng, hộp thủy tinh đựng thức ăn, từ nhận thức biến thành hành động, từ hạn chế đến nói không với túi ni lông…; tổ chức cho các tiểu thương ký cam kết không cấp phát miễn phí túi ni lông cho khách hàng, sử dụng túi thân thiện với môi trường; đổi túi ni lông lấy túi sinh thái, giỏ nhựa tại các khu chợ... Đối với doanh nghiệp nằm trong khu phố cổ thì thực hiện "Cửa hàng nói không với túi ni lông". Từ khi thực hiện Chương trình đến nay, lượng rác thải từ túi ni lông đã giảm đáng kể. Không chỉ từ công sở đến các khu chợ, nhiều khách sạn, cửa hàng bán đồ ăn, thức uống trên địa bàn TP. Hội An cũng dần vắng bóng các chai nhựa, cốc nhựa, hộp nhựa, ống hút nhựa, thay vào đó là những sản phẩm thủ công mỹ nghệ thân thiện với môi trường như cốc giấy, bao giấy, ống hút tre, inox, tiêu biểu như khách sạn Hội An Royal, khách sạn Anatara, quán chay Đạm, Vegan Beets Hội An, The Deck house, Cocobana cà phê, Chuchu cà phê, Mango cà phê, Chuỗi nhà hàng Phố Trăng, Cánh đồng của Công ty Emic Hospitality… Một vài địa điểm trên TP cũng thử nghiệm việc đặt các trạm "Đổ đầy", cung cấp nước uống miễn phí cho khách có mang theo bình nước, giúp hạn chế mua chai nước lọc như Hub and Coffee, quán chay Đạm.

Hội An đang phấn đấu trở thành TP sinh thái - văn hóa - du lịch, vẫn còn đó rất nhiều thách thức, khó khăn, nhưng những tín hiệu tốt gần đây cho chúng ta niềm tin rằng, nếu có sự chung tay, góp sức của tất cả người dân và chính quyền địa phương thì vấn đề rác thải của TP sớm được giải quyết triệt để và Hội An sẽ trở thành TP kiểu mẫu, không chỉ trong nước mà trên toàn khu vực■

LÊ THỊ NGỌC

Bảo tồn loài lưỡng cư quý, hiếm trong Vườn quốc gia Hoàng Liên

Vườn quốc gia (VQG) Hoàng Liên (Sa Pa) có tổng diện tích vùng lõi 29.845 ha, bao gồm một hệ thống núi cao thuộc dãy Hoàng Liên Sơn (trong đó đỉnh Phan Xi Păng cao 3.143 m) và diện tích vùng đệm là 38.724 ha. Do tính chất đa dạng của địa hình và khí hậu, nơi đây có hệ động, thực vật phong phú, mang nhiều nét riêng biệt, đặc biệt là các loài lưỡng cư. Vườn đã được Quỹ Môi trường toàn cầu xếp vào loại A, cao cấp nhất về giá trị đa dạng sinh học của Việt Nam và Hiệp hội các nước Đông Nam Á công nhận là Vườn Di sản ASEAN năm 2006.

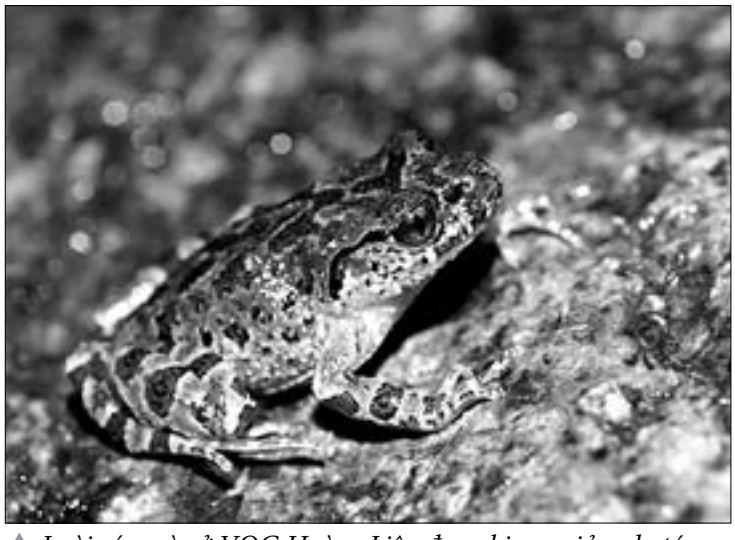

▲ *Loài cóc mày ở VQG Hoàng Liên đang bị suy giảm do tác động của biến đổi khí hậu*

VQG Hoàng Liên có hệ lưỡng cư đa dạng, phong phú, chiếm khoảng 50% trong tổng số loài lưỡng cư tại Việt Nam. Theo báo cáo của Ban quản lý (BQL) VQG, trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 96 loài lưỡng cư thì trong đó tại VQG Hoàng Liên có khoảng 38 loài. Chúng thường sống tập trung tại các khu vực như bản San Sả Hồ, thác Tình Yêu, thung lũng Bãi Sỏi, sân Chim, suối Vàng và phân bố chủ yếu ở độ cao 2.600 - 2.800 m. Tuy nhiên, những năm gần đây, số loài lưỡng cư tại VQG đang có chiều hướng suy giảm mạnh.

Để có đánh giá về số lượng loài lưỡng cư trong thời điểm hiện tại, năm 2017, BQL VQG phối hợp với Hội động vật London, Vườn thú Paigton (Anh), Bảo tàng Ôxtrâylia, Chương trình Bảo tồn rùa châu Á thực hiện hai đợt khảo sát thực địa các loài lưỡng cư sinh sống tại VQG và khu vực núi Kỳ Quan San thuộc khu vực xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai), nằm ở phần đầu của dãy núi Hoàng Liên Sơn. Kết quả khảo sát bước đầu đã xác định, có 20 loài lưỡng cư thuộc 6 họ, phân bố ở độ cao từ 2.100 - 2.700 m, trong đó họ cóc (1 loài); cóc tía (1 loài); cóc mày (11 loài); nhái bén (1 loài); ếch nhái (1 loài); ếch cây (4 loài). Trong số 20 loài có 4 loài ghi nhận ở độ cao 2.700 m, 1 loài ghi nhận ở độ cao 2.400 m và 15 loài ghi nhận ở độ cao 2.100 m. Có 9 loài chưa được xác định tên khoa học cần những phân tích tiếp theo trong thời gian tới và nhiều loài trong số đó chưa được định danh, có khả năng là loài mới cho khoa học và chưa được ghi nhận ở các khu vực khác.

Trong đợt khảo sát này, nhóm nghiên cứu đã mở rộng khu vực và tập trung vào những yếu tố tác động đến môi trường sống của 2 loài cóc mày, cóc núi. Đây là 2 loài lưỡng cư mới được tìm thấy vào năm 2013, có quần thể thấp, phạm vi phân bố nhỏ, nhưng hiện nay chịu sự tác động của khí hậu cũng như con người đang có dấu hiệu suy giảm. Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) cũng đã xếp loại 2 loài này ở mức cực kỳ nguy cấp duy nhất sống trên đất liền ở Đông Nam Á, hiện nay đang bị suy giảm số lượng. Năm 2016, số lượng cá thể cóc mày được tìm thấy tại VQG Hoàng Liên mới chỉ có 3 cá thể và cóc núi là 20 cá thể. Năm 2017, tại tuyến đường núi Cát Cát trên đỉnh Phan Xi Păng, nhóm nghiên cứu đã tìm thấy loài cóc núi ở độ cao 2.600 m. Cũng ở độ cao này, có một loài mới được tìm thấy là ếch bám đá nhỏ, được mô tả bởi mẫu vật thu thập tại xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đã thu thập 210 mẫu bệnh phẩm lưỡng cư tại tuyến đường leo núi Trạm Tôn - Phan Xi Păng. Kết quả kiểm tra nhanh các mẫu bệnh phẩm ngoài thực địa cho thấy, một số loài lưỡng cư có dấu hiệu bị bệnh nấm da. Những phân tích tiếp theo trong phòng thí nghiệm sẽ được thực hiện để có kết quả chính xác hơn.

Các chuyên gia cũng đánh giá, nhiều loài lưỡng cư hiện có tại VQG đang có chiều hướng suy giảm nghiêm trọng. Nguyên nhân là do

con người tác động tiêu cực vào môi trường sống của hệ lưỡng cư như khai thác cát sỏi phục vụ xây dựng trên độ cao 2.800 m; chặt cây rừng ven suối làm chất đốt; nước thải vệ sinh và rác thải của khách du lịch khi chinh phục đỉnh Phan Xi Păng; người dân phá rừng trồng hơn 2.000 ha thảo quả trong vùng lõi của VQG; tác động của thủy điện đến hệ sinh thái…

Trong thời gian tới, BQL VQG Hoàng Liên cần tiếp tục xây dựng chương trình giám sát các loài lưỡng cư quý, hiếm; khoanh vùng, BVMT sinh thái đầu nguồn của hệ lưỡng cư có nguy cơ tuyệt chủng; điều tra hiện trạng, thành phần, đặc điểm phân bố các loài lưỡng cư trên các tuyến của khu vực; nghiên cứu, tổng hợp đặc điểm sinh học, sinh thái, tập tính của nhiều loài; số lượng phân bố, hiện trạng của các loài lưỡng cư quý hiếm, nguy cấp. Đồng thời, tăng cường công tác tuần tra, giám sát, bảo vệ sinh cảnh sống của các loài lưỡng cư trong khu vực. Thông qua tuần tra theo tuyến, phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi săn, bắn, bẫy, bắt, mua bán, vận chuyển, tiêu thụ động vật hoang dã trái với quy định của pháp luật; kiểm tra, tịch thu, phá dỡ, tiêu hủy bẫy lưới giăng và dụng cụ săn, bẫy, bắt các loài lưỡng cư; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn các loài động, thực vật trong VQG; kêu gọi các hộ dân và cộng đồng trong vùng đệm, vùng lõi ký cam kết không đánh bắt, tiêu thụ các loài lưỡng cư■

TRẦN CỪ

Người hồi sinh loài sâm quý, hiếm ở núi Dành

▲ *Vườn sâm rộng 2.000 m² của gia đình ông Thân Hải Đăng*

▲ *Chùm củ sâm quý, hiếm 5 năm tuổi*

Núi Dành còn có tên khác là núi Chung Sơn, thuộc địa phận 2 xã Liên Chung và Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Nơi đây nổi tiếng có loài sâm quý, hiếm, còn gọi là sâm Nam hay cát sâm. Do có giá trị kinh tế cao, người dân khai thác ồ ạt nên loài sâm này đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

GIÁ TRỊ LOÀI SÂM QUÝ

Theo người dân nơi đây, từ xa xưa, núi Dành được coi là vùng đất thiêng, hội tụ linh khí đất trời nên mới sản sinh ra loài thảo dược quý. Tương truyền, loài sâm này đã chữa khỏi bệnh mù cho mẹ vua Tự Đức. Ngoài ra, sâm còn được sử dụng để chữa các bệnh mãn tính như viêm gan, thấp khớp, cảm, sốt cao; gia tăng sự hồi phục các chức năng của cơ thể và có tác dụng chống lão hóa tế bào, thúc đẩy quá trình tổng hợp protein của tế bào mới. Do đó sâm được coi là vị thuốc "cải lão hoàn đồng".

Một gốc sâm to có thể đổi được cả tạ gạo trắng nên người dân săn tìm ráo riết. Nhận biết tầm quan trọng của giống sâm quý, từ nhiều năm nay, ông Thân Hải Đăng ở thôn Đồng Sen, xã Việt Lập đã gìn giữ tốt cây sâm cổ 50 năm tuổi trong vườn nhà. Bà ngoại ông Đăng khi còn sống thường lên núi Dành đào củ sâm mang đổi lấy gạo ăn. Bà chính là người có công đưa cây sâm về vườn trồng. Việc gìn giữ được gốc sâm khổng lồ của gia đình ông Đăng chính là nguồn gen giống, khởi nguồn để hồi sinh loài sâm này.

Để bảo tồn loài sâm quý, năm 2018, các nhà khoa học thuộc Trung tâm Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao (Viện Di truyền nông nghiệp) đã thực hiện Đề tài "Nghiên cứu, đánh giá, bảo tồn nguồn gen cây sâm núi Dành phân bố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang". Theo đó, hộ ông Đăng được chọn làm điểm để nghiên cứu, đánh giá dược tính của loài sâm đặc biệt này. Từ kết quả nghiên cứu, các chuyên gia xác định, sâm núi Dành có tên khoa học là Callerya speciosa, phân bố hẹp, chủ yếu ở nơi có thành phần thổ nhưỡng đặc biệt (đá cám, canxi và magiê), thuộc loại dây leo, bò như khoai lang, sinh trưởng chậm. Nhóm chất chính trong mẫu sâm là saponin (hoạt chất chính tạo nên những công dụng kỳ diệu của sâm), flavonoid (hoạt chất chống lão hóa), acid hữu cơ, acid amin... Hàm lượng chất saponin ở củ sâm Nam tương đương với sâm Hàn Quốc và chỉ đứng sau sâm Ngọc Linh.

NHÂN GIỐNG THÀNH CÔNG

Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, ông Đăng đã tiến hành nhân giống và hướng dẫn một số hộ dân cách trồng sâm Nam. Khi dây sâm dài chừng một gang tay thì sinh thêm một đốt, mọc rễ đâm xuống đất, sau vài năm sẽ thành gốc cây mới. Tiếp đó, cây con được ông Đăng tách, đánh sang trồng chỗ khác. Cách nhân giống này cho tỷ lệ sống rất thấp, cây lớn chậm. Sau thời gian nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm, ông đúc kết bí quyết nhân giống mới hiệu quả hơn bằng cách cho đất vào túi ni lông, bọc vào đốt cây, giống như chiết cây. Một thời gian sau, khi nhánh sâm mọc rễ trong bầu thì đem ươm trồng bình thường. Cách làm mới giúp tỷ lệ sâm sống cao, lớn nhanh và mọc củ sau chỉ một năm trồng. Củ sâm phải mất khoảng 5 năm tuổi mới có thể làm thuốc, nhưng để đạt kích thước to thì phải sau 10 năm. Để cây sâm không mọc lan, tập trung củ ở một gốc, cần bắc giàn cho từng cây. Do mọc trong vùng đất trên núi cao nên sâm có lớp vỏ ngoài rất cứng, bảo vệ phần ruột cực quý của chúng. Phần ruột sâm màu vàng nhạt. Sâm càng già tuổi thì ruột càng óng vàng.

Hiện nay, gia đình ông Đăng đã trồng được hơn 5 sào sâm, với vài nghìn gốc cây từ 3 - 6 năm. Sau gần 6 năm trồng đại trà, vườn sâm của ông Đăng đã cho thu hoạch, củ to bằng ngón chân cái. Từ năm ngoái đến nay, ông bán được trên 1 tạ củ sâm tươi, giá bình quân 2 triệu đồng/kg. Bên cạnh đó, ông cũng chia sẻ kinh nghiệm và cung cấp giống cho bà con trong vùng cùng trồng. Mỗi bầu sâm giống, ông Đăng bán giá 35 nghìn đồng. Sâm củ và sâm giống sản xuất ra không đủ đáp ứng nhu cầu. Ngoài diện tích của hộ ông Đăng, khoảng 10 hộ (chủ yếu ở thôn Đồng Sen, xã Việt Lập) cũng đang trồng với diện tích khoảng 5.000 m^2.

Từ những thành công của mô hình nhân giống sâm núi Dành, bằng tâm nguyện của mình, ông Đăng mong muốn đưa loài thảo dược quý này thành hàng hóa mang thương hiệu địa phương. Trong những năm tới, địa phương sẽ quy hoạch, phát triển đại trà loài sâm; phát triển mô hình trồng sâm theo chuỗi liên kết; bảo tồn nguồn gen và tiếp tục hỗ trợ cho bà con triển khai Dự án phát triển sản phẩm sâm núi Dành■

NGUYỄN HÀO

TỔNG KẾT 10 NĂM TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Ngày 7/5/2019, tại Hà Nội đã diễn ra cuộc họp triển khai Kế hoạch Tổng kết 10 năm Tiêu chí môi trường xây dựng nông thôn mới (NTM). Tham dự có Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Hoàng Văn Thức; Cục trưởng, Chánh văn phòng điều phối NTM Trung ương Nguyễn Minh Tiến và các đơn vị liên quan.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Hoàng Văn Thức cho biết, nhằm đánh giá toàn diện, tổng thể kế hoạch và tác động của 10 năm thực hiện Chương trình, trong đó, tập trung đánh giá những mặt được, chưa được, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình; đề xuất các nguyên tắc, chủ trương, cơ chế, chính sách, giải pháp chủ yếu triển khai Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến 2030, ngày 5/3/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia Vương Đình Huệ đã ký quyết định ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, phân công rõ trách nhiệm tổ chức tổng kết cho các đơn vị có liên quan. Bộ TN&MT được giao thực hiện tổng kết nội dung "Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề", đề xuất định hướng và giải pháp thực hiện trong giai đoạn sau năm 2020 và phối hợp với cơ quan chủ trì là Bộ NN&PTNT tổng kết nội dung "Vệ sinh môi trường nông thôn" cũng như kết quả thực hiện tiêu chí 17 về môi trường.

Trên cơ sở được phân công, tại cuộc họp, các đại biểu tập trung thảo luận một số nội dung triển khai thực hiện: Đánh giá, tổng kết tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Tổng kết nội dung thành phần thuộc trách nhiệm Bộ TN&MT; Triển khai hướng dẫn kiểm tra tại 2 tỉnh được phân công là Hà Nam và Nam Định theo Quyết định số 421/QĐ-TTg ngày 16/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Triển khai Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình BVMT trong xây dựng NTM tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 - 2020; Triển khai Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 4/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng huyện Nam Đàn (tỉnh Nghệ An) trở thành huyện NTM kiểu mẫu; Tổng kết các nhiệm vụ của Bộ TN&MT liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai phục vụ mục tiêu xây dựng NTM.

Kết thúc cuộc họp, hai bên nhất trí sẽ phối hợp tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá tiêu chí 17 về môi trường và cảnh quan nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 dự kiến trong tháng 8/2019.

ĐỖ HƯƠNG

Làng đô thị xanh - Mô hình hướng tới sự phát triển bền vững

▲ *Thôn Đa Lộc, xã Xuân Thọ có nhiều yếu tố thuận lợi để thực hiện Đề án thí điểm "Làng đô thị xanh"*

Thành phố (TP) Đà Lạt được thiên nhiên ưu đãi với những cảnh đẹp rừng thông, đồi núi và thác ghềnh, cùng với các công trình kiến trúc Pháp cũ, những thửa ruộng bậc thang trồng rau, hoa ôn đới đặc trưng. Đà Lạt còn đẹp bởi sự thân thiện, hiền hòa, mến khách của người dân nơi đây. Tất cả tạo nên một hình ảnh đô thị đặc trưng, là "TP trong rừng và rừng trong TP"; đây là nét độc đáo không phải nơi nào cũng có được. Ngoài việc bảo vệ các giá trị tài nguyên thiên nhiên, quỹ kiến trúc đô thị cảnh quan độc đáo, nơi đây còn có tài nguyên nhân văn rất đặc sắc cần được trân trọng; trong đó có tập quán sản xuất rau và hoa ôn đới trong lòng đô thị đã có từ bao đời nay.

Hiện nay, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của TP, đô thị hóa là một quá trình tất yếu, khách quan. Tuy nhiên, quá trình này cũng làm nảy sinh không ít những khó khăn, thách thức. Sự gia tăng dân số của khu vực nông thôn, làm phát sinh nhu cầu tách hộ và xây dựng thêm nhà ở, khiến tình trạng xây cất tự phát trên đất nông nghiệp không thể kiểm soát. Bên cạnh đó, do quá trình đô thị hóa, một bộ phận lao động trong nông nghiệp mất đất sản xuất, thiếu công ăn việc làm; một bộ phận dân cư từ khu vực nông thôn chuyển vào đô thị để tìm việc, làm gia tăng nhu cầu về cơ sở hạ tầng, lương thực, thực phẩm. Sức ép về đô thị hóa làm biến dạng các khu vực cận kề với đô thị, quỹ đất nông nghiệp dần bị thu hẹp, cơ sở hạ tầng chắp vá, manh mún, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị. Ô nhiễm không khí, đất đai và nguồn nước ngày càng tăng.

Do vậy, việc phát triển mô hình thí điểm "Làng đô thị xanh" tại TP. Đà Lạt, mà trong đó người dân sản xuất sản phẩm nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, bảo đảm sự cân bằng sinh thái, tạo hiệu quả kinh tế, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng môi trường khu vực..., là một trong những hướng đi tối ưu, có tính khả thi cao, góp phần giải quyết các bất cập liên quan trong tiến trình đô thị hóa, hướng tới xây dựng TP Đà Lạt tăng trưởng xanh bền vững.

Ngày 23/11/2018, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ký Quyết định ban hành Đề án thí điểm xây dựng mô hình "Làng đô thị xanh" tại xã Xuân Thọ, TP. Đà Lạt. Mục tiêu của Đề án xây dựng mô hình thí điểm "Làng đô thị xanh" là phân khu đô thị thuộc quy hoạch chung TP Đà Lạt nhằm tạo ra cơ sở nhân rộng mô hình trên địa bàn TP và các đô thị vệ tinh theo định hướng Quy hoạch chung TP và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014.

THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH "LÀNG ĐÔ THỊ XANH" ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM

Nằm cách trung tâm TP. Đà Lạt hơn 10 km, thôn Đa Lộc, xã Xuân Thọ, TP Đà Lạt được UBND tỉnh Lâm Đồng chọn là địa điểm xây dựng mô hình thí điểm "Làng đô thị xanh". Đây cũng là mô hình thí điểm đầu tiên trong cả nước, được kỳ vọng góp phần giúp Đà Lạt phát triển xanh và bền vững, cải thiện điều kiện sản xuất, nâng cao đời sống dân cư, nhưng vẫn không ảnh hưởng đến sự phát triển của đô thị hiện đại, giàu bản sắc Đà Lạt.

Đa Lộc là vùng đất màu

mỡ, độ dốc vừa phải, thích hợp trồng các loại rau, hoa được canh tác theo hướng nông nghiệp công nghệ cao từ nhiều năm nay, phù hợp với các mục tiêu như nghiên cứu, đề xuất mô hình cư trú đạt tiêu chuẩn đô thị, kết hợp sản xuất nông nghiệp xen giữa đô thị và nông thôn. Mô hình "Làng đô thị xanh" sẽ phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và xây dựng hình ảnh nông thôn mới trong lòng đô thị, kết hợp phát triển loại hình du lịch canh nông, homestay. Tổ chức sản xuất nông nghiệp gắn với dịch vụ xử lý sau thu hoạch, phân phối và tiêu thụ sản phẩm, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, nhằm nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương. Hiện nay, thôn Đa Lộc có khoảng 680 nhân khẩu, sau khi dự án hoàn thành, "Làng đô thị xanh" sẽ có quy mô dân số khoảng 6.000 - 10.000 người.

Trên cơ sở những lợi thế và đặc điểm về địa hình, dân cư, kinh tế, xã hội... "Làng đô thị xanh" có quy mô quy hoạch trực tiếp là 180 ha (quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung có quy mô khoảng 54 ha và phạm vi nghiên cứu quy hoạch là 40 ha) nằm trọn trên địa bàn thôn Đa Lộc, phía Bắc giáp trung tâm xã Xuân Thọ, phía Đông và Nam giáp thôn Đa Thọ, phía Tây giáp thôn Lộc Quý. Quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được phát triển đồng bộ, trong đó mật độ đất giao thông/đất quy hoạch là 10,5 ha; Nâng cấp công suất và hoàn chỉnh mạng lưới cấp điện hiện có, đảm bảo phục vụ sinh hoạt và sản xuất theo quy mô của làng đô thị xanh; Ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo thân thiện với môi trường. Ngoài ra, hệ thống thoát nước, vệ sinh, môi trường, công viên, cây xanh, hạ tầng thủy lợi, cơ sở hạ tầng xã hội... cũng sẽ là những yếu tố được thực hiện theo Đề án.

Hiện nay, chính quyền địa phương đã và đang tích cực tuyên truyền để người dân hiểu rõ, hiểu đúng về lợi ích mà Đề án "Làng đô thị xanh" mang lại, đồng thời đảm bảo các yếu tố như không để phá vỡ quy hoạch và xảy ra tình trạng đầu cơ, đẩy giá đất trong khu vực vượt qua con số thực. Quá trình thực hiện Đề án, chính quyền đã nghiên cứu bố trí khu vực sản xuất của nhân dân phù hợp với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, gắn với các công nghệ chế biến sau thu hoạch, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm; nghiên cứu, sản xuất gắn với mô hình du lịch canh nông; sản xuất hàng hóa theo hướng thích hợp, gắn kết các hộ gia đình trong làng theo mô hình hợp tác xã kiểu mới hoặc hình thức kinh tế tập thể hiện đại...

Để thực hiện Đề án, UBND tỉnh Lâm Đồng đã đưa ra một số giải pháp về chính sách (đất đai, thuế, thu hút đầu tư); tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; đào tạo nguồn nhân lực. Nhà nước tổ chức lập Đề án, quy hoạch, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung, các công trình dịch vụ công cộng; xây dựng danh mục thu hút đầu tư như: hạ tầng khu dân cư, nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ ở, sản xuất và khai thác du lịch.

Việc xây dựng mô hình "Làng đô thị xanh" là phương án tốt nhất để giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Tuy nhiên, "Làng đô thị xanh" là một khái niệm mới trong phát triển hình thái không gian ở Việt Nam nói chung, cũng như đối với Đà Lạt nói riêng. Chính vì vậy, cần tham khảo kinh nghiệm các mô hình thành công tại các quốc gia trên thế giới nhằm học hỏi, xây dựng mô hình phù hợp với điều kiện Đà Lạt và xu hướng phát triển tại Việt Nam■ **ĐỖ HUYỀN**

HUYỆN QUỐC OAI: NÂNG CAO CÁC TIÊU CHÍ ĐẠT CHUẨN HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

Sau 8 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, huyện Quốc Oai (Hà Nội) đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong phong trào phát triển nông thôn, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Tính đến thời điểm hiện tại, huyện Quốc Oai có 20/20 xã đạt chuẩn nông thôn mới, kinh tế phát triển ổn định, cơ cấu giống cây trồng vật nuôi chuyển đổi theo hướng tích cực, từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung cho giá trị thu nhập cao. Thu nhập bình quân đầu người tiếp tục tăng, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống nông dân từng bước được nâng lên, môi trường, cảnh quan nông thôn được cải thiện. Đặc biệt, công tác vệ sinh môi trường, trồng hoa và cây xanh ở các tuyến đường kiểu mẫu được đẩy mạnh.

Ngoài ra, huyện Quốc Oai cũng cũng đã hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, trong đó có 7/9 tiêu chí đạt, 2 tiêu chí cơ bản đạt là môi trường và trường học. Cùng với việc tổ chức tổng vệ sinh môi trường tại 21 xã, thị trấn, huyện Quốc Oai cũng kiến nghị thành phố tạo cơ chế đặc thù giao cho huyện đầu tư xây dựng 2 trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện để hoàn thành tiêu chí trường học, đủ điều kiện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

Theo kế hoạch, từ nay đến năm 2020, huyện Quốc Oai sẽ hỗ trợ cơ chế, chính sách và kinh phí thực hiện các mô hình sản xuất hiệu quả thực hiện chuỗi liên kết đảm bảo bền vững trong nông nghiệp; Coi trọng việc nâng cao chất lượng đời sống người dân nông thôn với việc phấn đấu đạt trên 50 triệu đồng/người/năm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 99%...

VŨ HỒNG

Phù Yên: Trồng cây ăn quả phủ xanh đất trống, đồi trọc, góp phần xây dựng nông thôn mới

VŨ VĂN DOANH
Đại học TN&MT

Phù Yên (Sơn La) là huyện miền núi, đời sống của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, với hơn 20.000 ha đất canh tác. Trước đây, người dân chủ yếu trồng lúa, ngô, sắn… nên hiệu quả kinh tế không cao. Thực hiện chủ trương của tỉnh, huyện Phù Yên đã tiến hành rà soát, đánh giá, thống kê toàn bộ diện tích trồng cây nông nghiệp hiệu quả thấp để quy hoạch chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả, đặc biệt là cam, góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc, tăng độ che phủ đất, BVMT, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM).

HIỆU QUẢ CỦA MÔ HÌNH TRỒNG CAM TRÊN ĐẤT DỐC

Năm 2000, khi những người dân Hưng Yên lên Phù Yên xây dựng kinh tế mới đã đưa các giống cam Vinh, đường canh lên trồng. Trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, đến nay, cây cam đã phát triển xanh tươi, đơm hoa, kết trái ngọt, mang lại thu nhập cao cho nhiều hộ dân nơi đây. Song thời gian đầu, diện tích trồng cam còn ít, sản phẩm làm ra chưa được người tiêu dùng cả nước biết đến, chất lượng cam chưa được khẳng định, giá bán không ổn định do bị tư thương ép giá. Với quyết tâm đưa cây cam trở thành nông sản mũi nhọn, huyện Phù Yên đã có nhiều giải pháp trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu cam. Giờ đây, đi dọc các tuyến đường của huyện, có thể thấy bạt ngàn những đồi cam sai trĩu quả.

Nằm trên trục quốc lộ 37, Mường Thải là một trong những xã đi đầu của huyện Phù Yên về phát triển mô hình trồng cây ăn quả trên đất dốc. Những nương ngô, sắn trước đây giờ đã phủ kín màu xanh của các loại cây ăn quả, trong đó cam được xem là cây mũi nhọn ở vùng đất này. Một trong những người đầu tiên đem cây cam về trồng trên đất dốc là ông Nguyễn Văn Ngân ở thôn Văn Yên, xã Mường Thải. Do địa hình của huyện Phù Yên phức tạp, chủ yếu là đồi núi dốc, thường xuyên bị xói mòn nên chỉ trồng được cây ngô trên các sườn đồi. Từ năm 1963, ông Ngân đã cùng gia đình lên huyện Phù Yên lập nghiệp. Ông đã mang các giống cây cam Vinh, cam đường lên trồng. Thời gian đầu, cây cam cho quả ít, năm 2011, ông đã đến vùng đất cam Cao Phong để học hỏi kinh nghiệm, sau đó chuyển đổi toàn bộ diện tích hơn 2 ha trồng ngô của gia đình sang trồng cam. Sau một vài vụ thất bại, năm 2014, vườn cam nhà ông Ngân đã cho lứa quả đầu tiên. Từ năm 2016 đến nay, hơn 2 ha cam đã cho sản lượng gần 30 tấn, trừ chi phí, gia đình ông thu lãi 700 triệu đồng. Để có sản lượng lớn, tập trung ký kết tiêu thụ với các siêu thị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, tháng 9/2016, ông Ngân đã vận động 16 gia đình trồng 17 ha cam đường canh, Vinh, quýt ngọt trên địa bàn và thành lập Hợp tác xã (HTX) trồng cam Văn Yên. Năm 2017, sản lượng cam của HTX đạt 150 tấn quả, doanh thu 4,5 tỷ đồng.

Xác định được giá trị kinh tế của cây ăn quả, nhiều hộ gia đình ở các xã Mường Thải, Mường Cơi, Tân Lang đều chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng cam, quýt. Hiện nay, toàn huyện Phù Yên có trên 785 ha trồng cây ăn quả có múi, trong đó diện tích trồng cam khoảng 200 ha. Năm 2018, sản lượng cam đạt khoảng 3.000 tấn. Năng suất trung bình đối với giống cam Vinh đạt 21 tấn/ha, cam đường canh 20 tấn/ha. Cây cam đã đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân, nhiều hộ có thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm. Đây chính là sinh kế bền vững, đem lại cuộc sống ấm no cho bà con dân tộc nơi đây.

CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NÔNG SẢN CHỦ LỰC TRONG XÂY DỰNG NTM

Để phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực, huyện Phù Yên đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ trồng cây ăn quả trên đất dốc tới nhân dân các dân tộc trong huyện. Huyện đã triển khai lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia: 30a, xây dựng NTM, 135... hỗ trợ người dân giống cây trồng, vật nuôi, trong đó tập trung hỗ trợ giống cây ăn quả có lợi thế với từng địa phương như cam, quýt, bưởi, xoài, nhãn. Ngoài hỗ trợ giống, huyện Phù Yên còn chỉ đạo phòng, ban chuyên môn tổ chức các lớp tập huấn cho người dân

▲ *Cây cam đã phủ xanh các vùng đồi ở Phù Yên*

về kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả. Được hỗ trợ giống, kỹ thuật, bà con nông dân các xã, bản đã bỏ ngô, sắn, đưa cây ăn quả vào trồng thay thế, góp phần phủ xanh đất dốc.

Cùng với đó, huyện Phù Yên đã hỗ trợ xây dựng mối liên kết thị trường giữa nhà đầu tư nông nghiệp với nông dân và các tổ chức để trồng cam, quýt; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá rộng rãi sản phẩm cam, quýt; triển khai dán tem chứng nhận, chỉ dẫn địa lý trên quả cam. Năm 2017, sản phẩm cam Phù Yên đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy Chứng nhận nhãn hiệu. Đến nay, sản phẩm "Cam Phù Yên" ngày càng khẳng định vị trí trên thị trường, được nhiều người biết đến và ưa chuộng bởi vị ngọt sắc cũng như hương thơm đặc trưng. Giá trị sản phẩm không những tăng lên mà còn ổn định qua từng niên vụ. Không chỉ thế, lợi ích của việc trồng cây ăn quả là phủ xanh đất trống, đồi trọc, tăng độ che phủ rừng. Đặc biệt, kinh tế phát triển, người dân tích cực, đồng lòng tham gia xây dựng NTM, tạo nên phong trào thi đua "Chung sức xây dựng NTM" ngày càng phát triển sâu rộng khắp các xã, xóm, thôn, bản. Hiện nay, huyện Phù Yên đã có 2 xã đạt chuẩn NTM (Huy Hạ và Gia Phù) và theo kế hoạch trong năm 2019, 3 xã (Quang Huy, Huy Bắc và Mường Cơi) sẽ phấn đấu đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM của huyện lên 5/26 xã. Phấn đấu hết năm 2019, kết quả bình quân chung của huyện Phù Yên đạt 11,5 tiêu chí/xã.

Trong thời gian tới, huyện Phù Yên sẽ tiếp tục nâng cao trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền xã trong công tác xây dựng NTM trên địa bàn; tăng cường quản lý, khuyến khích và nhân rộng các mô hình sản xuất để có cơ sở dữ liệu cho việc xây dựng Đề án "Mỗi xã một sản phẩm"; đẩy mạnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện NTM; thực hiện có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc tại các xã trong quá trình thực hiện NTM.

Cùng với đó, huyện Phù Yên cũng tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong xây dựng NTM theo hướng liên kết sản xuất, giúp nâng cao giá trị, tăng thu nhập cho nông dân; tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ theo hướng tập trung quy mô trang trại... tạo điều kiện hỗ trợ về vốn, kỹ thuật để nhân rộng các mô hình HTX có hiệu quả, giúp người dân có việc làm, tăng thu nhập. Trên cơ sở quy hoạch vùng huyện Phù Yên, tiếp tục chỉ đạo mở rộng diện tích cây ăn quả có múi trên địa bàn các xã. Định hướng đến năm 2020, diện tích cây ăn quả trên địa bàn huyện trồng mới gần 794 ha; trong đó cây cam và quýt 432 ha. Để hoàn thành mục tiêu trên, huyện Phù Yên đang tập trung đẩy mạnh việc tuyên truyền và nâng cao nhận thức trong nhân dân, các tổ chức và cá nhân có ý thức bảo vệ, giữ gìn vườn cây, bảo đảm chất lượng; khuyến khích và hỗ trợ thành lập các HTX sản suất, kinh doanh cam; tăng cường thanh, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định nhãn hiệu sản phẩm, sở hữu trí tuệ. Đồng thời, xây dựng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung quy mô lớn, lấy sản xuất hàng hóa là mục tiêu gắn với phát triển thị trường tiêu thụ ổn định…

Ngoài ra, huyện tiếp tục thực hiện một số nội dung về BVMT nông thôn theo nguồn vốn sự nghiệp NTM, phân bổ trực tiếp cho các xã thực hiện thu gom, xử lý chất thải, cải thiện môi trường nông thôn, xây dựng bể chứa thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật■

Tam Đường: Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu gắn với phát triển du lịch cộng đồng

Tam Đường là huyện đầu tiên được tỉnh Lai Châu lựa chọn để triển khai xây dựng nông thôn mới (NTM) và sau gần 5 năm, môi trường nông thôn của huyện đã thực sự đổi thay, 97,839 km đường trục bản; 8,879 km đường nội bản; 6,65 km đường trục xã; 33,813 km đường trục chính nội đồng được cứng hóa; các công trình như điện lưới quốc gia, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa được đầu tư xây dựng... Với lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, điều kiện tự nhiên và văn hoá truyền thống đặc trưng của các dân tộc, các cấp chính quyền địa phương khuyến khích những xã có thế mạnh về du lịch gắn xây dựng NTM với phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ), tạo diện mạo NTM mang tính kiểu mẫu, thu hút khách du lịch đến tham quan, góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. Hiện tại, toàn huyện có 5/13 xã đạt chuẩn NTM; 117 bản có điện sáng nông thôn đến tận ngõ bản, trục bản; 42 bản nông thôn xanh, sạch, đẹp, trong đó, 3 bản đã thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu gắn với phát triển DLCĐ.

Bản Lao Chải 1, xã Khun Há là một trong 3 bản của huyện Tam Đường đang thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu gắn với phát triển DLCĐ. Trước đây, bản có tỷ lệ hộ nghèo cao, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, khi có chủ trương xây dựng NTM, chính quyền địa phương đã vận dụng tối đa các nguồn lực, chương trình, dự án hỗ trợ bà con phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; tổ chức cho người dân tham quan các bản làm DLCĐ trong tỉnh, tận mắt thấy được hiệu quả từ việc làm DLCĐ và chương trình xây dựng NTM, tạo niềm tin và sự đồng thuận trong toàn dân. Kết quả, 36/36 hộ gia đình trong bản đã thống nhất nộp 1,5 triệu đồng/hộ, trích từ tiền dịch vụ môi trường rừng và hiến đất, đóng góp ngày công để xây dựng đường giao thông nội bản; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng; chủ động xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn và có bãi chăn thả gia súc riêng biệt; trồng hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường, gắn trách nhiệm bảo vệ và giữ vệ sinh môi trường cho từng hộ gia đình. Không những thế, người dân còn cùng nhau xây dựng nếp sống văn minh, bỏ một số phong tục, tập quán cổ hủ. Đến nay, 8/15 bản của xã Khun Há có môi trường xanh, sạch, đẹp; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 4 - 5% mỗi năm. Từ kết quả đã đạt được, địa phương mạnh dạn xây dựng kế hoạch tập trung vào các bản có điều kiện thuận lợi, hướng tới hình thành tua DLCĐ khám phá bản sắc của đồng bào dân tộc Mông; thành lập ban quản lý để hướng dẫn và thực hiện phát triển du lịch một cách bài bản, hiệu quả, thực sự mang lại nguồn thu trực tiếp cho người dân. Đây là tiền đề cho việc phát triển DLCĐ của xã Khun Há nói riêng, huyện Tam Đường nói chung.

▲ *Cổng vào bản Lao Chải 1, xã Khun Há*

Không chỉ ở Khun Há mà lãnh đạo một số xã khác như Bản Bo, Hồ Thầu, thị trấn Tam Đường cũng đang khuyến khích người dân xây dựng NTM kiểu mẫu gắn với phát triển DLCĐ. Với 62 hộ dân và 100% là đồng bào Dao sinh sống, bản Sì Thâu Chải (xã Hồ Thầu) vẫn giữ được những nét văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc, cùng nhiều tiềm năng du lịch mạo hiểm từ đỉnh núi PuTaLeng, thác Tác Tình… Từ những lợi thế đó, năm 2017, bản Sì Thâu Chải được huyện Tam Đường lựa chọn để phát triển DLCĐ gắn với xây dựng NTM kiểu mẫu. Chính quyền các cấp đã dành nhiều nguồn lực đầu tư đường giao thông nội bản, hàng rào đá, nhà văn hóa, trồng cây ăn quả, cây cảnh tạo cảnh quan trong bản. Bên cạnh đó, tuyên truyền, vận động bà con thực hiện tốt phong trào xây dựng môi trường nông thôn sạch, đẹp; khôi phục lại các nghề thủ công truyền thống, tạo ra nguồn sản phẩm phục vụ nhu cầu mua sắm của du khách tham quan. Chi hội Phụ nữ thôn cũng tổ chức quét dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm 3 lần/tuần; các hộ dân chủ động di dời chuồng trại chăn nuôi gia súc ra xa nhà, làm công trình vệ sinh, chỉnh trang khuôn viên nhà cửa; lấy trồng trọt làm mũi nhọn, trong đó chú trọng các mô hình trồng địa lan, quy hoạch vùng tập trung 8 ha trồng lê, hồng, sơn tra... Nhờ vậy, đời sống của người dân ngày càng được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 17 triệu đồng/người; hệ thống đường

bê tông đến từng nhà hoàn thành, nếu trước đây đường đến các bản được ví như ốc đảo thì nay bà con có thể đi xe máy đến tận nương và dễ dàng vận chuyển hàng hóa nông sản xuống TP. Lai Châu buôn bán. Cuối năm 2017, bản Sì Thâu Chải đã hoàn thành 9 tiêu chí trong xây dựng NTM, được công nhận là bản DLCĐ, thu hút hơn 10 nghìn lượt khách du lịch.

Để xây dựng NTM kiểu mẫu gắn với phát triển DLCĐ trong thời gian tới, huyện Tam Đường sẽ tổ chức các hội thảo chuyên đề kêu gọi đầu tư phát triển du lịch, mời doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đến tham quan và tham gia góp ý vào phát triển DLCĐ; tăng cường hỗ trợ liên doanh, liên kết cùng bà con phát triển du lịch gắn với phát triển nông nghiệp. Đồng thời, tổ chức cho các xã, bản khác tham quan, học hỏi mô hình xây dựng NTM gắn với phát triển DLCĐ tại các điểm bản hiện nay đã có hiệu quả như: Bản Lao Chải 1 (xã Khun Há), bản Sì Thâu Chải (xã Hồ Thầu), bản Phiêng Tiên (xã Bản Bo); tập trung các nguồn lực để hỗ trợ bà con xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn; quy hoạch và hướng dẫn bà con xây dựng bản đẹp hơn; tăng cường bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc; tạo điều kiện cho học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông, kể cả các trường chuyên nghiệp chưa có việc làm sang các vùng có điều kiện tương đồng như Sa Pa (Lào Cai) để học ngoại ngữ, cách phục vụ, hướng dẫn du lịch... phục vụ cho công tác phát triển du lịch tại địa phương.

Có thể thấy, phong trào xây dựng bản NTM kiểu mẫu kết hợp với phát triển DLCĐ đang là sự lựa chọn hiệu quả của nhiều bản có thế mạnh du lịch ở Lai Châu. Tuy nhiên, để làm du lịch bền vững gắn với xây dựng NTM, BVMT thì huyện Tam Đường cần tuyên truyền, nâng cao ý thức cho người dân và chú trọng công tác đào tạo nguồn lực tại chỗ; ưu tiên các nguồn lực, hỗ trợ của doanh nghiệp để đầu tư hiệu quả vào lĩnh vực này■

TRƯƠNG THỊ GIANG

NHIỀU TÁC PHẨM BÁO CHÍ VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG ĐƯỢC VINH DANH

Ngày 12/5/2019, tại Hà Nội đã diễn ra Lễ công bố 10 sự kiện nổi bật các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) năm 2018; trao giải Cuộc thi báo chí về nông thôn mới (NTM) năm 2018 và Phát động Cuộc thi báo chí về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững dành cho các nhà báo ASEAN. Tham dự có Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 Vương Đình Huệ, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Xuân Cường cùng đông đảo các Ban, ngành liên quan.

Phát biểu khai mạc buổi Lễ, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Xuân Cường cho biết, các Chương trình MTQG về xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững đã hoàn thành vượt mức, góp phần quan trọng vào kết quả hoàn thành 12 chỉ tiêu kinh tế - xã hội được Quốc hội giao. Các Chương trình ngày càng đi vào chiều sâu, chất lượng và bền vững trong tổ chức sản xuất hàng hóa, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo, cải thiện môi trường sống; phát triển văn hóa xã hội; phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy sản xuất hàng hóa nông sản đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu… Tính đến hết tháng 4/2019, cả nước có 4.340 xã đạt chuẩn NTM. Bình quân cả nước đạt 15,26 tiêu chí/xã; cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí; có 72 trên 664 đơn vị cấp huyện thuộc 33 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM. Đến hết năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo của cả nước chỉ còn 5,35%, giảm 1,37% so với năm 2017… Những thành quả trên góp phần khẳng định vai trò của Chương trình MTQG đối với sự phát triển khu vực nông thôn nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

Trên cơ sở đó, Ban Tổ chức đã bình chọn 10 sự kiện nổi bật bao gồm 5 sự kiện thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM và 5 sự kiện thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Cụ thể: Đột phá, hoàn thành sớm mục tiêu 2020 của chương trình xây dựng NTM; chính thức triển khai NTM kiểu mẫu cấp xã và thí điểm cấp huyện; phê duyệt và triển khai Chương trình "mỗi xã 1 sản phẩm" trên toàn quốc; đề án hỗ trợ xây dựng NTM cấp thôn bản đạt kết quả lớn với 1.194 thôn/bản đạt chuẩn; xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,38%; có 8 huyện, 38 xã và 30 hộ điển hình đại diện cho gần 1 triệu hộ thoát nghèo được biểu dương; Quỹ "Vì người nghèo" thu hút sự tham gia lớn với tổng quỹ lên tới 863 tỷ đồng; 501 hộ gia đình tại 20 huyện nghèo thuộc 11 tỉnh được hỗ trợ từ kinh phí bán áo thi đấu và bóng của U23 Việt Nam tặng Thủ tướng; Báo cáo nghèo đa chiều ở Việt Nam được công bố lần đầu tiên.

Tại buổi Lễ, Ban Tổ chức đã trao giải Cuộc thi báo chí viết về "NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020", với 4 giải A, 7 giải B, 11 giải C và 17 giải Khuyến khích cho 4 loại hình báo chí: Báo in, báo hình, báo tiếng và báo điện tử...

Năm 2019, ngoài Cuộc thi báo chí viết về NTM, Hội Nhà báo Việt Nam sẽ tổ chức thêm Cuộc thi báo chí viết về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững dành cho các nhà báo ASEAN, nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các nước ASEAN thông qua việc đẩy mạnh công tác truyền thông về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn…

THU HẰNG

Kiểm soát ô nhiễm không khí ở Bắc Kinh

LÊ THỊ HƯỜNG
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Là thủ đô của Trung Quốc và một siêu đô thị trên thế giới, Bắc Kinh có sự phát triển nhanh chóng trong 2 thập kỷ qua. So với 20 năm trước đây, năm 2017, chỉ số GDP, dân số và phương tiện giao thông ở Bắc Kinh tăng mạnh, lần lượt là 1.078%, 74% và 335%. Sự thịnh vượng về kinh tế và phát triển đô thị đã làm chất lượng môi trường của thành phố xấu đi, đặc biệt là chất lượng không khí.

Để chiến đấu với ô nhiễm không khí, từ năm 1998, Bắc Kinh đã triển khai chương trình kiểm soát ô nhiễm không khí tổng hợp theo từng giai đoạn. Với những nỗ lực đạt được trong kiểm soát ô nhiễm không khí, các thông số ô nhiễm đã giảm qua các năm và chất lượng không khí đã được cải thiện đáng kể. Số liệu quan trắc đã cho thấy, các chỉ số trung bình hàng năm của các thông số SO_2, NO_2 và PM_{10} đã giảm tương ứng từ 93.3%, 37.8% và 55.3%.

Nhằm hiểu rõ hơn về quá trình kiểm soát ô nhiễm không khí ở Bắc Kinh và đưa ra những bài học kinh nghiệm cho các thành phố đang phát triển, Báo cáo tổng hợp về 20 năm hành động vì không khí sạch ở Bắc Kinh được Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) thực hiện, tập trung vào những điểm kiểm soát then chốt và các nguồn ô nhiễm chủ yếu.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ HIỆU QUẢ

Để quản lý chất lượng không khí, một hệ thống tổng hợp và luôn được cải thiện đã được thực hiện trong suốt 20 năm qua. Hệ thống này được đặc trưng bởi việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế luật pháp và cưỡng chế thực thi có hiệu quả; lập kế hoạch hệ thống; đưa ra các tiêu chuẩn/quy chuẩn địa phương; tăng cường năng lực hệ thống quan trắc; nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường.

Công cụ kinh tế và các hỗ trợ tài chính: Bắc Kinh đã dần thiết lập một loạt chính sách kinh tế môi trường địa phương, bao gồm công cụ về trợ cấp, phí, giá và các công cụ tài chính khác, để khuyến khích về kinh tế. Cùng với đó là việc tăng mức chi cho các hoạt động kiểm soát ô nhiễm không khí, đặc biệt sau năm 2013, chính quyền đã thể hiện rõ tham vọng trong kiểm soát ô nhiễm không khí.

Hệ thống quan trắc chất lượng không khí hiệu quả: Từ năm 1980, Bắc Kinh bắt đầu xây dựng hệ thống quan trắc chất lượng không khí (AQM). Đến năm 2013, đã có 35 trạm quan trắc chất lượng không khí ngoài trời được lặp đặt trên toàn Bắc Kinh, có thể đo kiểm được chất ô nhiễm chính như thông số bụi mịn $PM_{2.5}$ và O_3. Năm 2016, kết hợp các công nghệ tiên tiến như viễn thám vệ tinh và radar laser, một mạng lưới quan trắc chất lượng không khí tổng hợp mới đã được thiết lập. Mạng lưới kiểm soát bụi mịn $PM_{2.5}$ ở Bắc Kinh đã sử dụng tới trên 1.000 thiết bị, rải khắp thành phố để nhận diện chính xác khu vực và thời gian phát thải cao.

Giảm phát thải từ các nguồn đốt than đá: Đốt than là nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí chính ở Bắc Kinh trong thời gian qua. Thành phố đã liên tục thúc đẩy kiểm soát cuối đường ống và điều chỉnh cấu trúc năng lượng trong vòng 20 năm qua, tập trung vào các nhà máy điện, nồi hơi đốt than đá và sử dụng than dân dụng, đồng thời kiểm soát các nguồn ô nhiễm, đã đem lại những tiến bộ đáng kể. Cụ thể như các nhà máy nhiệt điện than, Bắc Kinh đã thực hiện chính sách chuyển "than đá sang ga" từ năm 2005 và giảm lượng than đốt gần 11 triệu tấn vào năm 2017. Các thiết bị xử lý khí thải hiệu quả cao liên tục được cải tiến và tiêu chuẩn phát thải thấp bắt buộc áp dụng trong giai đoạn này. Đến năm 2017, mức phát thải $PM_{2.5}$, SO_2 và NO_x đã giảm tương ứng 97%, 98% và 86% so với 20 năm trước đây, đem lại những lợi ích đáng kể cho môi trường và sức khỏe con người .

Kiểm soát phát thải phương tiện giao thông: Ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm từ các phương tiện giao thông là một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc kiểm soát ô nhiễm không khí ở Bắc Kinh. Tập trung vào các phương tiện mới, phương tiện đang sử dụng và chất lượng nhiên liệu, Bắc Kinh đã thực thi một loạt các tiêu chuẩn phát thải địa phương và biện pháp kiểm soát tổng hợp, cũng như tăng cường kiểm soát hệ thống giao thông và sử dụng các đòn bẩy kinh tế. Khung chương trình tổng hợp "Xe - Nhiên liệu - Đường" được xây dựng. Quan trọng hơn, một hệ thống vận tải công cộng quy mô lớn đã được xây dựng và vận hành, cho phép người dân dần dần hình thành thói quen sử dụng phương tiện xanh và ít phát thải các bon.

Kiểm soát ô nhiễm chuyên sâu: "Kế hoạch hành động vì không khí sạch Bắc Kinh 2013-2017" là một chương trình kiểm soát có hệ thống và toàn diện. Năm 2017, chỉ số bụi mịn $PM_{2.5}$ trung bình

▲ *Ô nhiễm không khí ở Trung Quốc*

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ:

Khoảng 7 triệu người trên toàn thế giới chết sớm mỗi năm do ô nhiễm không khí, trong đó có 4 triệu ca tử vong xảy ra ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

92% người dân trên toàn thế giới không được hít thở không khí trong lành.

Ô nhiễm không khí gây thiệt hại cho nền kinh tế toàn cầu 5 tỷ đô la.

Ước tính ô nhiễm ôzôn trên mặt đất sẽ làm giảm 26% năng suất cây trồng chủ lực vào năm 2030.

năm đã đạt mức 58μg/m^3- giảm 35.6% so với năm 2013, đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng không khí. Bên cạnh đó là các biện pháp kiểm soát nồi hơi đốt than, nhiên liệu sạch trong dân dụng và tối ưu hóa cơ cấu công nghiệp. Trong thời gian từ năm 2013-2017, phát thải SO_2, NO_x, VOCs và $PM_{2.5}$ giảm tương ứng với tỷ lệ 83%, 43%, 42% và 55%.

Phối hợp trong kiểm soát ô nhiễm: Bên cạnh việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí trên địa bàn, Bắc Kinh đã tích cực tìm kiếm các giải pháp hợp tác trong kiểm soát ô nhiễm không khí với khu vực xung quanh. Cuối năm 2013, Bắc Kinh đã chủ trì việc thành lập cơ chế hợp tác ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm không khí ở Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc và khu vực xung quanh với sự hỗ trợ từ Hội đồng Nhà nước Trung Quốc. Năm 2017, Bộ BVMT đã xác định 28 thành phố ở Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc và khu vực xung quanh là kênh vận chuyển ô nhiễm không khí. Nhờ có kế hoạch hợp tác, tiêu chuẩn thống nhất, các ứng phó khẩn cấp, chia sẻ thông tin mà chất lượng không khí của cả khu vực được cải thiện đáng kể. Chỉ số bụi mịn $PM_{2.5}$ trung bình năm của Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc và khu vực xung quanh đã giảm gần 25% trong thời gian từ năm 2013-2017.

KINH NGHIỆM, THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

Sự cải thiện chất lượng không khí đáng kể này đã được thực hiện dưới sự phát triển kinh tế và xã hội của thành phố. Trong vòng 20 năm qua, GDP của Bắc Kinh được duy trì ở mức tăng trưởng trên 6,5% mỗi năm, và tăng tổng cộng là 10,8 lần. Năm 2017, chỉ số GDP trên đầu người đã vượt mức 20 ngàn đô la. Trong khi đó, cường độ năng lượng chỉ số phát thải CO_2 trên một đơn vị GDP (kg CO_2/10.000 tệ) có xu hướng giảm. Các hành động vì không khí sạch đã góp phần phát triển bền vững kinh tế, xã hội chất lượng cao. Lĩnh vực môi trường, bao gồm các dịch vụ quan trắc, kiểm soát ô nhiễm, tư vấn kỹ thuật liên tục phát triển cùng với các chiến dịch kiểm soát ô nhiễm tăng cường ở Trung Quốc. Tổng sản lượng của ngành môi trường đạt tới 1,35 tỷ nhân dân tệ trong năm 2017 với hơn 20% số đó là đóng góp từ các doanh nghiệp môi trường ở Bắc Kinh (Hiệp hội BVMT Trung Quốc, 2018). Công nghiệp môi trường là ngành được ưu tiên phát triển ở Bắc Kinh và đang tạo ra nhiều cơ hội việc làm.

Mặc dù tính chất phức tạp của ô nhiễm không khí ở Bắc Kinh có đặc thù riêng theo tiến trình phát triển của thành phố, tuy nhiên, thành tựu đạt được về kiểm soát ô nhiễm không khí có thể đóng góp cho cấu trúc quản lý đô thị ở một khía cạnh nào đó có tính tương đồng. Có thể nói, chìa khóa cho sự phát triển bền vững địa phương là cam kết mạnh mẽ, mục tiêu rõ ràng, được hỗ trợ bởi công cụ luật pháp, chính sách, kế hoạch và cưỡng chế tuân thủ có hiệu quả. Ngay cả khi chất lượng không khí đã có sự cải thiện đáng kể, Bắc Kinh và các khu vực xung quanh vẫn phải đối mặt với áp lực và thách thức về kiểm soát ô nhiễm không khí trong thời gian tới. Năm 2017, chỉ số bụi mịn $PM_{2.5}$ ở Bắc Kinh vẫn cao hơn 66% so với tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh của Trung Quốc

và thậm chí còn cao hơn nhiều so với tiêu chuẩn khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới (10μg/m^3 đối với $PM_{2.5}$). Hơn nữa, chỉ số ôzôn (O_3) vẫn chưa được kiểm soát một cách có hiệu quả trong những năm gần đây. Sự cải thiện liên tục của môi trường không khí vẫn cần những nỗ lực không ngừng nghỉ và nỗ lực lớn hơn trong tương lai.

Các lựa chọn tiếp theo cho tương lai: Cân nhắc kiểm soát tổng hợp ô nhiễm bụi mịn $PM_{2.5}$ và O_3; Tối ưu hóa cấu trúc năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả đồng thời với sự phát triển các bon thấp, nhằm đạt được cả mục tiêu về chất lượng không khí và ứng phó biến đổi khí hậu; Thực hiện kiểm soát phát thải phương tiện giao thông và tối ưu hóa cấu trúc giao thông đô thị nhằm xây dựng hệ thống giao thông ít phát thải và hiệu quả cao; Tăng cường hợp tác giữa Bắc Kinh - Thiên Tân - Hà Bắc và khu vực xung quanh; Tích hợp các mục tiêu môi trường của thành phố với các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

Với những nỗ lực và thành công của Trung Quốc trong kiểm soát ô nhiễm không khí, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc UNEP đã chọn Trung Quốc là nước chủ nhà tổ chức chuỗi hoạt động kỷ niệm Ngày Môi trường thế giới năm 2019 chủ đề "Ô nhiễm không khí" với thông điệp "Không thể ngừng thở nhưng chúng ta có thể làm cho chất lượng không khí tốt hơn để thở". Thông qua chủ đề này, UNEP mong muốn các chính phủ, ngành công nghiệp, cộng đồng và cá nhân cùng nhau phát triển năng lượng tái tạo, công nghệ xanh, cải thiện chất lượng không khí ở các thành phố và khu vực trên toàn thế giới. Với việc đăng cai tổ chức Ngày Môi trường thế giới năm 2019, Trung Quốc có cơ hội để chia sẻ những kinh nghiệm tốt, sáng kiến và tiến bộ đạt được, hướng tới một môi trường trong sạch hơn■

Độc đáo "Làng chai nhựa" ở Panama

Hiện nay, các sản phẩm nhựa và túi ni lông là những vật dụng phổ biến trong đời sống sinh hoạt của con người. Sự ra đời của các sản phẩm từ nhựa và ni lông mang lại các tiện ích, nhưng nó cũng chính là tác nhân gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người. Do đó, nhiều nước trên thế giới đã và đang có nhiều giải pháp tái chế rác thải nhựa, đặc biệt, ngôi làng sinh thái có tên gọi "Làng chai nhựa" là tác phẩm độc đáo từ đam mê của doanh nhân Robert Bezeau, người Canađa là ví dụ điển hình cho việc tái sử dụng hiệu quả rác thải nhựa.

HỆ LỤY TỪ NHỮNG CƠN SỐT MÙA DU LỊCH

Panama là một quốc gia thuộc Trung Mỹ, dân số khoảng 3.629.000 người, nổi bật với kênh đào Panama, nối Đại Tây Dương với Thái Bình Dương. Panama có chung biên giới với Costa Rica ở phía Tây Bắc, Côlômbia ở Đông Nam, biển Caribe ở phía Bắc và Thái Bình Dương ở phía Nam. Đây là nơi cư ngụ của những người đa sắc tộc, đa văn hóa, phần lớn dân số có tổ tiên lai tạp giữa người bản địa và châu Âu.

Panama được thiên nhiên ưu đãi nhiều cảnh quan tuyệt đẹp với những nét văn hóa lịch sử thú vị, nằm trên vùng biển Caribe, thu hút đông đảo du khách đến nghỉ dưỡng. Đây là nơi có giá trị đa dạng sinh học caobậc nhất trong vùng biển Caribe với 9 hòn đảo lớn, 50 đảo nhỏ và hàng nghìn đảo nhỏ chưa được khai thác, phục vụ cho các dự án du lịch, trong đó, Isla Colon là đảo chính thuộc quần đảo Bocas del Toro, phía Bắc Panama, là một trong những điểm đến thu hút khách du lịch nhất đất nước. Nhưng đất nước Panama không chỉ là nơi sở hữu con kênh quan trọng bậc nhất thế giới, mà còn tự hào với nhiều danh thắng tuyệt vời khác. Khu rừng nhiệt đới, biển xanh trong suốt, khu phố cổ Panama… là những địa danh du lịch không thể bỏ qua khi đến Panama. Bất cứ ai từng tới đây, được sống trong bầu không khí sôi động, tận mắt chứng kiến vẻ đẹp hùng vĩ đều đánh giá Panama là "miền đất giàu có", không phải bởi tiền của mà là "giàu" cá, cây xanh và cảnh sắc thiên nhiên. Với tài nguyên thiên nhiên rừng và biển, Panama là địa điểm lý tưởng để du khách lặn biển ngắm san hô, chim trời trong những khu rừng xanh mát. Vì vậy, du lịch - ngành công nghiệp không khói đã trở thành nền kinh tế mũi nhọn của quốc gia Trung Mỹ này.

Thế nhưng, do nhu cầu về du lịch ngày càng tăng cao, trong khi chính quyền Panama cũng như Isla Colon vẫn chưa đáp ứng được vấn đề về cơ sở hạ tầng, các dịch vụ phục vụ du khách còn nhiều thiếu sót. Cơn sốt du lịch đã có những tác động không nhỏ tới môi trường sống xung quanh, biến Isla Colon trở thành một trong những nơi rơi vào cơn khủng hoảng nhựa nghiêm trọng nhất toàn cầu, đáng chú ý là tình trạng rác thải nhựa với khối lượng khổng lồ, gây ô nhiễm môi trường và hủy hại hệ sinh thái của vùng biển Caribe. Trong một thời gian dài, chính quyền địa phương và người dân đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế rác thải nhựa nhưng không đạt hiệu quả. Mỗi năm ước tính có khoảng 100.000 du khách đến đây và để lại khoảng 1 triệu chai nhựa.

▲ *Lâu đài nhựa của doanh nhân Robert Bezeau*

TÒA LÂU ĐÀI ĐƯỢC XÂY DỰNG TỪ 60.000 CHAI NHỰA

Trong một lần ghé thăm Isla Colon, doanh nhân Robert Bezeau đã suy nghĩ về những hậu quả nghiêm trọng từ vấn nạn ô nhiễm môi trường từ rác thải nhựa và lên một kế hoạch "giải cứu" hòn đảo. Năm 2016, Robert Bezeau chuyển tới Panama sinh sống suốt 14 tháng để thực hiện Dự án Làng chai nhựa. Mục tiêu chính của Dự án là tái sử dụng rác thải nhựa bằng cách biến chúng thành vật liệu xây dựng, góp phần BVMT và sức khỏe con người. Website của Làng chai nhựa cũng phân tích những tác động tiêu cực của rác thải nhựa đến đất đai, nguồn nước và không khí… Để hiện thực hóa kế hoạch của mình, Robert Bezeau đã vận động người dân Isla Colon cùng tham gia Dự án, với việc thu gom chai nhựa từ nhà dân, các khu vui chơi, bãi biển… để làm nguyên vật liệu. Chính quyền địa phương cũng ủng hộ trong quá trình thực hiện Dự án và Bezeau đã xây dựng được làng tái chế từ chai nhựa.

Hiện nay, một tòa lâu đài 4 tầng xây dựng từ 60.000 chai nhựa bỏ đi, tọa lạc ngay trên con đường chính dẫn du khách ra bãi biển với những bãi cát chạy dài, khiến du khách không khỏi choáng ngợp trước cảnh đẹp của thiên nhiên, cùng sự hùng vĩ mà tòa lâu đài mang lại. Không chỉ mang hiệu quả giáo dục BVMT, mà những ngôi nhà trong Làng chai nhựa cũng đảm bảo được tính năng của một ngôi nhà thông thường, hòa hợp tổng quan, đảm bảo ánh sáng, độ bền cao, an toàn trong những trận lũ lụt, động đất, đặc biệt, các bức tường chai nhựa cũng được sử dụng như những chiếc phao nổi. Mỗi ngôi nhà lớn được xây dựng theo thiết kế của Bezeau cần khoảng 20.000 chai nhựa. Lớp thứ nhất gồm các chai nhựa được nhồi vào một khung lưới, sau đó bao phủ bằng một lớp thép cứng, giúp cách nhiệt cho mỗi ngôi nhà và nhiệt độ trong, ngoài ngôi nhà có thể chênh nhau tới 2°C, do đó, kiến trúc này tạo ra không gian sống thoải mái cho người ở mà không cần dùng đến điều hòa nhiệt độ. Bước cuối cùng là bao phủ các bức tường bằng bê tông. Tính cả chi phí vận chuyển, việc xây dựng toàn bộ ngôi làng bằng chai nhựa rẻ hơn so với việc sử dụng xi măng, quá trình xây dựng cũng không cần dùng đến điện. Đặc biệt, bên trong tòa lâu đài, Bezeau còn thiết kế một căn phòng gọi là "Nhà tù môi trường", nơi người dân và du khách được trải nghiệm cảm giác ngồi một mình suy ngẫm về những thói quen, hành động của mình đã gây tác hại đến môi trường như thế nào? qua đó khuyến khích mọi người cùng chung tay cứu lấy hành tinh của chúng ta, cũng như giáo dục trẻ nhỏ về tầm quan trọng của công tác BVMT. Mục tiêu tiếp theo của Bezeau là phát triển quy mô Dự án Làng chai nhựa thân thiện với môi trường tới hơn 120 ngôi nhà, trong đó có không gian để tập yoga, khu vực công viên và một gian hàng quần áo, khu nghỉ dưỡng sinh thái với vườn rau, trái cây, thảo mộc.

Có thể thấy, trước vấn nạn ô nhiễm môi trường như hiện nay, Dự án Làng chai nhựa của Robert Bezeau đã góp phần lan tỏa, giáo dục và khuyến khích các nước đang phát triển trên thế giới bắt tay vào công cuộc tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa hiệu quả, vì một hành tinh xanh■

MINH HUỆ

▲ *Các lớp chai nhựa là vật liệu cách nhiệt cho mỗi ngôi nhà*

Website: www.tapchimoitruong.vn

EDITORIAL COUNCIL
Nguyễn Văn Tài
(Chairman)
Prof. Dr. **Nguyễn Việt Anh**
Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**
Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Thế Chinh**
Prof. Dr. **Phạm Ngọc Đăng**
Dr. **Nguyễn Thế Đồng**
Assoc. Prof. Dr. **Lê Thu Hoa**
Prof. Dr. **Đặng Huy Huỳnh**
Assoc. Prof. Dr. **Phạm Văn Lợi**
Assoc. Prof. Dr. **Phạm Trung Lương**
Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**
Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**
Assoc. Prof. Dr. **Lê Kế Sơn**
Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Danh Sơn**
Assoc. Prof. Dr. **Trương Mạnh Tiến**
Dr. **Hoàng Dương Tùng**
Assoc. Prof. Dr. **Trịnh Văn Tuyên**

EDITOR - IN - CHIEF
Đỗ Thanh Thủy
Tel: **(024) 61281438**

OFFICE
● **Hanoi:**
Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing: **(024) 66569135**
Editorial: **(024) 61281446**
Fax: **(024) 39412053**
Email: **tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn**
http://www.tapchimoitruong.vn
● **Ho Chi Minh City:**
A 907, 9th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: **(028) 66814471;** Fax: **(028) 62676875**
Email: **tcmtphianam@gmail.com**

PUBLICATION PERMIT
Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:
Van Long Wetland conservation, Ninh Bình Province
Photo by: **Ninh Mạnh Thắng**
Processed & printed by:
Hải Anh Co., Ltd

Nº 5/2019

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE

EVENTS - ACTIVITIES

[8] ● MONRE and MOET sign a cooperative program on environmental protection
[9] ● Celebration of International Biodiversity Day 2019 "Our Biodiversity, Our Food, Our Health"
[11] ● Biodiversity conservation partnership forum

LAW - POLICY

[12] THU HẰNG: Seeking solutions for effective waste management in Việt Nam
[14] NGUYỄN HƯNG THỊNH: Reviewing regulations and proposing united management on solid waste management
[19] NGUYỄN THÀNH VĨNH - NGUYỄN NGỌC LINH - NGÔ XUÂN QUÝ: National comprehensive biodiversity conservation master plan to 2020 and developing a new master plan for the coming period
[22] ĐINH VIẾT HỒNG: Developing model of new rural area for Nam Đàn
[25] LÊ THƯƠNG: Hà Nội continues boosting biodiversity conservation
[27] ĐỖ THỊ HƯƠNG: Current status and solutions for solid waste management in Hải Phòng City

VIEW EXCHANGE - FORUM

[31] NGUYỄN VŨ TRUNG: National environmental protection master plan developing tasks
[34] NGUYỄN THỊ LIÊN: Some new recommendations for wastewater fee
[36] VŨ LÂN: Thoughts on Vietnamese consumption culture from banana leaves basedpackaging
[39] ĐINH XUÂN LẬP: Conserving Vietnamese special and precious aqua species
[42] NGUYỄN THÀNH TÀI: Need for united legal framework and incentive mechanisms for promoting solid waste management socialisation

GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

[44] LỆ HÀ: A professor's dedication to producing organic composts from domestic wastes
[46] HOÀNG KHANG: Meeting with a woman turning wastes into money
[47] LÊ SỸ CƯƠNG - HOÀNG KIM NGỌC: Applying science and technology in clean agriculture in Viet Nam: pressing need in 4.0 industrial revolution

ENVIRONMENT & BUSINESS

[57] PHƯƠNG LÊ: odel for environmentally friendly and high tech cantaloupe plantation of a young man from a poor area in Quảng Trị
[58] PHẠM HỒNG DƯƠNG: Waste to energy incinerator in Can Tho resolves solid waste issues and generate new and environmentally friendly energy

ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT

[60] TRƯƠNG THỊ HẬU: Environmental hygiene worker brightened at the 18th Tôn Đức Thắng prize conferring
[61] LÊ THỊ NGỌC: Hội An Town: "a sparkling spot" for plastic mitigation campaign
[63] TRẦN Cừ: Conserving endangered amphibians in Hoàng Liên National Park
[64] NGUYỄN HÀO: Restoring rare and specious ginseng in Dành Mountain

NEW RURAL AREA DEVELOPMENT

[66] ĐỖ HUYỀN: Green villages for sustainable development
[68] VŨ VĂN DOANH: Phu Yen orchards to address bare hills and contribute to new rural development
[70] TRƯƠNG THỊ GIANG: Tam Đường develops model rural areas embedded with community tourisms

AROUND THE WORLD

[72] LÊ THỊ HƯỜNG: Air pollution control in Beijing
[74] MINH HUỆ: Special plastic bottle village in Panama